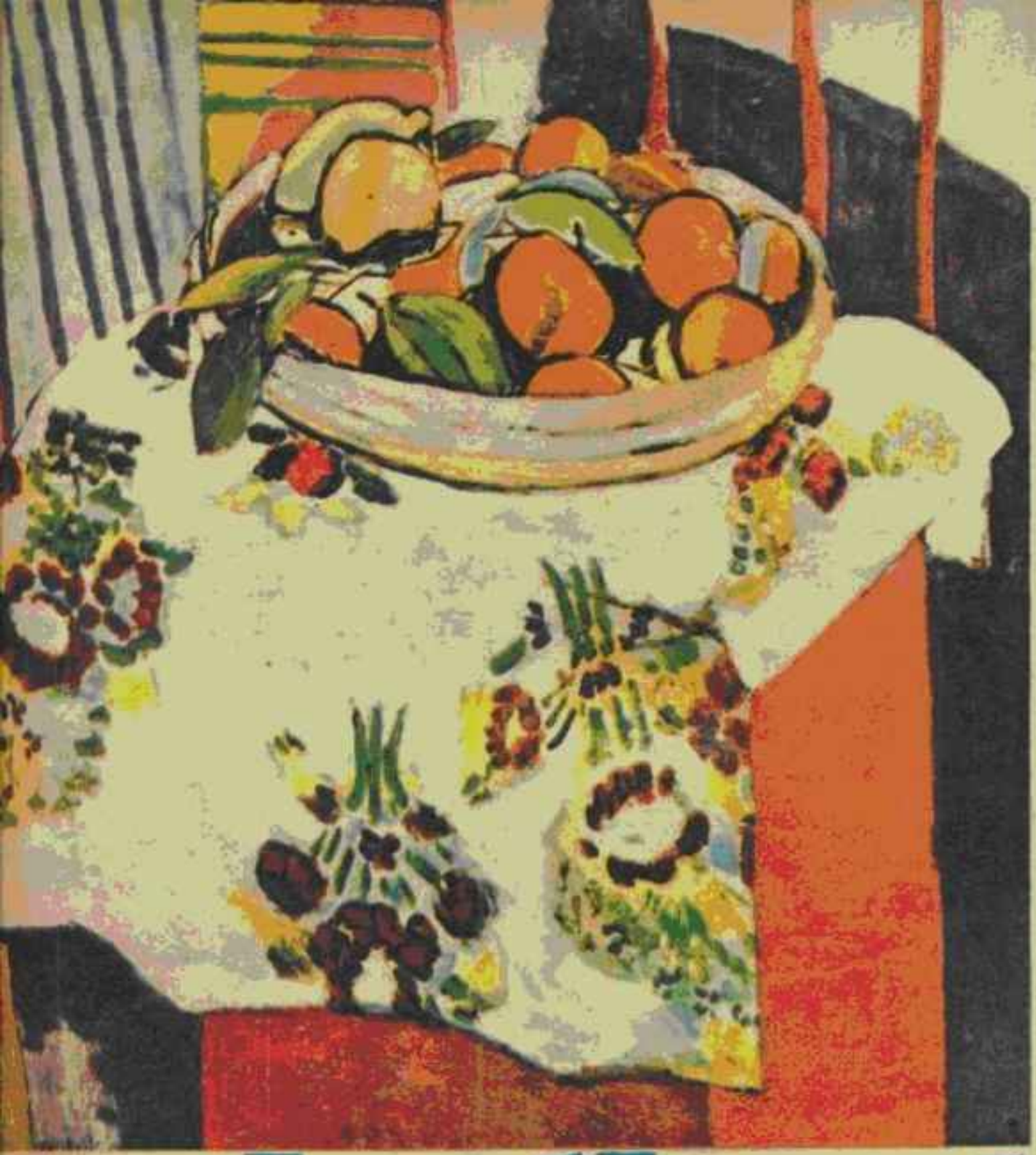

nghệ thuật

giòng sông rực rỡ mai thảo

NGƯỜI THỜI NAY VÀ SỰ CHẾT : PHẠM KIỀU TÙNG

NHỮNG BÀI THƠ CĂN BẢN CỦA CAO THOẠI CHÂU

25

nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

1

VẤN ĐỀ – NHẬN ĐỊNH

NGUYÊN SA
Nhìn rõ mặt thơ
XÍCH CHƯƠNG
Tưởng niệm Nguyễn Bính

2

THƠ — KỊCH — TRUYỆN

ĐINH HOÀNG SA
WILLIAM SAROYAN
Trái Tim
Trên Cao Nguyên
TRẦN TUẤN KIỆT
TẦN VY
ROBERT FROST
Ba Bài Thơ Tự Do

3

TRUYỆN DÀI

MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi
MẶC ĐỖ
ALAIN FOURNIER
Anh Meaulnes
SƠN NAM
Vạch một chân trời
DOÃN QUỐC SỸ
Cúi đầu

MAI THẢO
giòng sông rực rỡ
TÔ THÙY YÊN
nhà cho mướn
PHẠM KIỀU TÙNG
người thời nay và sự chết
TRUMAN CAPOTE
con bé Miriam
TRẦN ĐỨC UYỂN
những thằng mù
CAO THOẠI CHÂU
niềm tin ác quỷ
VIÊN LINH
tự sát

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

Thời sự nghệ thuật
Đi xem vở kịch
Người Viễn Khách
Thứ Mười của Nghiêm Xuân
Hồng trên sân khấu trường
Sư Phạm Qui Nhơn
Những tin ngắn văn học
nghệ thuật trong và
ngoài nước
Những người viết mới

tranh bìa kỳ này: họa phẩm Tĩnh Vật của MATISSE

Tòa soạn, Trị sự
233, Phạm Ngũ Lão Saigon
Điện thoại : 25.861

TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
TỪ NGỌC TOẢN

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT
MAI THẢO

GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI
TRẦN VĂN PHỤNG

TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN
THANH NAM

THƯ KÝ TÒA SOẠN
VIÊN LINH

năm thứ hai, số
25
tuần lễ từ 2-4 tới 8-4-1966
— GIÁ 8đ. —

Trình bày: ĐẶNG GIAO ● GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 29-7-65 KD. số 718 ngày 1-4-66 ● In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN 233, Phạm ngũ Lão

TƯỞNG NIỆM NGUYỄN BÍNH

CHÀO đời ở Nam Định, lớn lên bềnh bồng ở nhiều miền của đất nước, đúng 30 tết Ất Tỵ, tức là ngày 20 tháng 1 năm nay Nguyễn Bính đã thở hơi cuối cùng ở nơi ông đã mở mắt. Bốn mươi chín năm sống của Nguyễn Bính là bốn mươi chín năm hệ lụy với cuộc đời, lưu lạc cùng nhân thế, và dù tham gia kháng chiến 45, tập kết ra Bắc 54, cái con người của Nguyễn Bính vẫn là con người của hệ lụy. Còn gì rơi nước mắt hơn là cái tên tuổi ấy, cái hào khí giang hồ ấy, cái tình người lưu luyến chân thật ấy phổ vào thơ ca được đọc ở khắp nước trong nhiều năm, đã chỉ nhận cái giải Ba của một cuộc thi thơ ở Hanoi. Từ *Lỡ Bước Sang Ngang* (1940), *Tâm Hồn Tôi* (1940) *Hương Cố Nhân* (1941), *Mây Tần* (1942) *Một Nghìn Cửa Sổ, Gái Lầu Xanh...* Nguyễn Bính đã cùng với kháng chiến làm thơ đánh Tây, đã sống đủ những cuộc phiêu lưu khác của tâm hồn, nhưng luôn luôn là cuộc phiêu lưu lẻo đẻo, mang tấm thân bụi bặm và lướt thướt lệ nhân sinh đi theo dấu vết của những trào lưu tưởng trừng làm mới được con người. Do đó mà sau kháng chiến, ông còn làm được những tác phẩm *Những Dòng Tâm Huyết, Tiếng Trống Đêm Xuân, Nước Giếng Khơi, Trả Ta Về, Đêm Sao Sáng.*

□

Năm 1956, Nguyễn Bính xuất bản ở Hanoi tờ tạp chí Trăm Hoa, do ông làm chủ nhiệm và chủ bút. Tờ báo mang cái ghẻ lạnh thấy rõ đối với nhà cầm quyền miền Bắc. Dường như vì thế mà vào ngày 21 tháng 10 năm 1956, ông bị hành hung giữa phố Hàng Bông, một trong những con phố thương mại của Hanoi.

□

Ở Việt Nam, chưa có thi sĩ nào bán được thơ nhiều như Nguyễn Bính. Sau 26 năm xuất bản thi tập đầu, tới nay tập Lỡ Bước Sang Ngang vẫn còn được bày bán ở các tiệm sách Sàigòn, và ở ngay một sạp sách báo đường Lê Lợi, nơi chỉ bán những cuốn sách mới xuất bản, chỉ tiêu thụ những tác phẩm ăn khách. Nhìn vào thơ ông, cũng như những ấn tượng về thơ ông từ trước đến nay điều rõ nhất người ta thấy là tính chất hiền hòa và tươi mát của ca dao. Sự tự tình của trai gái, cái lỡ dở của tình duyên, những mối tình duyên xa hẳn tình dục mà là ngọt ngào và êm ái, tràn đầy trong đó những gửi gắm tâm sự và ký thác tâm hồn. *Tâm Hồn Tôi* Thơ Nguyễn Bính là những tình thư. Những lá thư lệ nhòa, nhàu nát, ấp ủ đến mòn nếp, cất kín trong lần gối thêu hay trong một tập vở. Hình ảnh rõ nhất là những dòng nước mắt nhỏ xuống trang giấy trắng theo dòng mực. Cái hương duyên, hương duyên là một ám ảnh thân thiết nhất của chàng. Nhưng mở mắt đã thấy tan vỡ, sống nhiều nhìn phụ bạc, phản bội tráo trở

■ xem tiếp trang 5

THOÁNG SỰ NGHỆ THUẬT

TRƯỜNG SƯ PHẠM QUI NHƠN
với vở kịch
Người viễn khách thứ 10
của NGHIÊM XUÂN HỒNG

Ở một thành phố mà ảnh hưởng chiến tranh sâu xa nhất như Qui nhơn, kể ra đại nhạc hội là điều hiếm có. Dân thành phố này quần quật với kinh doanh, lo kiếm «đô la» càng nhiều càng hay, đâu còn thì giờ để xem cũng như trình diễn văn nghệ. Thế mà vào những đêm 11, 12 tháng 3, nhạc hội do trường sư phạm Qui nhơn tổ chức tại hí viện Kim Khánh đã thu hút một số khán giả đông đảo. Vì uy tín của trường, hay nhạc hội là cái gì mới lạ đối với dân chúng ở đây, nhất là mấy năm sau này, khi đường giao thông bị gián đoạn không cho phép những đoàn văn nghệ từ thủ đô ra Trung.

Theo chương trình, ngoài vở kịch nòng cốt *Người viễn khách thứ mười* của nghiêm Xuân Hồng, đêm trình diễn còn xen kẽ những màn ca múa. Đây chỉ nói đến vở kịch «*Người viễn khách thứ mười*»

Nếu không lầm đây là lần đầu tiên một vở tường kịch,

xem tiếp trang 32

GUNTER GRASS

Gunter Grass, tác giả tập truyện *Cái tống*, và truyện ngắn *Tôi đi học*, đã đăng trên Nghệ Thuật, là một trong những người trong « Groupe 47 », một nhóm qui tụ hàng tháng những nhà văn Đức trẻ tuổi (trong có Uwe Johnson và Heinrich Boll) hội thảo thường xuyên về các vấn đề văn học và chính trị. Trong một kỳ tới, Nghệ thuật sẽ đăng truyện ngắn thứ hai của ông, nhan đề *giống kiến bò*, do bạn Khuất Lãm dịch

TÁC PHẨM MỚI CỦA NGUYỄN MẠNH CÔN

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vừa cho tạp chí Văn xuất bản cuốn truyện ngắn nhan đề là *con yêu con ghét*. Tập sách gồm bảy truyện ngắn của tác giả. Trong một kỳ sau, Nghệ Thuật sẽ đọc cuốn sách này nơi mục phê bình.

TRÌNH DIỄN DÂN CA VIỆT-MỸ

Hội tương trợ Đại học Quốc tế tại Việt Nam (WUS VN) đã tổ chức trình diễn dân ca Việt Mỹ tại trụ sở của hội vào tối 27-3.

Các cô Pratt, sinh viên Đại học Văn khoa Saigon và Phương Oanh đã tham dự vào chương trình dân ca này

Ngoài ra, ông Giuliano, Phó tùy viên cơ quan JUSPAO và bốn nam sinh viên Việt Nam đã trình bày các bản dân ca Việt Mỹ.

Gần 200 thích giả phần đông là sinh viên đã thưởng thức nhiều bản dân ca Việt Nam, Hoa Kỳ, và dân ca hỗn hợp Việt Mỹ.

FATRAS, TÁC PHẨM THỨ BẢY CỦA JACQUES PRÉVERT

Cuối tháng 2 vừa qua, nhà thơ Jacques Prévert cho phát hành tác phẩm thứ bảy của ông, do nhà Gallimard xuất bản. Ông cho biết đây là một cuốn sáchnhư những cuốn sách khác chỉ thêm rất nhiều hình ảnh mà thôi.

Hình ảnh trong Fatras là loại hình ghép, như được rút ra từ một phim quái đản Dracula, ví dụ như hai tấm hình « Le Divin Marquis » và « Le Chateau de Gilles ». Những bài thơ trong tập này có nhịp nhanh và dịu dàng.

PHẠM DUY ĐI HOA KỲ

Nhạc sĩ Phạm Duy đã lên đường đi Hoa Kỳ hôm thứ năm 24-3, theo lời mời của một tổ chức thanh niên Mỹ. Ông mang theo kho tàng dân ca và những bản nhạc mới nhất Trong số có những bản lời tiếng Anh, như bản Nhân Danh. Một đêm, ông đã ôm cây đàn Guitare, mặc bộ đồ nâu ống cao ống thấp, hát cho phái viên tờ Nghệ Thuật nghe nhạc bản này. Đại khái tôi còn nhớ lời như sau

Nhân danh tôi
Tôi đã giết
Đã giết 1 người

Nhân danh gia đình tôi
Tôi đã giết
Đã giết 10 người...

Nhân danh xã hội tôi
Tôi đã giết
Đã giết vạn người...

Lời hai của bản Nhân Danh cũng y như lời một, chỉ thay chữ *GIẾT* bằng chữ *CỨU*. Ông nói « giết mới cứu thì khác gì nhau »

DOSTOIEVSKY LÊN SÂN KHẤU SAIGON

Sinh viên trường Quốc gia Âm nhạc, sẽ trình diễn vở kịch «Giòng tội lỗi» tại thính đường của trường hồi 20 giờ ngày 3-4. Vở kịch trên do Hoàng trọng Miên phóng tác cuốn «Les frères Karamazov» của văn hào Dostoievsky

Giấy mời phát tại văn phòng trường Quốc gia Âm nhạc từ 19 đến 22 giờ các ngày 30, 31-3 và 1-4.

MỘT TUẦN BÁO MỚI «DÂN MỚI»

Chúng tôi vừa được tin Tuần báo *DÂN MỚI*, cơ quan Văn hóa chính trị xã-hội do ký giả Nguyễn Vạn Cường chủ nhiệm kiêm chủ bút, sẽ phát hành số ra mắt vào ngày thứ bảy mùng 2-4-1966.

Tòa soạn tại 441/34B Phan Đình Phùng Saigon.

Trọc phú tí toe bàn thế sự
Đĩ già tấp tểnh nói văn chương
Chuyến đò thân thế đưa toàn hận
Bãi cát phù sinh đổi tháp ngà
Đổi thay gớm mặt người thiên hạ
Ấm lạnh thương cho gái nỗn nà

✱

Gửi người vợ miền Nam. Nghe nói ông để lại vợ con ở Nam khi tập kết

Trong Nghệ Thuật số 3, Viên Linh đã viết một bài về tác giả *Lỡ bước sang ngang* : « Nguyễn Bính hệ lụy trong cuộc đời. » Để tưởng niệm anh, Nghệ Thuật trích đăng bên cạnh bài thơ của Nguyễn Bính khi gia nhập phong trào Nhân văn giai phẩm : bài Tỉnh Giấc Chiêm Bao.

tỉnh giấc chiêm bao

Chín năm đốt đuốc soi rừng
Vì đây ánh điện ngập ngừng bước chân
Cửa xưa mành trúc còn ngăn
Góc tường vẫn đọng trăng tân thuở nào

Làng xa, bản nhỏ, dèo cao
Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng
Anh về luyến núi thương rừng
Nhớ em đêm sáng một vừng Thủ đô

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
Thư rằng : thôi nhé đôi ta.
« Tình sao không phụ mà ta phụ tình

Duyên nhau đã dựng Trường đình
Mẹ em đã xé tan tành gối thêu »
Trăng khuya sủng núi gươm đèo
Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình,

Lửa sàn nét chữ chênh chếnh
Nép thư đến rách chưa lành vết thương
Đẫm đẫm hoa sữa lên hương
Chân anh đương bước giữa đường cái đây

Nẻo hồ, song cửa, lá bay
Sáng chưng bóng dạng bao ngày yêu xưa
Trăm năm đã lỡ hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò còn không ?

Tình cờ gặp giữa phố đông
Em đi riu rít tay chồng tay con
Nét cười âu yếm môi son
Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai...

Chín năm bão tố mưa ngày
Nước non đề có hôm nay sáng trời
Em đi hạnh phúc hồng tươi
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp sao

Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
Tiếc mà chi giấc chiêm bao một mình
Anh về viết lại thơ anh
Để cho bến mát cây xanh đôi bờ

Cho sông cho nước tự giờ
Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang ngang
Lứa đôi những bức thư vàng
Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi

Chim hồng chim nhạn em ơi
Trên nền gối cưới đời đời yêu nhau.

nguyên sa nhìn rõ mặt thơ

Với tôi, do cái nói và cái viết của bằng hữu, do những cái mở mắt, những cái cố nhìn rõ bản thân, bây giờ mặt thơ đại khái nó như thế này.

Vấn đề ghê gớm nhất trong những ngày tháng khởi đầu là vấn đề đề tài. Vấn đề lớn đó. Nó to ghê lắm, nặng ghê lắm, đốt cháy nóng ran ran. Lúc đó, vào những năm bốn lăm, bốn sáu, những năm Hà nội của trống ếch, của súng gỗ, của tản cư, thơ đến với tôi bằng cánh cửa bích báo. Đã mê Huy Cận và Xuân Diệu rồi đã say Vũ hoàng Chương, Lưu trọng Lư rồi, đã đọc Hồ Dzeanh, đã truyền tay Tố Hữu rồi, từ trước lâu hơn, nhưng bắt đầu thì bằng bích báo đấy. Cùng năm ba thằng bạn học cùng lớp tôi chạy vào đay, vào cái thế giới đam mê ấy. Chạy vao nhưng thật mau, khi đã ở trong chung tôi dừng đứng lại và nhìn. Khong được.

Mỗi đứa nói to với chính mình, rồi tất cả nói to lên với nhau, cho vững bụng hơn, là *không được*. Tôi không hiểu cái sức lửa mãnh liệt lam cho môi tay lam văn nghệ bốc lên nó như the nao nhưng tôi nghĩ rằng, với một số đang kể, tiếng nói đối kháng ấy thường hiện ra trong giai đoạn khởi đầu. Ta co cảm tưởng mơ hồ là cái văn, cái thơ đang có kia khong được. Nó hết thời rồi. Nó mất chô đưng rồi. Xụp đổ rồi. Hết rồi. Các anh có nhớ không, cách đây mươi năm, khi văn nghệ thế giới bị chieu sáng bởi nhũng rực rỡ gọi la Sartre, Camus hay S, de Beauvoir, chúng ta nhìn những La porte étroite của Gide, những A la recherche du temps perdu của Proust với những cặp mắt nói những cái nay hết thời roi, mất chỗ đưng rồi, sụp đổ rồi. Bay giờ, những người đang di chuyền trong vũ điệu gọi la *tiểu thuyết mới* chẳng hạn đứng trước những la nausée những l'étranger hay le deuxième sexe cũng dõng dạc chỉ thẳng ngón tay het roi. Vao những năm bốn mươi gần cuối ấy chúng tôi cũng ném ra nhũng mắt nhìn khong chấp nhận. Mơi đâu, sau những Tố Hữu truyền tay, sau những Xuân Diệu chuyền hướng, chúng tôi cũng *tháng tám*, cũng *độc lập*, cũng *diệt phát xít*, cũng *năm cửa ô*: Thét rồi mới nhận thấy không được bởi vì nhiều tháng tám quá, nhiều độc lập quá, nhiều diệt phát xít quá, nhiều năm cửa ô quá. Thét rồi mới thay rằng trong cái thơ có màu cờ, có súng đạn, có tên trận mạc, có tên nhà giam này, có nhiều dư âm của khẩu hiệu, có nhiều tiếng vọng của loa, của đêm khai hội, của ngày liên hoan Và chúng tôi gọi đó là *thơ múa kiếm*. Từ ngữ được ném ra bao hàm phán đoán giá trị tự nó đã nói lên đủ ý thức mong muốn đổi mới. Phải làm khác. Không thể làm cái loại thơ múa kiếm này nữa. Và cùng với ý hướng đổi nắng thay mưa, tôi mơ hồ nhận thấy rằng cái vấn đề đề tài nó quan trọng như thế đấy. Chứ còn gì nữa, làm mới, làm cho thơ khác đi, cho nó những chói sáng chưa ai mang tới, thổi vào nó hơi thở sống động chưa từng có là gì nếu không phải là khai phá những mảnh đất chưa có vết chân người, khai phá những đề tài chưa ai đề cập tới. Nói về một cái gì khác, nói về một cái gì chưa ai nói bao giờ, thế mới là thơ. Trong một lúc lâu, tưởng chừng tìm thấy rồi cái con đường đưa tới đỉnh núi thần tiên, tưởng chừng đây là đôi cánh làm cho cao hơn núi, hơn mây. Cứ việc theo con đường bắt gặp xuất thần đó, cứ việc mặc lấy đôi cánh kỳ diệu đó: Chân ta cất bước rồi, tay ta vùng vẫy rồi thì lập tức thơ trước ta sẽ mờ nhạt trong hoảng hốt và thơ sau ta sẽ khép nép trong thần phục.

Nhưng cũng như niềm hân hoan, khoái trá sau khi làm xong một bài thơ rút đi mau lắm, vấn đề lớn này, với thời gian, nhỏ dần. Một bài thơ làm xong khoái lắm. Ta đọc lên một mình, và nói lên được lắm. Thưởng cho mình một điếu thuốc lá, một cốc bia ngon. Các anh đều biết sự khoái trá này chứ gì: Nhưng cơn khoái trá chỉ vài giờ, dăm ba bữa, liền bỏ đi, các anh còn lạ gì nữa. Ý thức về nghệ thuật cũng thế. Cái sự dằn vặt, cái sự nghĩ ngợi về thơ nó cũng thế. Giống hao hao như cái anh làm tin cho nhật báo và thời sự. Nó phải chạy theo, phải bám sát lấy thời sự với những đổi thay thường trực. Sự sáng tác biến đổi không ngừng cho nên sự ý thức cũng không ngớt biến dạng. Cho nên cùng với cơn khoái về tác phẩm đã hình thành đã bỏ đi mất, tầm quan trọng của vấn đề đề tài với tôi, bỗng nhiên mang kích thước co rút. Tôi bỗng nhìn thấy con đường khác, đôi cánh khác.

Kỹ thuật, hình thức, đúng rồi kỹ thuật và hình thức mới là tất cả thơ. Trong những năm năm mươi tôi thấy cái vấn đề này nó quan trọng quá. Phải nghĩ ngợi kỹ vào chứ. Tất cả vấn đề là ở đấy. Nên chọn hình thức thi ca nào ? Cổ điển như lục bát, tám chữ hay tự do. Cổ điển còn chứa đầu hy vọng đổi mới nào ? Tự do mang sẵn bao nhiêu viễn tượng khai phá ? Nếu tự do thì tự do có một giới hạn hay là xuôi luôn? Trongnhững phạm vi nhỏ bé hơn, có những thắc mắc, tìm kiếm gọi là kỹ thuật xử dụng vần, kỹ thuật phát biểu bằng hình ảnh, ma lực của một động từ, một danh từ hay tĩnh từ dùng đúng chỗ gọi là đạt. Tôi nghĩ rằng trong thời đại của chúng ta khó lòng có nhà thơ nào không hơn một lần cố mở to mắt, cố nhìn cho rõ một hay những khía cạnh của những vấn đề đó. Những cuộc thảo luận viết về thơ tự do xảy ra cách đây sáu, bảy năm gì đó chẳng hạn đã nói lên rõ lắm nhũng nỗi thắc mắc, những dằn vặt của ý thức sáng tạo của người làm thơ khi được hướng về trọng tâm kỹ thuật. Tôi có thể, ngoài những cuộc thảo luận viết mà các anh đều biết, kể thêm một trường hợp. Nhiều người làm thơ thường thích so sánh Xuân Diệu và Huy Cận trong những cuộc bàn chơi. Một số đáng kể đã đặt cái bốc cháy của Xuân Diệu ở một mức độ sở thích thấp hơn cái cô đọng của Huy Cận. Họ lấy làm thích thú cái sự « lẫn gót trong mù » hay cái sự « tiếng còn tịch liêu » hơn là cái sự « em không lấy và tình anh đã mất ». Sự so sánh này nói lên cái gì nếu không là nỗi thắc mắc sự nghĩ ngợi sự dằn vặt ý thức về kỹ thuật, về hình thức của thi ca.

Trong những năm đầu sáu mươi, đến gần đây, chúng tôi ít bàn cãi với nhau về kỹ thuật, về tự do hay không tự do. Không phải vấn đề đã thanh toán xong, bài toán đã giải đáp Sự nghĩ ngợi về những vấn đề lớn chẳng bao giờ hết. Chẳng bao giờ người làm thơ hết thắc mắc về đề tài, hết lo âu về kỹ thuật nhưng có lúc đề tài nổi hơn trong ý thức, có lúc kỹ thuật rực sáng. Trong những

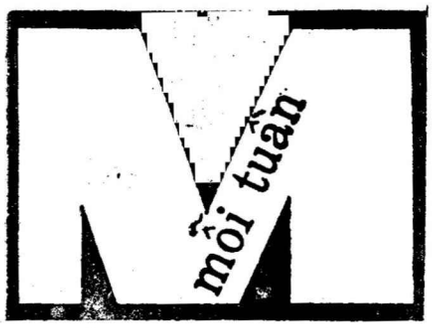

TIẾNG NÓI MỘT TÁC GIẢ

ngày tháng của những năm đầu sáu mươi cái gọi là cứu cánh của nghệ thuật đã làm chúng tôi mệt nhoài người. Tại sao đột nhiên lại hoảng hốt hỏi to : thơ để làm gì ? Nó là một cuộc chơi, một trò đùa hay nó vác trên vai sứ mạng lớn ? Vấn đề mà Malherbe đã bàn rồi, V. Hugo đã cất tiếng, Beaudelaire đã cố thanh toán, tiền chiến đã cho ý kiến, Sartre và Camus đã góp thêm vài lời, chúng tôi còn gì để mà tìm kiếm nữa. Liệu có tìm được gì nữa không, có vẽ ra được một giải đáp mới lạ nào không, chúng ta sẽ tính lại sau, bây giờ hãy biết có cái vấn đề ấy đấy. Có thể cái thực tế bom đạn, đè trên vai nặng quá, cái khuôn mặt chết chóc làm giấc mơ đục ngầu lên mất rồi, cái sự sa sút của đất nước đập vào trán, chém vào vai như đá tảng, dạo bầu cho nên chúng tôi bớt kỹ thuật và đề tài để cất tiếng : viết để làm gì ? Thơ của ta, rút lại, làm được cái trò chống gì ? Đổi thay được thế giới không ? No la thần dược để hồi sinh hay chỉ là ly nước lạnh vô thưởng vô phạt ? Bây giờ nhìn thêm một lần nữa những dẫn vặt này, tôi thấy bình tĩnh hơn. Tôi thấy những quãng đường mà ý thức đã bay qua kể ra tốt đấy. Không thể không bay qua những khu rừng, những mặt biển ấy. Đề tài thơ, kỹ thuật thơ, hình thức thơ, cứu cánh thơ được lắm, được lắm ! Nhưng trong cơn bay vội vã, hối hả đuổi theo hứng khởi vứt đi của sáng tạo, ý thức không tránh được sự rời rạc, sự phân tán. Bây giờ cần phải bay lại một lần nữa. Phải đoan tụ lại những cái nhìn rời rạc và phân tán. Có thể làm được sự họp mặt đó. Và khi thử, tôi thấy rõ rằng tất cả mọi vấn đề đều có liên hệ với nhau thật là chặt. Bởi vì, tất cả mọi vấn đề nội dung và hình thức, kỹ thuật cũng như cứu cánh đều được xây trên một nền tảng chung mà tôi gọi là *bản chất thi ca*. Đúng thế. Vấn đề bản chất của thơ chi phối khá nhiều đề tài thơ, kỹ

● Xem tiếp trang 34

CAO THOẠI CHÂU

trong cõi trời mơ ước

hát với ta đi bầy chim mùa hạ
từ hỏi đảo về đậu bên cửa sổ
làm thức bình minh líu lo líu lo
vòng mắt nhung tròn xanh biếc
hat đi nghe bầy chim đáng yêu

hát đi nghe chân trời mỏi cánh
những hoàng hôn mây đuổi theo chim
hát đi nghe dẫu chỉ một lần
những rạng đông biển êm như lụa
buổi sáng đó đã vô tình mở ngỏ
nỗi bập bềnh tháo chạy trong ta

hát đi nghe hát cho quê hương
chồi non nhảy múa trên cành biếc
hát đi chim lòng ta háo hức
theo chim về buổi sớm mong manh
hát đi nghe chiếc cổ mượt tròn
hát đi nghe khoảng không gian đó
chim bay qua như một thiên thần
đôi cánh nhỏ vòn tung nỗi nhớ
mắt lệ mờ trong giấc ngủ bình yên

hát đi nghe bầy chim mùa hạ
lòng la đang phơi phới mong chờ
từng ngón nhẹ núp mình sau kẽ lá
đợi chim về trong vóc dáng say sưa

ngủ ngoan đi hỡi bầy chim mùa hạ
trong cõi trời mơ ước của lòng ta.

■

niềm tin ác quỷ

một buổi sáng thu hình trong quán nước
cùng với anh là ly cà phê
và một chút ăn năn
đó là niềm tin ác quỷ

khi sự sỉ nhục lớn lên khủng khiếp
chúng nguyền rủa anh những lời rất tục
và cô đơn kết thành trái chín
đó là sự chết

nỗi nhiệt cuồng mọc từ hãi hùng
thành gai nhọn cắm vào da thịt
thành khói thuốc cắt đôi khuôn mặt
đó là tình yêu

anh vào đời bằng những viên cuội nhỏ
chúng xui anh xếp thành tượng đá
rồi cúi đầu khep nép
đó là sự nghiệp

anh dấn mình vào hang sâu qùy bên chó sói
rống lên như loài heo bị chọc tiết
chúng nhai xương anh ròn như que củi
đó là sự thật không được nói tới

đó là những điều không thể nói cho em
những điều không thể viết trong thư tình
những điều không thểchụp thành phim ảnh
những điều đã tạo nên cuộc đời anh

■

giòng sông rực rỡ

PHÍA đông bắc của thành phố này, mày biết không, có một vùng trời đất đêm ngày nguy nga, ở đó ngày cũng như đêm, đất bốc hao quang, nước dồn ánh sáng, những cuộc đời hèn mọn của cỏ bờ cũng lóng lánh kim cương, và đêm nào thì cũng là sự kỳ diệu hân hoan của sao trời xa xố hằng hà muôn phương họp mặt. Ở đó, mày biết không, ngày cũng như đêm, mỗi thước không khí là một phiến ngực trần chói lọi thở, gió và nắng chan hòa lẫn lẫn, ở đó là niềm kiêu hùng vạm vỡ cuối cùng của tạo vật, và tất cả, như thế, chỉ bởi vì có một giòng sông rực rỡ chảy qua. Ngày xưa hoang đường và hằng cửu bình yên có lẽ ẩn náu ở đây, dưới thăm thẳm đáy cùng của giòng sông rực rỡ. Có lẽ. Mày, tao đi đây. Đã hết ngạc nhiên, thôi chẳng đợi chờ, cười ngất vào cuộc đời phi lý, cất bổng mình bay, tao đi đây. Như một cây pháo thăng thiên, cưỡi lên một ngọn gió khinh thanh xa thổi ngoài đời, trong di động thần tốc nhân ảnh thấp thoáng, một thân một mình, một về một hết, vô tận ơi nguy nga, vô cùng ơi rực rỡ, một biển hân hoan, một trời ngây ngất, tao đi đây *Đêm hỏa táng trần tâm cõi đời nghiêng đồ thịt xương ơi*, người đi rồi đây. Tao sinh ra, không nợ một kẻ nào. Vay một, trả một. Từng đồng, từng đồng, sòng phẳng từ phút đầu cho tới phút chót, và tao đi đây. Đảo mình, nghiêng thân, hóa thành một trận lốc. Nghe đâu đó, tiếng cồng kình dị đã chấm dứt trên một võ đài nào. Dướn lên, thoát đi, định mệnh chỉ là một động tác của thân thể. Vút một cái, mũi tên vàng bay đã cắm đúng điểm hồng tâm. Nhớ trả chiếc chìa khóa buồng tao mày giữ cho thằng chà và. Đời mày hình như lúc nào cũng phải leo những bực thang, qua những hành lang, có một cái chìa khóa. Hãy cố gắng tìm kiếm cho đời mày một chiếc chìa khóa mới, trong giây chìa khóa của những thằng còn lại.

●

Anh Vũ Xuân là một tư chức, kiểu mẫu và điển hình. Những người chung một hành lang với anh, đã gặp tôi, đã bảo với tôi như thế, sau đêm anh đóng cửa, xuống đường, cười ngất như anh nói, và đến với giòng sông rực rỡ của anh ở phía tây bắc thành phố. Tôi không nghĩ đến cái chết bao giờ, kể cả cái chết phải nghĩ đến nhất là sự tự mình tìm đến với nó. Cho nên tôi đã ngạc nhiên vô kể về sự anh Vũ Xuân có một giòng sông rực rỡ là nơi anh đã lựa chọn để ra khỏi cuộc đời này. Con người anh, mà tôi biết, không có một dấu hiệu gì về sự lựa chọn khốc liệt, ở anh Vũ Xuân, lựa chọn này nhẹ thênh như tham dự một trò chơi rồi từ bỏ một trò chơi không mảy may luyến tiếc.

Tôi đang ngồi một mình trong căn buồng khách sạn của Vũ Xuân đây, nơi anh chỉ cho phép tôi từ đêm hôm đó, được lui tới nhất định một tháng hai lần, cách một tuần lễ một lần, chín giờ tối, ngày thứ sáu, với cuộc hành lạc giải quyết sinh lý kéo dài đúng nửa giờ, lần nào cũng vậy, không hơn không kém. Đêm hôm đó! Tôi nhìn lên cây dù đen vẫn treo ở chỗ cũ, cạnh cái giá sách, gần cửa sổ ngó xuống sân sau khách sạn, và tôi nhớ lại được như in, đêm hôm đó, tôi thấy anh Vũ Xuân lần đầu. Dễ đã khuya. Mười hai giờ đêm, một giờ sáng, không chừng. Từ trong cuối đáy ngõ hẻm, ở đó có một nhà chứa và tôi là một món hàng của nhà chứa ấy, đi ra, tôi bước những bước mỏi nhọc rã rời trên hè đường, đoạn đường đi khách bao giờ cũng là đoạn đường chán nản nhất. Chủ chứa không cho tiền xe, tôi phải đi bộ. Con đường Hiền Vương vắng lặng chỉ có tôi và hai người đàn ông đi trước tôi chừng ba thước. Một người tầm thước, không có gì đáng nói. Người kia lùn, mặc một cái quần soóc ngắn cũn cỡn, hai bắp chân nặng nề ngắn chũn. Tay y cầm một cây dù đen. Tôi hừ một tiếng, đồ quê mùa gàn dở, đêm không mưa không nắng cũng mang dù y vừa đi vừa nói chuyện, hai chân lạch bạch hối hả, cây dù chống xuống mặt nhựa lộc cộc làm nhịp cho bước chân, tuy tôi chỉ nhìn thấy từ sau lưng, nhưng y quả thực là một hiện thân hoàn toàn của hồn nhiên vui sướng, bởi vì, vài bước, dăm bước, lại nghe thấy y ngửa cổ cất tiếng cười vang động cả con phố về khuya tĩnh mịch. Gã đàn ông béo mập, mang dù tôi gặp đêm đó trên đường Hiền Vương là Vũ Xuân.

Đến ngã tư Hiền Vương-Hai Bà Trưng, người bạn đi thẳng, Vũ Xuân vung dù rẽ về tay mặt, hóa ra y đi cùng một hướng với tôi, đến cùng một nơi với tôi, chúng tôi cùng đứng lại trước khách sạn ba tầng và cùng đi thẳng vào cầu thang. Theo thói quen của nghề nghiệp, tôi vượt thật nhanh trên những bực thang, như bao giờ tôi cũng đi thật nhanh qua những vùng ánh sáng. Bước rảo và vượt Vũ Xuân tôi đã lên tới tầng lầu thứ ba, mà ngó xuống, cái sự béo mập ì ạch chống dù vẫn chưa lên tới tầng lầu thứ nhì. Hãy nhìn Vũ Xuân chống dù, hãy nhìn Vũ Xuân đi lên. Anh Vũ Xuân đã qua khỏi bờ bên kia giòng sông rực rỡ của anh. anh trở thành một sự kỳ lạ khó hiểu, anh chết rồi, anh mới hiện rõ, và em đang thấy anh đây, anh là một người, anh là Vũ Xuân, anh đang chống dù, đánh vật với từng bực thang, và đi lên. Thoạt trông lúc đó, sao cái dáng đi vất vả lạ thường. Bây giờ nhớ lại mới thấy là trong cái lạ thường vất vả ấy có cái lạ thường nhàn nhã ung dung, như thế, anh Vũ Xuân cầm dù đi hứng gió, anh Vũ Xuân cầm dù ung dung trở về, anh sống ung dung từng bậc thang đi lên, anh chết ung dung từng bước ì ạch mà thảnh thơi, nặng nề mà siêu thoát trên con đường đưa anh ra ngoại ô gió thổi, đến với vùng hào quang của giòng sông rực rỡ.

Tôi liên hệ với Vũ Xuân ngay từ đêm đó. Kể đến tận nhà chứa, hẹn chủ bắt tôi đến, đi vắng. Cửa buồng y đóng im im. Bên trong tối đen. Tôi rời tay gõ cửa, vừa quay lại, định đi xuống, đã thấy Vũ Xuân đứng đó tự

truyện ngắn

mai thảo

bao giờ. Thì ra buồng anh ta đối diện với căn buồng tôi tìm đến. Cửa buồng mở thật rộng, tầm mắt thấu xuốt được toàn thể diện tích bên trong. Cái sự béo mập lúc đó đã trút gần hết quần áo, Vũ Xuân chỉ còn mặc độc một cái quần cụt, cạp quần căng phồng chung quanh cái bụng mỡ tròn hoay. Vũ Xuân đứng đó, ngó tôi, tựa lưng vào thành cửa, mỉm cười, y mỉm cười ngó tôi, ung dung không thể nào tả được. Nhìn Vũ Xuân lúc đó, chỉ có tôi và y đứng nhìn nhau giữa hành lang khách sạn dài thẳm, y đứng giữa một nền ánh sáng, tôi nghĩ đến một con bò mộng, không hiểu tại sao lại lên được tới từng lầu ba một khách sạn, đứng đó với hai chân, và cười nói như người. Rồi y cất tiếng cười, tiếng cười hềnh hệch, vang động, tiếng cười đã vang động con đường Hiền Vương ban nãy.

— Đi vắng hả ?

Tôi hừ một tiếng tức bực :

— Cửa đóng tức là đi vắng chứ sao ?

— Về ?

— Về chứ sao ?

— Vào đây.

Con bò mộng vẫn cười, cười vang động, khi cánh cửa buồng đóng sầm lại sau lưng chúng tôi.

Từ đêm đó, tôi nghiễm nhiên trở thành một vật lưu dụng lâu dài của Vũ Xuân, tôi đến với anh ta như anh ta đã dặn dò không cho phép làm khác, hai lần một tháng cách một tuần lễ, chín giờ tối, để giải quyết sinh lý, mỗi lần ở lại nửa giờ, không sai lạc, không hơn kém bao giờ. Đời anh có chuyện gì lạ lùng ghê gớm không ? Không. Anh có nhớ thương ai bao giờ, đã từng đau khổ ? Không Anh đã lập gia đình chưa, anh Vũ Xuân. Cười lớn. Tên. thật anh là gì? Vũ Xuân. Không. Cười lớn .Cười vang đông Không. Và cười thật lớn, cười vang động. Hồn nhiên, vô tư, gần như dần độn như thế, anh Vũ Xuân, làm sao em tin, em ngờ được rằng anh đã có một giòng sông rực rỡ ở phía đông bắc thành phố này, ở đó, đất bốc hào quang, nước dồn ánh sáng, những cuộc đời hèn mọn của cỏ bờ cũng lóng lánh kim cương, và đêm nào thì cũng là sự kỳ diệu hân hoan của sao trời xa xố hằng hà muôn phương họp mặt. Trở thành một vật lưu dụng của anh, Vũ Xuân không nâng tôi lên địa vị một người tình đâu, mọi ảo tưởng lãng mạn về điểm này đối với Vũ Xuân đều là một ngộ nhân lố bịch được đính chính tức thì, anh chỉ đặt tôi ngang hàng những đồ vật có từng vị trí thực tiễn rứt khoát trong đời anh, và như thế mãi mãi, cho đến khi giòng sông rực rỡ gọi anh, anh đến với nó, nhưng đồ vật lưu dụng vẫn nằm nguyên vẹn ở chỗ cũ, như tôi vậy. Cái dù treo lên tường. Cái tẩy mòn vẹt hai đầu Cái bút chì xanh đỏ, hai đầu vót thật tròn, thật nhẵn Miếng thủy tinh hình lục lăng để chặn giấy khỏi bay những đêm gió lớn đập như bão vào những bờ tường khách sạn. Vũ Xuân nói tao đi đây, và mọi vật lưu dụng của Vũ Xuân vẫn nằm đó, im phắc, không sáo trộn. Cái tẩy, cái bút chì, miếng thủy tinh chặn giấy kia, và tôi, mọi người vẫn có thể dùng. vật thể truyền từ tay một người này sang tay một người khác là đã có một hình thù mới, một định mệnh mới. Tôi ngồi đây. đêm nay, trong căn buồng anh Vũ Xuân đã bỏ đi, tôi thấy tôi như cái tẩy, cái bút chì, sự rửng rưng của Vũ Xuân qua liên hệ sòng phẳng và vô tính đối với kẻ khác và kẻ khác chỉ còn là đồ vật. Thốt nhiên tôi rùng mình. Thằng béo mập, cầm dù, hành lạc trong sáng suốt chừng mực khả ố, mày thật ghê gớm. Trên giòng sông rực rỡ chảy qua phía đông bắc thành phố, tiếng cười vang động của Vũ Xuân đang nổi lên.

●

Xác anh nổi lên vướng vào cái bến đá sau lưng một trại binh. Hai chân anh dựng đứng, chụm lại, bị trói chặt bởi một đường giây thép gai bao bọc khu cấm địa. Bên này hàng rào thép gai là một bãi mìn. Em chưa xin được thằng đàn ông nào một chiếc chìa khóa mới : Đừng lo cho em. Leo cầu thang, qua hành lang, khi thân thể còn là một ngân hàng ham muốn, xin một chiếc chìa khóa khó khăn cái quỷ gì. Nhưng anh tao đi đây, mày lầm rồi, anh thấy chưa, xác anh đã nổi lên, đã vướng vào cái bến đá ấy của một trại binh kia, anh nào đi được. Tội nghiệp cho anh. Trưa hôm qua, người trưởng đồn đã cho lính kéo lết cái xác trần truồng của anh lên bờ, ném lên một cái xe, chở qua cầu, trả lại cho thành phố.

Cười nữa không, Vũ Xuân, cười nữa đi, còn cười được nữa không, Vũ Xuân ? Đi dễ dàng, về yên ổn như thế, chó cũng về được. Cái tẩy. Cái bút chì. Cái dù đen, ở trên tường, ở chỗ cũ. Anh cũng không hơn gì cái tẩy, cái bút chì, cái dù đen, ở trên tường, ở chỗ cũ. Tôi đã đến nhìn mặt Vũ Xuân một lần cuối cùng ở nhà xác. Thân thể anh chương phình, nhiều chỗ tím bầm lại như dấu tích của những vết đạn ghim vào da thịt. Nhẹ thoát hình hài, tao đi đây, Vượt tường nhà giam và phát đạn bắn theo. Mũi tên vàng bay trúng điểm hồng tâm. Anh Vũ Xuân, tôi là một con điếm, tôi sẽ duy trì tôi là một ngân hàng ham muốn, tôi sẽ có một chiếc chìa khóa mới như một liên hệ khốn nạn với đời, nhưng vô ích lắm, cái việc tôi cũng sẽ như anh, tìm kiếm ở phía đông bắc thành phố này một giòng sông rực rỡ.

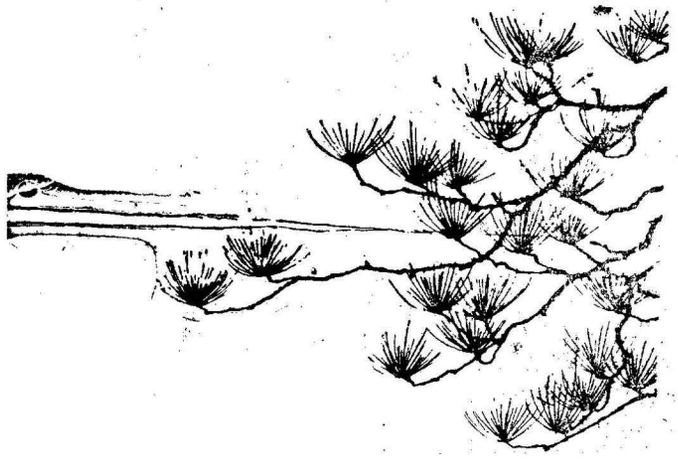

NGƯỜI THỜI

PHẠM KIỀU TÙNG

BAO nhiêu những suy tưởng của nhân loại, quá nhiều những nhà tư tưởng, những đạo sĩ, những hiền triết, đã trấn an con người khi dạy cho con người biết rằng mọi nỗi lo âu trước cái chết đều là vô lý, rằng mọi suy nghĩ về cái chết đều vô ích. Và nhà hiền triết hoặc một người đích thực biết suy tưởng phải biết bình thản trước cái chết sẽ tới, phải gạt bỏ những ám ảnh của cái chết ra khỏi những ý nghĩ, ra khỏi cái phạm vi suy tưởng lớn rộng là ý thức con người.

Rất nhiều những trường phái tư tưởng tuy *chống đối* nhau, nhưng đều đồng ý rằng cái chết *chẳng là gì hết*, rằng cái chết không liên quan, không *đụng chạm* gì tới thân phận người đời — La mort n'est rien pour nous, la mort ne nous touche pas.

Épicure như một tiếng nói lớn còn vọng lại : niềm sợ hãi cái chết có nghĩa gì «khi chúng ta còn sống, cái chết chưa tới, và khi cái chết tới, chúng ta không còn nữa»? (1). Spinoza hiểu rằng sự *cô đơn* như điều kiện để con người suy tưởng về sự chết. Trong nỗi cô đơn, con người đối diện với chính mình, sẽ phải suy nghĩ về cái *hư vô* sẽ hủy hoại chính mình. Nhưng theo Spinoza, thì một nhà triết học nếu là đích thực, trong nỗi cô đơn sẽ thấy mình như một cá nhân cô độc và không ai hiểu nổi, ông ta mang niềm kiêu hãnh âm thầm vì trong sự suy tưởng đó, nhà triết học gặp gỡ những *giá trị liên thiên siêu việt*, trước những giá trị nay, cái chết bé mọn với tính cách ngẫu nhiên vô thường, sẽ chẳng đáng giá gì, sẽ chẳng là gì hết. Cho nên khi tham dự vào thế giới những giá trị đó, cảm thấy mình như sống trong một cõi trời rực rỡ đầy ánh sáng của những giá trị đầy hào quang, nhà triết học sẽ *miệt thị* cái chết : còn nghĩ tới cái chết, tức là sự suy tưởng còn là thất bại vì không gặp gỡ những giá trị đó. Bởi vậy, theo Spinoza, những suy tưởng về sự chết nói lên sự *bất lực* của người suy tưởng nó, và «triết lý không phải sự suy tưởng về cái chết, mà là về đời sống» (2).

Một sự thực, là con người đã che đậy, ngoảnh mặt, trốn chạy trước cái chết. Như những con voi già trước giờ chết tìm về một nghĩa địa ẩn khuất để được chết trong nỗi cô đơn riêng tư dấu mặt. Như những nạn nhân Do thái trước giờ bị lột trần quần áo bởi những đao phủ Nazistes để bước vào phòng hơi ngạt (vào cái chết, cõi hư vô đó) đã đánh bài, ca hát. «Con người che dấu cái chết như che dấu cái bộ phận sinh dục, như che dấu những đồ cặn bã thừa thãi trong người» một nhận định của Edgar Morin (3). Tại sao che dấu? Một vấn đề : phải chăng trong rất nhiều thái độ của con người trước cái chết, còn có một thái độ là sự *hổ thẹn* trước cái chết ?). Tìm quên lãng trong việc làm, cũng là một cách thế che dấu — và cuộc đời như một cuộc *giải phiền* kéo dài (1 divertisement theo nghĩa Pascal). Hoặc tìm trong những danh vọng nhằm nuôi một ảo tưởng bất tử. Nói như La Rochefoucauld, dường như người ta không thể nhìn thẳng vào sự chết, cũng như không thể nhìn thẳng vào mặt trời.

Nhưng dù thế, nào *cái chết vẫn là một ám ảnh*. Tôi còn muốn nói rằng cái chết là nỗi ám ảnh lớn nhất của con người — cái chết chắc chắn rồi sẽ tới với mỗi người chúng ta, cái chết đang chờ đợi ở cuối đường của cuộc đời mỗi người. Trong cõi tận cùng của tình cảm sâu kín, cũng như ở cõi tuyệt đỉnh của hồn trí, con người vẫn bị ám ảnh bởi một hư vô xóa mờ cuộc hiện hữu, là cái chết. Càng che dấu nỗi ám ảnh đó bao nhiêu, càng là *xác nhận* sự hiện diện tối tăm chĩu nặng của nỗi ám ảnh đó.

Bởi nỗi ám ảnh đó, có người đã quan niệm, trên bình diện *tâm sinh lý*, rằng nơi con người còn chứa đựng một *bản năng hướng về sự chết*, instinct de mort. Đó là S. Freud. Bởi nỗi ám ảnh đó, có người đã quan niệm, trên bình diện *triết học siêu hình*, rằng cái nền tảng có tính cách *bản thể* học (fondementontologique) của con người chính là *cái chết* : con người được quan niệm như một hiện sinh *hướng về* sự chết une existence *vers* la mort, như một hữu-thể-vì-sự-chết, cho-sự-chết, un être-pour-la-mort (Zum-Tode-Sein). Đó là M. Heidegger. Còn Rainer Maria Rilke : cái chết chẳng phải như con sâu đục ruỗng trái cây, mà cái chết chính là cái *nhân* noyau, của đời sống. Và cũng bởi nỗi ám ảnh lớn rộng và sâu thẳm đó, có người đã nói tới *niềm đam mê nỗi chết* des passions de mourir. Đó là Holderlin, một bộ mặt lớn của dòng thi ca siêu hình (a).

Nói rằng cái chết là một ám ảnh của con người như thế vẫn chưa đủ. Để được đầy đủ phải nói thêm : sự suy tưởng về cái chết như *điều kiện* thiết yếu cho sự hiện hữu của ý thức con người. Có nghĩa một ý thức chỉ là một ý thức khi biết suy tưởng về cái chết.

Merleau-Ponty có viết : « ... *một cách triệt để, ý thức về đời sống chính là ý thức về sự chết.* » (4) Tại sao vậy ? Trả lời : nếu cái chết như một sức mạnh hủy diệt, thì phải có một cái gì để bị hủy diệt Nếu tôi *chẳng là gì hết*, tôi sẽ chẳng bao giờ chết đi. Phải *có* một cái gì, phải *là* một cái gì để có thể không còn nữa. Khi Descartes nói rằng tôi suy tưởng vậy ra t i hiện hữu », khi A. Camus nói rằng « tôi phản kháng vậy ra tôi hiện hữu », riêng tôi, tôi muốn nói rằng chính qua sự nhận biết rằng tôi rồi sẽ chết, mà tôi càng ý thức rõ rệt rằng tôi là một cái gì sẽ chết đi có nghĩa tôi càng ý thức rõ rệt rằng tôi hiện hữu, tôi có thực. Có thể nói : *tôi nhận biết rằng tôi rồi sẽ chết, vậy ra tôi hiện hữu*. Qua cái than phận phải chết, tôi khám phá ra sự hiện hữu của chính mình. Khi con người nhận biết mình là một cái gì (un quelque chose) với ngôn ngữ triết học : khi đó con người ý thức mình như một *chủ thể*. F. Cuzin đã nhận xét rất đúng rằng chỉ một chủ thể mới có thể chết đi, chỉ một chủ thể mới có thể tự hư vô hóa hoàn toàn (5). Sự hiện hữu của một chủ thể chính là sự hiện hữu của một thực thể có khả năng tự phủ nhận chính mình. Chính trong ý nghĩa đó mà Merleau-Ponty nói rằng đời sống chỉ có thể *quan niệm* được khi đời sống là một cái gì dâng hiến được cho một ý thức có thể phủ nhận chính đời sống đó (6). Một đời sống vô tận chẳng phải là một đời sống. Một cái *tôi* không bị giới hạn bởi cái chết, nghĩa là một cái *tôi vô hạn* cũng chẳng phải là một cái *tôi*.

Những điều vừa nói rất gần gũi với nhận định của Paul-Louis Langsberg : «Ý thức về sự chết đi song đôi với sự cá-thể-hóa của con người» (7). Điều này được

chứng minh bởi nhiều sự kiện. Dẫn chứng đầu tiên, là *đứa trẻ*. Những trắc nghiệm của Piaget và S. Anthony đã minh chứng rằng khi trẻ ý thức được nó như một cá thể, thì *cũng từ đó* trẻ chịu những ám ảnh, những sao xuyến về sự chết. Một kết quả trắc nghiệm: S. Morgenstern kể trường hợp một em gái nhỏ 4 tuổi — vào khoảng tuổi xuất hiện của crise de la personnalite, cơn khủng hoảng khi trẻ ý thức nó như một personne. nghĩa là một cá thể — đã khóc 24 giờ liền khi nó biết được rằng mọi loài sinh vật đều phải chết. và em nhỏ chỉ thôi khóc khi người mẹ *long trọng* hứa với nó rằng riêng nó, nó sẽ không bao giờ chết (trích dẫn bởi Edgar Morin, sách đã dẫn, trang 19) Dẫn chứng khác, là những ý thức càng sáng suốt bao nhiêu. lại càng chịu nặng nỗi ám ảnh về cái chết — trong khi người *tiền sử* vì còn mang nặng một ý thức *tập thể* (đọc Lévy-Bruhl) nên ý thức về cái *tôi* cá biệt còn mờ nhạt, bởi đó, họ sợ hãi *người chết* hơn là sợ hãi chính *cái chết*. P-L. Langsberg cũng nêu lên một hiện tượng lịch sử : thời đại nào càng nhiều những cá nhân độc đáo. ngoại lệ, lỗi lạc, coi những tư tưởng độc sáng, và vì những tư tưởng lớn của một thời đại chi phối sinh hoạt tinh thần của cả thời đại, nên trong những thời đại đó, mọi người nói chung, càng chịu nhiều những ám ảnh về sự chết. (b)

Tất cả những điều vừa trình bày nhằm nói rằng cái chết như một ám ảnh, và xa hơn nữa, con người không thể không nghĩ về sự chết. Và người thời nay, trước nhất vì là *người* nên cũng phải chịu nỗi ám ảnh đó và cũng không thể không nghĩ về sự chết. Sau nữa, vì là người thời nay, cái chết với họ hẳn là mang những tính chất riêng biệt của thời đại. Vậy *người thời nay nghĩ gì về sự chết* ?

Bất cứ một suy tưởng nào của con người đều xuất hiện trong một hoàn cảnh lịch sử. Mỗi hoàn cảnh lịch sử như một thực tại phong phú cống hiến những chất liệu, và mọi suy tưởng như một kiến trúc tinh thần dựng trên nền tảng là hoàn cảnh lịch sử đó. Nói như vậy không có nghĩa là chấp nhận lập trường của Marx, rằng mọi suy tưởng của con người *chỉ là* một kiến trúc tinh thần xây dựng trên một hạ tầng cơ sở là những nền tảng vật chất, nói rõ hơn. là những điều kiện xã hội. kinh tế : tinh thần chỉ là con đẻ, là sản phẩm của vật chất, và nẩy sinh theo một hành vận biện chứng. Một sự thực, là mọi suy tưởng đều mang dấu vết của thời đại, nhưng Marx đã đẩy chân lý đó đi quá xa để trở thành độc đoán. Một thí dụ : văn chương. Văn chương không phải chỉ là phản ảnh những điều kiện kinh tế hay chính trị, không bắt buộc là một trạng thái xã hội nào phải đẻ ra hình thức văn nghệ đó. Phải nhìn nhận một ảnh hưởng hỗ tương, nếu văn chương có thể phản ảnh một xã hội đã thành hình, thì nó cũng có thể tiên đoán một xã hội sẽ tới. Kafka là một dẫn chứng : chỉ cần đọc Le Procès để thấy rằng Kafka đã bày tỏ một thế giới phi lý mà 30 năm sau trở thành có thực. Lịch sử tư tưởng nhân loại đã minh chứng rằng có những tư tưởng tuy xuất hiện từ một thời đại nhưng đã vượt thời đại. Đứng trong dòng lịch sử nhưng vượt lên trên, thời đại không bắt kịp, nên ở một khía cạnh, có thể quan niệm mỗi thiên tài như một nỗi cô đơn đau xót, tuy nhiên còn là một bóng dáng lớn của một cá nhân lỗi lạc đứng sừng sững đầy ngạo nghễ. Nhìn thấu suốt cõi « ba trăm năm sau », chính là thiên tài vậy. Và Nguyễn Du, Dostoievsky, Kafka.., là những thiên tài.

Vậy hãy ghi nhận một sự thực vững chắc — tuy nhiên không vì thế mà trở thành đồ đệ Marx — : mọi suy tưởng của con người đều không thể tách rời khỏi hoàn cảnh lịch sử mà con người sống trong đó.

Vậy mọi suy tưởng về cái chết của người thời nay như mọi suy tưởng khác, hiển nhiên là phải mang nặng tính chất thời đại. Tìm hiểu những suy tưởng đó — những suy tưởng về cái chết — không thể không xét tới hoàn cảnh lịch sử mà chúng ta hiện sống.

Thời đại này như thế nào ?

Tôi gọi thời đại này là thời đại của sự *tiêu cực*. Tiêu cực hiểu theo nghĩa là bề trái của vô vàn những sinh hoạt tích cực của đời sống. Vậy tiêu cực, ở đây, được hiểu theo một nghĩa rất rộng : niềm hoài nghi, nỗi lo âu, kinh hoàng, sự buồn sầu, niềm cô đơn, nỗi tuyệt vọng, sự thất bại, sự phủ nhận, và cuối cùng là sự hủy diệt, tự hủy : *cái chết*.

Phải tự hỏi như G. Marcel (8) rằng phải chăng thế giới đã có một *trái tim*, và trái tim đó đã ngừng đập. Phải chăng mọi người đều mang niềm hoài vọng một thời xa xưa nay đã trở thành một huyền thoại, và theo như huyền thoại đó thì vũ trụ nguyên ủy như một cơ thể sung mãn tràn đầy, nay đã tan vỡ chia lìa với một vết thương ngày càng mở lớn. Ra khỏi cái toàn thể hòa hợp ban đầu, để bước vào một thời kỳ phân hóa ngày một trầm trọng, thì đứng trên quan điểm triết học, và nói theo Heidegger, đó chính là sự *sa ngã* của con người ra khỏi hữu thể sung mãn tràn đầy (la chute de l'homme hors de l'être) để rơi vào trạng thái *tối tăm* của vũ trụ. (Từ đó hiểu được tại sao Heidegger nói rằng đã từ lâu triết học thất bại trong những nghiên cứu bản thể học : thất bại, không đạt tới hữu thể, bởi lẽ con người đã sa ngã ra khỏi hữu thể đó. Cũng từ đó, hiểu được sự «trở về» của Heidegger với những tư tưởng Hy lạp xa xưa : tư tưởng phóng đãng hoang đàng của con người sa đọa phải trở về yên nghỉ trong lòng bao dung của hữu thể).

NAY VÀ SỰ CHẾT

Tại sao thời đại tiêu cực này, tại sao trạng thái tăm tối này ? Nhận thức thông thường của người bình thường đều hiểu được rằng *cái chết* như cánh cửa mở vào cảnh điêu tàn tan nát đang diễn ra. Lịch sử đã dạy người thời nay một bài học : chiến tranh như một nỗi kinh hoàng, như một vẻ mặt thảm khốc đầy phi nhân hiện ra trong một cơn mộng dữ. Chiến tranh hủy diệt những sinh mạng, là những con người, và hủy diệt cả những sản phẩm do con người tạo ra, vật chất lẫn tinh thần : những công trình kiến trúc chỉ còn là vôi vữa để lại niềm thương

xem tiếp trang 27

(a) Trích một đoạn trong bài CÁI CHẾT NHƯ MỘT ÁM ẢNH — Phạm Kiều Tùng sẽ đăng trong một số tới.

(b) Trích một đoạn trong bài Ý THỨC, SỰ CHẾT, VÀ Ý THỨC VỀ SỰ CHẾT — Phạm Kiều Tùng.

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

23

vạch một chân trời

HAI Tam chạy theo Tư Bá vào khu rừng chòi. Bọn cướp tàu Ô chia ra hai cánh nhỏ, bao vây từng căn chòi. Bốn đứa liều mạng xách mã tấu rượt bén gót Hai Tam và Tư Bá.

Từ trong chòi, tiếng con Nhung kêu thất thanh :

— Tội nghiệp mấy ông ơi ! Tôi... đau mà !

Hai Tam chắc lưỡi :

— Nguy quá. Để tôi ở lại...

Tư Bá nắm tay Hai Tam, kéo tới rồi đấm mạnh vào màng tang anh ta. Chú cõng Hai Tam lên vai, bước lom khom. Hai chân Hai Tam run lẩy bẩy quơ qua quơ lại. Tư Bá xé miếng vải nơi vạt áo Hai Tam, nhét vào miệng để anh ta đừng kêu rú.

Từ phía hai căn chòi, bọn tàu Ô thổi liên tiếp năm sáu tiếng còi. Bốn tên hải tặc rượt theo khi nãy dường như đã rút lui, chúng bước càn lên mớ nhánh cây, gây tiếng động mỗi lúc một nhỏ.

Sau khi lựa nơi kín đáo, Tư Bá ngồi xuống, đặt Hai Tam nằm dài trên mớ lá khô. Anh ta nấc lên, lắc đầu rồi há miệng buông ra vài tiếng rời rạc :

— Ai giết... tôi... giết tôi luôn đi... Tư Bá,.. ác độc...

Tư Bá bụm miệng Hai Tam. Bọn tàu Ô lần lượt kéo về phía mé sông Cái, ca hát ồm tỏi. Chắc là chúng nó đã bắt sống con Nhung. Tư Bá nghiến răng, cau mày khi nghe bọn tàu Ô cười the thé.

Hai Tam chợt mở mắt :

— Chú Tư... Sao chú Tư đánh tôi ?

Liệu chừng quan thù đã đi xa, Tư Bá nói đùa :

— Tao đánh cho chú mầy ngất xỉu để chú mày cầm mồm...

— Tội nghiệp con Nhung... Nó đâu rồi ? Chú Tư đỡ tôi dậy để tôi kiếm nó. Tụi tàu Ô bắt nó rồi hả ? Tôi không bảo bọc nó được...

Tư Bá nói gắt :

— Mầy đõ hèn ! Mày tỉnh lại chưa ?

— Tại sao hèn ?

— Vì lúc lâm nguy mà mày chỉ nhớ tới đàn bà con gái. Con Nhung không chết đâu. Bắt quá là nó bị bắt. Nó bị bắt nhưng chưa ắt nó bị cưỡng hiếp. Nếu tao không đánh mày lúc nãy thì cả bọn đều bị bắt. Bây giờ mình ra ngoài sông Cái...

Hai Tam gượng gạo đứng dậy, nhìn trân trân về phía căn chòi. Hai làn khói bốc lên, vươn khỏi ngọn cây. Tư Bá trèo lên nhánh cây cao gần đó rồi tuột xuống :

— Nó đốt chòi của mình với chòi của Lục Cụ.

Hai Tam khóc rống lên :

— Tôi làm gì để cứu con Nhung bây giờ. Nó đang đau yếu, nó mang thai... với tôi. Để tôi về chòi xem thử...

— Đồ hèn !

Vừa nói, Tư Bá vừa kéo Hai Tam, Hai Tam trì níu lại. Phía sông cái, tiếng tù và trỗi lên. Hai Tam xấu hổ vô cùng : Rõ ràng là bọn tàu Ô còn tại bãi sông chớ không ra ngoài biển. Chúng giả vờ cho tàu quay mũi, di chuyển tới lui để làm cho Hai Tam hiểu lầm.

Cực chẳng đã, Hai Tam đành bước theo Tư Bá. Ra khỏi vòm cây, Hai Tam ngoảnh mặt về phía căn chòi. Khói đã hạ xuống, lan tỏa mơ hồ.

Tư Bá nén giận không được :

— Muốn về căn chòi để thăm đống tro tàn hả ? Mày hèn quá !

— Trời ơi ! Chú Tư đừng nghi ngờ tôi. Tôi dám chết vì con Nhung.

— Ừ ! Nếu tụi nó giết con Nhung rồi thiêu xác nó trong căn chòi, chắc mày dám trở thành anh hùng... Mày bới đống than, lượm từng lóng xương của nó để khóc nhịn ăn hai ba ngày liên tiếp. Mày dám tự tử...

Hai Tam trừng mắt :

— Vậy chớ chú Tư biểu tôi làm gì ? Tôi ra ngoài mé sông Cái cho chú xem. Nếu tụi nó hành hạ con Nhung trên tàu thì...

Nói đến đó, Hai Tam nghẹn họng.

— Thì sao ? — Tư Bá hỏi — Thì mày chửi rủa hả ? Vô ích. Làm vậy chỉ hại cho con Nhung, tụi tàu Ô sẽ bắt sống mày, tra tấn mầy rồi giết mầy. Nếu ngu dại hơn thì mày lội xuống sông, tìm cách nhảy lên tàu để chết theo con Nhung... Tao khuyên mày nên bình tĩnh, nghe lời tao dạy. Ra mé sông Cái với tao. Bước cho nhanh. Tới đó, mầy ngồi im mà quan sát. Đời còn dài mà. Tụi tàu Ô chẳng lẽ đậu tàu ở đây hoài để chịu chết đói chết khát, chết vì bịnh rét rừng. Tụi nó vô sông nầy đâu phải để tìm con Nhung...

Rạng cây bần hiện ra trước mặt. Gió thổi hiu hiu. Nắng đã lên cao, phản chiếu vào lớp sơn đen bên hông tàu, năm sáu chiếc nằm dài trên sông, như những con ác thú thời hỗn độn sơ khai. Sau khi tìm vị trí thuận lợi, Tư Bá ngồi suy nghĩ. Dường như bọn hải tặc cho tàu cập sát vào mé bãi, thừa lúc nước lớn. Mấy cánh buồm cuốn tròn, treo nghiêng nghiêng. Bọn hải tặc ngồi quá đông đảo, chia nhau từng ngụm rượu, thứ rượu đựng trong bầu bằng đất.

Đột nhiên, chúng quăng bầu rượu xuống sông một lượt. Tên chúa tàu từ khoang hầm chui lên, gương mặt giận dữ. Hai Tam hỏi :

— Con Nhung đâu ? Hay là tụi nó nhốt con Nhung dưới khoang hầm ?

— Mày cứ lo cho con Nhung ! Kìa !

Từ khoang hầm, hai cô gái ăn mặc theo kiểu Trung Hoa bước lên, bưng mâm đầy rượu thịt. Chúa tàu nâng bầu rượu, uống nửa chừng rồi quăng bầu rượu xuống sông. Nước văng lên tung toé, cách xa Hai Tam chừng vài bước. Tư Bá nói khẽ :

— Tại sao tụi mình không bò tới, núp vào bụi ô rô để nghe kỹ...

Tên chúa tàu quát to :

— A Lầu !

Hai Tam và Tư Bá nhìn nhau. A Lầu là người mà họ thấy đứng thấp thoáng trước chòi khi nãy.

Tư Bá nói khẽ :

— Chờ xem... Tụi tàu Ô nầy có hành động bí mật lắm. Tụi nó dường như đã thông đồng trước với Lục Cụ và tên Mách. Thằng A Lầu nầy ốm yếu, dáng điệu không giống như bọn hải tặc tàu Ô.

Chúa tàu nói ồm tỏi, múa men tay chân trong khi bọn hải tặc ngồi xếp bằng tròn trên sàn tàu. Người tên là A Lầu quì xuống lạy.

Hai Tam nói :

— Chú Tư ! Thằng đó lạy theo kiểu gì lạ quá.

– Có gì là lạ.

– Nó đập đầu xuống sàn tàu rồi không ngóc đầu lên.

– Đó là kiểu « cúi đầu phủ phục » của người Tàu. Chắc thằng A Lầu đang ăn năn, cầu khẩn chúa tàu để được tha tội.

– Tội gì ?

– Làm sao biết được ? Tụi tàu Ô kéo nhau lên bờ, bao vây hai căn chòi, theo sự hướng dẫn của tên Mách để bắt sống tụi mình. Bọn mình trốn thoát được. Bởi vậy chúa tàu nổi giận vì A Lầu chẳng làm tròn phận sự ..

Bọn hải tặc vụt đứng dậy nghiêm chỉnh. Chúa tàu phun nước bọt vào đầu A Lầu. Lát sau A Lầu đứng dậy rồi té xỉu. Hắn gắng gượng bò la bò lết mặc dầu không bị ai đánh đấm cả.

Tên chúa tàu vươn cánh tay chỉ lên ngọn cột buồm.

Trên ấy, chẳng có gì cả, ngoại trừ một con quạ khá to, từ đâu bay đến, đậu lại nghỉ cánh.

Đột nhiên A Lầu đấm ngực, kêu rú. Hai lên hải tặc bước tới, trói tay hắn vào sợi dây khá dài từ ngọn cột buồm thòng xuống.

– Tụi nó trừng phạt A Lầu đó !

Hai Tam vẫn chưa hiểu :

– Sao vậy ?

– Chú may hỏi lầm cầm hoài. Bọn tàu Ô là lũ dã man, xem con người như món đồ chơi.

Sợi dây từ từ rút lên. Thân xác A Lầu quay tròn như một khúc gỗ. A Lầu quơ chân, kêu la rồi im lặng. May thay, bọn hải tặc trói tay A Lầu phía trước ngực nên hắn đỡ phần đau đớn.

Con quạ bay lên không trung khi xác A Lầu được rút lên tới chót cột buồm.

Khoang hầm lại hé mở. Hai đứa nữ tỳ xuất hiện, đẩy con Nhung lên sàn tàu. Hai Tam trố mắt, há miệng :

– Con Nhung ! Chắc tụi nó giết con Nhung. Chú Tư ! Làm sao cứu nó.

– Chú mày đừng nói chuyện quá to, đừng khóc lóc như kẻ khiếp nhược. Nếu thương con Nhung thì bọn mình nên tìm hiểu thâm ý bọn tàu Ô để rồi tìm cách giải thoát cho nó. Bắt quá là chúng nó hành hạ, làm cho con Nhung mang bịnh chớ... không chết.

Con Nhung day mặt vào rặng bần ở bãi sông, đôi mắt thiểu não, lờ đờ. Nó đâu dè Hai Tam, Tư Bá đang rình rập, cách xa chừng mười bước mà thôi. Bọn hải tặc vẫn im lặng trong khi hai đứa nữ tỳ của chúa tàu bắt đầu trói tay con Nhung.

Không cần suy nghĩ dông dài, Tư Bá cũng biết chắc.

— Tụi nó muốn treo con Nhung lên ngọn cột buồm để cảnh cáo bọn ngồi trên bờ Chắc là tụi tàu Ô đang nghi ngờ điều gì ? Việc nầy có liên quan đến kho tàng của vua chúa thời xưa tại rừng U Minh...

Con Nhung bỗng la lên, thật to :

— Tụi nó giết tôi ! Cứu tôi với ! Mấy người ở trong hai căn chòi nên xuống đây, gặp mặt chúa tàu...

Mỗi tiếng kêu la là một mũi kim bén nhọn đâm vào tim phổi Hai Tam và Tư Bá. Nhứt là Hai Tam. Anh ta cúi đầu, nghiến răng :

– Làm sao bây giờ !

Tư Bá nói :

– Đó là mưu kế độc ác của bọn tàu Ô để bắt sống bọn mình.

Con Nhung thét lên lần thứ nhì :

– Có ai ở trên bờ không ? Nếu lên tiếng thì tụi nó tha tôi cho tôi. Bằng không thì tôi chết .. Ai ở trong chòi ?

Tư Bá nói với Hai Tam :

– May lắm. Bọn mình sẽ thắng bọn tàu Ô.

– Tại sao thắng ? Chú Tư ơi, nếu làm cách nào cứu được con Nhung thì em đội ơn chú suốt đời. Chú biết rõ : Em là đứa bất tài.

– Con Nhung xứng đáng lắm. Nó sắp bị treo rút lên cột buồm mà nó vẫn bình tĩnh, không gọi đích danh bọn mình. Nó là... nữ anh hùng đó. Bây giờ, mình làm như vầy. Để tôi... tùy cơ ứng biến.

— Chú nên liệu định cho thật gấp. Con Nhung đau rét rừng, đang có thai Mạnh khoẻ như thằng A Lầu mà còn chết xỉu huống gì con Nhung là gái.

— Để tao ra trình diện với bọn tàu Ô. Chú mầy ráng lên rừng tìm bọn Lục Cụ với tên Mách. Xưa kia Lục Cụ với tên Mách thương yêu mầy lắm.

— Lục Cụ ở đâu ?

– Chạy lên rừng, mầy chịu khó vô rừng sâu mà kiếm thử. Đừng hèn nhát, mày phải bạo dạn, vô rừng một mình, tới những nơi mà chưa ai dám tới. Nếu gặp bọn Lục Cụ, mầy liên kết với họ, giả như cả bọn đang tìm kho tàng bí mật. Dọc đường mầy nhớ làm dấu là bẽ gãy nhánh cây, đốt lửa... Mầy lên rừng đi. Trước sau bọn mình cũng gặp nhau. Để tao cứu con Nhung.

Hai Tam nói, giọng mếu máo :

— Chú Tư, làm cách nào em theo chú xuống tàu để gặp mặt con Nhung.

– Đồ khiếp nhược. Vì mầy là đứa khiếp nhược nên tao không cho mầy xuống tàu.

— Sao vậy ?

– Tụi nó sẽ điều tra, tra tấn, rút lên chót cột buồm .. Mầy chịu nổi không ? Đừng làm mất thời giờ. Nhớ kiếm Lục Cụ, nương náu với ông ta. Nhớ làm dấu ở dọc đường. Tao dẫn tụi cướp tàu Ô lên rừng để bắt sống tụi mầy. Mầy hiểu chưa ? Mày ngu dại quá.

Bấy giờ, Hai Tam mới bắt đầu yên tâm. Anh ta thấy tương lai chưa đến đỗi u ám. Tư Bá sẽ dẫn bọn tàu Ô lên rừng, đi sâu lần lần vào nội địa rừng U Minh. Tư Bá và con Nhung gặp hoàn cảnh thuận tiện để trốn luôn.

— Nhớ cứu con Nhung, nghe không chú Tư. Nhờ chú rửa thù dùm em.

— Tao cứu con Nhung rồi tao đốt luôn mấy chiếc tàu của tụi nó.

— Chắc tụi nó lên rừng không ?

– Còn hỏi ! Tao bịa rằng trên rừng còn nhiều điều bí mật, còn vàng bạc là tụi nó tin lời. Chú mầy thử nghĩ : mục đích của bọn tàu Ô là tìm vàng bạc châu báu chớ còn gì khác hơn.

Từ trên tàu, con Nhung gọi to :

— Bà con ơi ! Ông chúa tàu biểu bà con xuống chơi, xuống... một người cũng được.

Tư Bá vô cùng cảm động. Chú không ngờ rằng con Nhung còn nhớ, mới lìa khỏi gia đình lần đầu, mới vào rừng chân ướt chân ráo mà nó tỏ ra đầy đủ khí phách. Nó biết giữ bí mật.

— Tao đi đây. Mầy đừng ở đây. Nhớ nghe Hai Tam !

Nói xong Tư Bá chạy ra bãi sông, đưa tay lên cao mà ngoắc :

— Ông chúa tàu ! Có tôi đây nè ! Ông chúa tàu ! Mau cho người rước tôi.

■ còn nữa

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LẸ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM.

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác.** Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

CON BÉ MIRIAM

TRONG mấy năm bà H.T. Miller đã sống một mình với căn phòng êm dịu của bà (gồm 2 buồng và một ngăn bếp) trong tòa nhà gần sông Động. Bà là một góa phụ. Chồng bà, ông H T. Miller đã để lại cho bà số vốn vừa phải, nên lợi tức của bà cũng ít ỏi. Bà không có bạn bè chi để chuyện trò, cũng ít khi đi chơi xa ở đâu Chỉ qua lại quán tạp hóa cuối đường. Người ở trong tòa nhà, các phòng khác, cũng ít khi chú ý đến bà. Áo quần bà mặc lấy có, tốc hơi nhuốm bạc. Bà không dùng mỹ phẩm, không có nét gì đặc biệt, và sinh nhật vừa qua của bà, bà được sáu mốt. Hoạt động thường nhật của bà ít khi bất chợt, mà rất đều Bà giữ căn phòng luôn sạch sẽ tinh khiết, thỉnh thoảng hút một điếu thuốc, tự sửa soạn bữa ăn, và bà có nuôi một con chim kim tước.

Bất ngờ bà gặp con bé Miriam. Bữa tối đó trời lạnh, xuống tuyết. Bà Miller ăn tối xong rồi, đang lần dở xem tờ báo chiều, chợt bà thấy ở mục quảng cáo có cuốn phim chiếu ở rạp gần đấy. Nhan đề cuốn phim nghe ra hấp dẫn Bà liền khoác áo choàng ấm, bật ngọn đèn nhỏ để mờ mờ trong phòng, và đi xem. Bà phải để đèn vì khi về bà rất sợ bóng tối.

Tuyết rơi nhẹ, chưa có trên đường là bao. Gió sông chỉ tạt qua mấy chỗ ngã tư trống trải. Bà Miller đi vội vàng, đầu cúi, trông như con chuột đang lủi vào đường hang tăm tối. Bà dừng lại ở 1 tiệm thuốc tây mua một gói kẹo ho bạc hà.

Người ta đã đứng sắp hàng trước chỗ bán vé. Bà đứng vào chờ đợi. Một giọng nói một mỏi đâu đó :

— Tìm chỗ ngồi hồi mô cũng phải đợi !

Bà Miller lục trong bóp để kiếm tiền lẻ mua vé. Hàng người xem ra còn dài phía trước bà. Bà nhìn quanh để tìm xem gì vui cho đỡ sốt ruột. Chợt bà để ý đến một đứa bé gái đang đứng dưới mái hiên.

Tóc nó dài và rất lạ : toàn một màu bạch kim như lông một con thỏ trắng, lại chảy dài xuống lưng dịu mềm và buông lơi. Trông đứa bé ốm và mảnh khảnh Dáng đi êu nó đứng có vẻ thanh nhã, hai ngón tay cái bỏ trong bọc, bàn tay bỏ ngoài, màu áo choàng tím thẫm như lá mận.

Bà Miller thích ý lắm. Khi đứa bé nhìn lên, bà mỉm cười đầm ấm. Nó chạy đến ngay và nói :

— Bà thương con không, giúp con chút xíu.

— Được, nếu được qua vui lòng giúp em ngay.

— Dạ, dễ lắm. Con chỉ cần mua một cái vé, chứ không họ không cho con vào. Con có tiền đây bà à !

Và nó dịu dàng đưa số tiền cho bà Miller.

Hai người đi vào rạp hát. Người xếp chỗ dẫn họ đến ngồi nghỉ trên một cái ghế dài.) Còn hai mươi phút nữa mới hết xuất chiếu trước đó.

Khi đã ngồi yên, bà Miller mới nói :

— Qua thấy qua cũng hơi có lỗi. Em có thấy là em vào như ni trái luật không ? Hay rứa qua đừng mua vé cho em nữa ! Mẹ em có biết em đi đây không ? Chắc là biết chứ, em hỉ ?

Con bé chẳng nói gì. Nó cởi áo choàng và xếp để trên về nó. Áo trong của nó màu xanh đậm và rất gọn gàng. Cổ đeo dây chuyền vàng, và nó đưa bàn tay sờ vào sợi dây, vọc qua vọc lại.

Bà Miller quan sát kỹ con bé, và bà nghiệm rằng con bé có nét đặc biệt không phải vì mái tóc mà vì đôi mắt : mắt màu nâu, đều hòa, song như mất đâu một chút thơ ngây; và như nuốt cả khuôn mặt nhỏ xinh của nó.

Bà Miller đưa cho nó một cây kẹo bạc hà.

— Em tên gì ?

— Dạ Miriam. Nó nói và có vẻ như tên của nó quá quen với bà Miller rồi.

— Á, lạ nhỉ. Tên của qua đây cũng Miriam. Mà tên đó ít ai đặt trùng lắm Thế họ em không phải là họ Miller chứ ?

— Dạ, đúng là họ Miller ạ...

— Em thấy lạ không ? Lạ nhỉ ?

— Dạ cũng không lạ gì.

Con bé nói xong bỏ kẹo vào miệng.

Bà Miller hơi đỏ mặt và áy náy. Bà nói :

— Em còn nhỏ mà miệng lưỡi nhỉ !

— Dạ ? con đấy à ?

— Phải.

Bà Miller đổi qua chuyện khác, hỏi :

— Em thích xem chiếu bóng chứ?

— Dạ thực ra con không thích lắm. Trước đây con chưa đi xem lần nào ạ.

Lúc bấy giờ nhiều người đàn bà đã vào ngồi đầy cái ghế dài, tiếng bom dội trong cuốn phim nghe xa xa... Bà Miller liền cầm bóp đứng dậy, nói :

— Thôi để qua chạy đi tìm cái chỗ ngồi của qua đã, không khéo mất chỗ xem. Gặp em thật là vui.

Con bé Miriam gật đầu nhẹ.

•

Cả tuần trời xuống tuyết. Xe chạy và người đi trên đường không nghe tiếng động. Cuộc sống như tiếp diễn dưới một tấm màn xanh xám dày đặc. Trong cái yên lặng buông chùng đó, không có trời có đất chỉ có tuyết bay trong gió đập nhẹ vào cửa sổ, làm lạnh các căn phòng và làm lịm chết thành phố đi... Lúc nào cũng phải thắp đèn, và bà Miller không còn biết ngày giờ vào đâu cả; thứ sáu cũng chẳng khác chi thứ bảy, và ngày chủ nhựt bà lại ra phố mua đồ ăn ! Dĩ nhiên là họ đóng cửa !

Tối ấy bà phải đánh trứng và ăn với xúp. Sau khi ăn xong, choàng áo ấm và bôi kem ngủ lên mặt, bà leo lên giường, để một chai nước nóng dưới hai bàn chân cho ấm, và thức đọc tờ báo «Times». Đang đọc thì chuông cửa reng Ban đầu, bà cho rằng có người lầm nhà, chắc một lát rồi họ bỏ đi. Nhưng nó cứ reng, reng và reng không dứt. Bà nhìn đồng hồ : mười một giờ hơn rồi ! Không thể dậy mở cửa được. Mọi khi mười giờ là bà ngủ.

Trèo xuống giường, bà đi chân không băng qua phòng.

— Thôi, đừng reng nữa, tôi ra đây !

Bà cầm cái then cửa mà cứ xoay qua xoay lại. Mà chuông thì cứ reng liên hồi.

Bà phải kêu lên :

— Đừng reng nữa !

Bà mở cửa he hé, và nói :

— Lệnh trời xuống hay chi mà dữ vậy !

— A ! a ! thưa bà !

Ấy là con bé Miriam !

Bà Miller do dự, bước lùi vô một chút, và nói

— A ! em, sao đó ? Em đấy à !

— Con nghĩ là bà không mở cửa đâu chứ. nhưng con cứ bấm chuông. Con biết bà ở nhà. Gặp con bà có mừng không ?

Bà Miller không biết nói gì. Bà thấy Miriam cũng mặc bộ đồ như lần trước, hôm nay lại đội thêm cái mũ bê-rê ; tóc nó bện thành 2 bín và đầu mỗ bín có quấn líp-bông. Nó nói :

— Con đợi lâu như vậy, thôi bà cho con vào nhà đi.

— Giờ khuya hung rồi !

Miriam nhìn bà ta một cách bối rối. Nó nói :

— Có hề chi bà ! Bà cho con vào đi. Ngoài nầy lạnh quá, con mặc có cái áo lụa thôi

Rồi với một cử chỉ rất dễ thương nó lách nhẹ một bên bà Miller, và vào nhà.

Nó bỏ áo choàng và mũ bê-rê xuống ghế. Nó bận áo lụa ở trong thật. Lụa trắng. Áo may có nếp rất đẹp, tay áo dài. Khi con bé đi chuyển trong phòng thì tiếng lụa sột soạt. Nó nói :

— Con thích chỗ ở của bà lắm. Con thích cái màn này. Màu xanh, con thích lắm.

Rồi nó sờ vào một cái hoa giấy cắm trong bình, nó nói :

— Bắt chước ! Buồn quá ! Bắt chước là buồn ! Bà há ?

Nó đến ngồi trên chiếc trường kỷ, kéo vạt áo trải trên châu một cách nhã nhặn.

Bà Miller hỏi :

— Em muốn những gì ?

Miriam nói :

— Thưa bà ngồi đi bà, thấy ai đứng con chịu không nổi.

Bà Miller ngồi xuống trên cái gối đệm nhỏ Bà hỏi lại :

— Vậy chứ em muốn những gì ?

— Thưa bà, con biết con tới đây bà không ưng.

Bà Miller không trả lời, tay bà cử động mơ hồ, như không biết làm gì Miriam cười sặc lên và ngả người dựa trên đống gối vải bông Bà Miller quan sát con bé và thấy nó ít xanh hơn trước, má nó hồng,

— Sao em biết nhà qua ở đây ?

Con bé Miriam nhăn trán, rồi nó nói :

— Cái đó khó chi bà. Tên bà. Tên con. Thế là được.

— Nhưng mà qua có ghi tên trong sổ điện thoại đâu ?

— Mà thôi, mình nói chuyện khác đi bà.

Bà Miller nói :

— Mẹ em chắc điên mới cho một đứa bé như em đi lang thang cả đêm như vầy, mà bận áo quần lạnh lẽo kỳ dị như vầy. Mẹ em chắc điên rồi...

Miriam đứng dậy, chạy đến chỗ góc phòng, nơi có cái lồng chim treo lòng thòng và có màn phủ ngoài. Nó dòm vào lồng và nói :

— Chim kim tước hở bà. Con thức nó dậy bà nhé. Con thích nó hót.

Bà Miller lo lắng nói :

— Để cho con chim Tommy nó ngủ. Em đừng có thức nó dậy.

— Dạ. Nhưng mà coa thấy con ưng nghe no hót lắm. À, bà có chi cho con ăn với. Con đói quá ! Sữa hay bánh mì mứt chi cũng được cả.

— À... để xem.

Bà Miller đứng dậy, và lại nói :

— À, để xem, qua cho em vài lát bánh mì nhá, rồi em ngoan, em chạy về nhà nhá. Giờ qua chắc là đã nửa khuya rồi !

Miriam nhăn :

— Trời tuyết mà bà. Lạnh và tối nữa !

Bà Miller cố gắng giữ giọng nói ôn tồn :

— Xem, phải chi em đừng chạy tới đây thì đâu có lạnh,.. Qua làm sao can được tiết trời... Nếu em muốn có chi ăn thì phải hứa là sẽ về mới được...

Miriam cầm một bín tóc cà cà trên má. Mắt nó có vẻ suy nghĩ như để cân nhắc. Nó quay nhìn về phía cái lồng chim và nói :

— Thôi được, con hứa.

●

« Nó lớn bao nhiêu ? Mười hai mười một tuổi ?». Bà Miller tự hỏi. Bà đang ở trong nhà bếp, khui hộp mứt dâu mà bà đã để dành, và cắt 4 lát bánh mì. Bà rót một ly sữa, và dừng một chút để hút điếu thuốc. « Và tại sao nó lại đến đây nhỉ ?» Tay bà hơi run khi quẹt diêm, và bà sững sờ, để nó cháy tới ngón tay, vì lúc ấy bà nghe con chim kim tước hót vang. Bà gọi :

— Miriam, Miriam, ta bảo đừng có chọc con chim !

Không có tiếng trả lời bà. Bà lại gọi. Và chỉ có tiếng chim hót trả lời bà Bà hít điếu thuốc, mới thấy là mình đã châm lộn ở phía đầu lọc... Bà tự nhủ đừng để mất bình tĩnh.

Bà bưng khay đồ ăn lên để trên bàn.

Bà thấy lồng chim vẫn còn cái màn bao phủ, mà con Tommy thì đang hót. Bà khó chịu hết sức. Không có ai trong phòng cả. Bà Miller bước qua phòng ngủ xem thử. Tới cửa, bà bỗng nín thở. Bà hỏi :

— Làm cái chi đó hở ?

Miriam ngẩng lên, và trong mắt nó có cái nhìn bất thường. Nó đang đứng bên cái bàn viết, một hộp đựng ngọc trước mặt nó. Trong một phút, nó quan sát bà Miller rồi nhìn bà, nó cười :

— Ở đây không có chi bánh cả, nhưng con thích cái này. Cái này dễ thương

Vừa nói, tay nó vừa cầm một cái trâm bằng ngọc ngũ sắc.

— Để lại đó cho ta...

Vừa nói xong câu nói, bà Miller chợt thấy như mình cần phải có ai giúp đỡ trong lúc này. Bà đứng dựa vào khung cửa phòng, đầu thấy nặng trĩu, tim như có cái gì làm bà nghẹn thở. Ánh sáng trong phòng như chập chờn... Bà nói :

— Này, của chồng qua tặng qua đó em nhỏ à... để lại đó cho qua...

Miriam nói :

— Nhưng mà tôi thích nó mà, đẹp quá há ! Bà cho tui nghe ! cho con nghe !

Bà Miller tìm một câu nói để lấy lại cái trâm Bà mới chợt thấy quanh bà bấy lâu không có ai thân thiết cả. Bà cô đơn trong đời. Từ đã lâu bà không hề nghĩ đến sự cô đơn đó. Giờ đây, trong căn phòng này, giữa thành phố lạnh im này, bà mới thấy rõ rệt rằng bà không thể sống cô đơn và chống lại cô đơn...

Con bé Miriam ăn ngấu nghiến, hết bốn lát bánh mì, nốc hết ly sữa, tay nó quơ quào trên đĩa bánh không còn một chút vụn. Màu ngọc ngũ sắc của chiếc trâm nó dắt trên áo, xem ra như hòa hợp với khuôn mặt nhìn nghiêng có tóc vàng của nó.

Ăn xong nó thở ra một cái và nói :

— Ngon quá, giờ mà có bánh hạnh nhân hay một trái đào mà ăn nữa thì tuyệt bà há. Kẹo thì khi nào mà chẳng ngon bà nhỉ ?

Bà Miller lúc ấy đang ngồi trên cái ghế đệm nhỏ, hút điếu thuốc. Tóc bà lệnh lạc, vì cái lưới bao tóc sà xuống một bên. Mày sợi tóc vướng trên mặt bà lấm chấm đỏ như thể ai tát bà còn in dấu lại.

— Có kẹo bánh chi không bà ?

Bà Miller gạt tàn điếu thuốc ngay trên thảm. Đầu bà vướng vất khó chịu cái gì đâu. Bà nói :

— Khi nãy em hứa là ăn rồi ra về...

— Bà ơi, con có hứa thiệt à ?

Thì em hứa rồi. Ta mệt quá. Giờ ta mệt lắm.

Miriam nói :

— Bà đừng giận lên ! Con đùa chút mà !

Nó cầm áo choàng lên, đến trước tấm gương, đội mũ bê-rê, sửa qua sửa lại. Xong rồi, nó chạy đến gần bà Miller và nói rất nhỏ :

— «Bà hôn con đi !»

Bà Miller nói :

— Không... qua không hôn đâu !

Con bé Miriam nghiêng đầu, nhíu mày, nó nói :

— Thôi được, bà ưng vậy cũng được.

Và nó đi thẳng tới chỗ cái bàn có để bình hoa giấy, nó cầm bình hoa đến một chỗ nền nhà không có thảm lót, liệng choang xuống. Thủy tinh vỡ văng tung tóe, nó lấy chân dậm trên chùm bông giả

Đoạn nó từ từ đi ra cửa, trước khi khép cửa lại nó còn nhìn lui bà Miller. Cái nhìn thơ ngây nhưng có vẻ tò mò tinh quái.

●

Ngày hôm sau, bà Miller nằm luôn trên giường cả ngày, chỉ có một lần ngồi dậy cho con chim ăn, và uống một tách trà.

Bà nằm, mắt nhìn trao tráo lên trần nhà. Khi chợt ngủ mộng mị như bị sốt. Bà đo nhiệt độ trong người, song cũng không thấy lên độ nào. Rồi giấc mơ này nối với giấc mơ khác, vẽ ra những cảnh tợ hồ có một bàn tay thiên tài đã vẽ nên vậy : một đứa bé gái, đầu đội mũ đám cưới và có choàng vòng hoa, dẫn đầu một đám rước buồn rầu theo một con đường núi nhỏ đi xuống .. mọi người yên lặng lạ thường.., rồi một người đàn bà ở cuối đám rước lên tiếng :

— «Nó dẫn mình đi đâu đây ?»

Người đàn ông đi trước lên tiếng :

— « Ai mà biết ! »

Lại một người thứ ba nào đó nói :

— « Nhưng mà nó không đẹp đấy sao ? Nó như cái hoa trắng, sáng rỡ ».

Sáng ngày thứ ba, bà Miller thức dậy thấy khoẻ hơn. Những tia nắng xéo lùa qua màn sáo, dội vào những cơn mơ tưởng tượng yếu đau của bà. Bà mở cửa sổ, thấy ngày đẹp như ngày xuân, tuyết đã tan, những cụm mây trắng muốt bay đầy trời xanh rộng, một ngày xanh cuối mùa.. Và nhìn qua những mái nhà thấp bà thấy giòng sông với những tàu nhỏ nhả khói đùn trong gió ấm... Và trên con đường còn ít tuyết hai bên lề, một chiếc xe vận tải to lớn, tiếng máy nghe ì ầm vang lên trong không khí, chạy ủi cả tuyết !

Sau khi sắp xếp lại căn nhà cho có thứ tự, sạch sẽ, bà ra tiệm tạp hóa, lấy 1 chi phiếu đổi lấy tiền, rồi bà đến tiệm Schrafft ăn điểm tâm, nói chuyện vui vẻ với cô hầu bàn...

A, một ngày thật tuyệt.. hơn một ngày lễ nữa.. đại chi mà về nhà.

Bà đón một chiếc xe đò bảo đi đến đường Eighty-Six ; bà định bụng là sẽ mua một ít hàng ở đường đó.

Bà cũng không biết là sẽ mua gì, nhưng cứ đi rảo theo lề đường, nhìn khách ngược xuôi, họ nhanh nhẹn và bận bịu, làm bà thấy mình có cảm tưởng cách biệt họ.

Lúc đến gốc một đại lộ bà chợt để ý một người đàn ông : một người già, chân khuỵu và vai mang một bao nặng, ông ta cúi khom, đầu đội mũ nhớp nhúa, áo quần cũng bần thỉu. Chợt bà lại thấy mình và người ấy đang mỉm cười nhìn nhau, cười không có vẻ gì thân thiện lắm, như thể chỉ để nhận biết là có mặt đó vậy thôi. Nhưng mà bà nhứt định là trước đây chưa gặp cái người đó bao giờ.

Người đàn ông đang đứng bên một cây trụ điện, khi bà ta băng qua đường thì ông ta đi theo.

Ông ta cứ đi theo đàng sau. Bà Miller liếc nhìn vào tủ kính các gian hàng thấy bóng dáng ông ta chập chờn sau mình..

Tới giữa một khoảng đường, bà ta dừng lại, quay nhìn ông ta. Ông ta cũng dừng lại, ngoẹo cái đầu và nhăn răng cười. Bà biết nói làm sao ? Bà thấy vô ích, và vội bước đi, tuy biết là mình có vẻ yếu đuối...

Đến một con đường khác, vắng vẻ, đi mấy đoạn mà chẳng gặp bóng một người, mà tiếng bước chân của người đàn ông vẫn theo sau gần gần.

Khi bà bước đến một tiệm bán hoa thì tiếng chân ông ta cũng vừa đến. Bà vội vã bước vào tiệm không quên ngó vào mặt tủ kính, coi chừng. Ông ta vẫn nhìn thẳng đường và đi qua, không có ý chi là dừng lại cả, chỉ làm một điệu bộ lạ lạ : ông ta đưa tay sửa nghiêng cái mũ một chút...

Người bán hoa hỏi :

— Thưa, có phải bà bảo bà mua 6 nhánh hoa trắng không ạ ?

— Vâng, hoa hồng trắng.

Rồi bà Miller qua gian hàng bán đồ thủy tinh, chọn mua chiếc bình thay cho chiếc con bé Miriam đã đập. Chiếc bình không đẹp chi, mà giá lại đắt. Song bà ta không muốn mặc cả. Trong ý bà như có dự định gì đó, mà chính bà cũng không rõ nữa.

Bà mua một gói trái anh đào; và ngang qua tiệm bánh Knicker-bocker bà mua 6 cái bánh hạnh

Nguyên tác TRUMAN CAPOTE

Bản dịch NGUYỄN KIM PHƯỢNG

NHÀ CHO MƯỚN

BUỔI chiều bà Thân đến kiếm chồng ở sở. Lúc đó còn hai mươi phút nữa mới tan sở, nhưng nghe có vợ đến tìm, ông Thân liền thu dọn hồ sơ xếp cất vào hộc tủ, đẩy chiếc vespa ra về sớm. Để vợ đợi ngoài phòng khách cũng được, nhưng ông ngại tới lúc tan sở, mọi người lũ lượt ra về trông thấy bà Thân đến đón ông, thế nào họ cũng dòm ngó soi bói bằng những cặp mắt tinh ranh quái ác, những cặp mắt mỉa mai đồng lõa, những cặp mắt phát chiếu một mãnh lực ghê khiếp dồn hãm ông vào cái thế bi thương của con vật đơn độc cùng đường, những cặp mắt khiến ông không khỏi bị ám ảnh rằng sau khi vợ chồng ông đã đi khuất rồi, những người đồng sở, cái đám đông độc địa đó sẽ dị nghị, phanh phui, thêu dệt đủ điều để hôm sau khi vào sở, họ lại biểu diễn thêm những đường banh tuyệt kỹ hơn sút mạnh những văn tứ cay nghiệt vào khung gỗ của ông, cái khung gỗ thảm hại với gã thủ môn thật tí hon đã mang sẵn tinh thần chủ bại nên chân tay đều lúng túng. Nội mỗi câu hỏi xã giao : « Sao, dạo này anh ở đâu ? » thốt ra một cách hoặc chân thật, hoặc lơ là, hoặc đính kèm một nụ cười hàm xúc ý nghĩa đều cũng đủ làm cho ông đỏ mặt và ngã quị được. Huống hồ gì cả một đám đông nghịch ngợm đến bất nhân cầm đá liệng vào ông. Những lúc đó, ông thấy mình khốn đốn chẳng khác một thân cây héo rũ nghe vang nhức từng vết chém sâu thêm, chẳng khác một viên sỏi hèn mọn rên rỉ nát nghiến dưới trùng điệp những gót giày đinh cứng nặng. Đám đông không bao giờ có nhân tính, một con người đứng riêng rẽ là một con người nhưng đám đông lại là một con thú hung tợn và con người, khi đã lâm nguy trong trùng vây của đám đông, cũng đương nhiên trở thành một con thú yếu hèn, hốt hoảng.

Khi bà Thân đã ngồi vững trên xe rồi, ông Thân ngoái cổ lại nói nhỏ vừa đủ cho vợ nghe :

— Anh đưa mình đi ăn.

Bà Thân bàn :

— Bây giờ còn sớm quá, nếu chưa đói lắm thì mình đưa em đi thăm bé Thảo trước.

Ông Thân ngần ngừ một chút :

— Lát tôi, anh sẽ đưa mình đến nó. Bây giờ đi ăn trước đã, anh đói lắm rồi.

Bà Thân có vẻ không hài lòng nhưng cũng đáp xuôi lơ :

— Tùy anh.

Ông Thân sang số. Chiếc xe rồ máy phóng mau. Nắng còn nóng gắt. Nhưng thành phố đã bắt đầu đông người và xe. Được một quãng đường, ông Thân nói :

— Hay là anh đưa mình đi chơi phố một lát rồi đi ăn. Mình chịu vậy không ?

Bà Thân đáp lửng lơ :

— Sao cũng được. Nhưng mình vừa bảo đói lắm kia mà.

Ông Thân chắc lưỡi :

— Đói thì đói nhưng đi chơi phố một lát có sao đâu. Hay là mình không thích đi chơi phố ?

Bà Thân đáp vu vơ và chán nản :

— Không phải không thích.

Hai người lặng im. Bà Thân biết rằng chồng mình ngần ngại đi thăm đứa con gởi ở nhờ nhà em gái ông. Bà cũng hiểu nỗi khổ tâm ngại ngùng của chồng khi phải chạm mặt những người bà con, phải trả lời họ những lời thăm hỏi liên quan tới gia đình, chỗ ở...

Ông Thân cho xe chạy lách trong những con đường lớn của trung tâm thành phố. Giờ này, những người Mỹ đã khởi đầu chuyến la cà ban đêm của họ.

Ông Thân ngừng xe, dựng ở vệ đường, khóa lại, và hai người thả bộ, nhập lẫn vào đám đông. Len lỏi trong khu chợ trời, bà Thân chọn mua một chai dầu thơm loại xịt hơi, một cục sà bông và một hộp nho khô. Những vật dụng đó, bà bỏ vào chiếc sắc tay đen lớn khiến nó phình lên. Khi hai người đã ra khỏi khu chợ trời, bà bỗng kêu :

— Em quên mang theo chiếc khăn tắm.

Rồi bà lôi chồng trở vào, chọn mua một chiếc khăn lông nhỏ khổ màu hồng lợt.

Hai người trở lại chỗ để xe và ông Thân chở vợ đi tìm một hiệu cơm tây trung bình ở khu Chợ Cũ. Phải đi qua hai ba hiệu mới tìm được chỗ trống ; dạo này, thiên hạ đi ăn nhà hàng đông ghê.

Khi đã ngồi vào bàn, chờ món ăn đem ra, ông Thân hỏi vợ :

— Sao mới bữa nay mình lại đi kiếm anh ?

Người đàn bà cúi mặt xuống, hai tay xoay nhẹ ly nước cam, đáp thật khẽ :

— Thì nhớ mình chớ còn sao nữa. Cả đêm hôm qua, em không làm sao dỗ được giấc ngủ.

Ông Thân nhìn vợ. Mặc dù đã ba mươi bảy tuổi và đã có ba con, bà Thân vẫn còn mặn mà dễ coi với một thân thể đầy đặn nhưng gọn gàng, những đường nét đều hơi dư ra một chút, một chút xíu thôi đủ để giúp cho làn da đầy lui được những nết nhăn của một thời kỳ phản trắc, Ông Thân mỉm cười nói ghẹo vợ :

— Cái gì mới hôm nọ đây mà hôm nay lại kêu nhớ nữa rồi. Mình tệ thật.

Bà Thân đỏ mặt, cãi lại :

— Hôm nay thứ sáu, gặp nhau hôm chủ nhật, cũng cả tuần rồi còn gì. Mình nghĩ coi có vợ chồng ai kỳ cục như vợ chồng mình không ?

Câu nói đó của vợ làm cho ông Thân đang vui vẻ bỗng bực mình, ông nghe như đó là một lời oán trách rất nặng. Ông nói, giọng hơi gắt :

— Thì hồi đó mình cũng chịu vậy, anh mới làm, chớ bộ anh quyết

truyện ngắn

tô thùy yên

định một mình anh sao, mà bây giờ mình lại rầy rà anh.

Không thấy phản ứng gì của vợ, ông tiếp lời, giọng đã nguôi ngoai bớt:

— Chớ mình nghĩ coi chẳng lẽ suốt đời anh cứ phải đi làm ba đồng ba cọc, không ngóc đầu lên được hay sao? Chẳng qua anh muốn cho mình với xấp nhỏ được sung sướng về sau, anh mới tính chuyện hy sinh chịu đựng tạm một thời gian thôi, chớ có dè đâu phải kéo dài ra nông nỗi này.

Bà Thân vẫn yên lặng, một yên lặng vừa nhẫn nhục vừa hờn dỗi. Ông Thân cũng thôi không nói thêm. Người bồi bàn bắt đầu dọn món ăn ra. Và suốt cả buổi ăn, hai người không trao đổi lời nào nữa.

Thanh phố đã lên đèn. Những cơn gió nhẹ từ bờ sông thổi lai rai, hòa loãng bớt cái nóng còn lại của một ngày nắng đậm. Sự sinh hoạt lắng dịu xuống một nhịp độ trầm đều như một dòng sông đã đứng con nước. Những cánh cửa hé mở của những Snack-bar đông nghẹt, đèn đóm mờ mờ để thoát ra từng mảng tiếng hò reo cười đùa sôi nhộn.

Bà Thân nói:

— Mình đưa em đến thăm bé Thảo, nó bị cảm nóng hôm qua.

Ông Thân lẳng lặng đạp nổ máy xe, chở vợ chạy về phía Tân Định. Bé Thảo năm nay lên tám tuổi là đứa con thứ hai của ông bà Thân. Từ mấy tháng nay, vợ chồng ông gởi nó ở nhờ nhà cô Minh, em ruột của ông Thân. Cô Minh lấy chồng đã gần mười năm rồi nhưng chỉ sanh được mỗi đứa con gái đặt tên Dung, cũng xấp xỉ tuổi bé Thảo.

Chú Thịnh chồng cô Minh, đi vắng. Nhà chỉ còn cô Minh và hai đứa nhỏ. Ông Thân cảm thấy dễ chịu vì không phải gặp người em rể. Kể ra, chú Thịnh đối xử rất tử tế với vợ chồng ông, chính ông cũng biết vậy, nhưng chẳng hiểu sao từ mấy tháng nay, cái gia cảnh kỳ cục của ông đã gây nên trong đầu óc ông một mặc cảm thấp hèn ái ngại trước mặt những ai biết rõ gia cảnh của ông, kể cả những người thân thuộc đáng lẽ không cần phải giữ gìn cho lắm.

Con Thảo đã khỏi bệnh, đang ngồi học với bé Dung thì ông bà Thân tới. Nó ùa đến, bá lấy cổ mẹ, hôn, nói:

— Con nhớ má quá.

Rồi nó bước lại trước mặt ông Thân, khoanh tay thưa ba mới tới. Bà Thân bảo:

— Con hôn ba đi

Nó lặng lẽ làm theo lời mẹ. Xong nó đi men tới đứng bên ghế bà Thân. Bà mở sắc lấy hộp nho khô đưa cho nó:

— Con chia cho em Dung ăn với.

Cô Minh hỏi anh:

— Anh còn ở trong sở không anh Hai?

Ông Thân gật đầu. Cô Minh nói tiếp:

— Em có bà bạn tính mua một căn nhà để cho mướn, chắc không mắc lắm đâu. Em đã dặn rồi, chừng nào được em sẽ cho anh hay. Nhưng hơi xa, nghe đâu trong Ngã Năm Bình Hòa lận, anh chị chịu ở trong đó hông?

Ông Thân nói:

— Đâu cũng được. Anh ở tạm, nếu không được vừa ý thì bao giờ tìm gặp chỗ tốt hơn, anh sẽ dọn đi. Em rán chạy hỏi giùm anh, chớ anh chịu thua rồi đó.

Đã mấy tháng nay, hễ rảnh rỗi giờ nào là ông Thân đi lùng khắp thành phố, ra cả ngoại ô, Bàn Cờ, Khánh Hội, Phú Lâm, Gò Vấp, đâu đâu ông cũng đã chạy tới, len lỏi vào các đường cùng ngõ cụt mà vẫn không tìm ra được nhà để mướn. Nhà cho mướn thì thiên hạ đã mướn cả rồi. Rất tiếc. Ông đến chậm quá. Hằng ngày ông truy tầm trong mục rao vặt các nhật báo, tim đập mạnh, mắt hoa lên, tay chân run rẩy khi nhìn thấy có đăng nhà cho mướn. Ông tức tốc phóng xe đến nơi. Chiếc vespa của ông mới đầy trong hãng ra, vừa chạy xong thời kỳ rodage không lâu, máy móc thật ngon lành và ông xả hết tốc lực. Vậy mà lần nào ông cũng đến chậm. Giận chưa. Dường như thiên hạ, tất cả thiên hạ rình rập đâu tự hội nào, hễ trông thấy cái bảng House for rent trương lên là tức khắc đổ ùa tới, hàng hàng lớp lớp, xô lấn nhau, giẫm đạp nhau mà vồ lấy ngôi nhà. Mắc rẻ gì thiên hạ cũng chịu mướn. Mướn xong, chạy đi kiếm Mỹ cho mướn lại, kiếm lời. Quả là thời loạn lạc nhiễu nhương, người khôn của hiếm.

Cô Minh lại hỏi:

— Còn ngôi nhà cũ liệu có lấy lại được không anh?

Ông Thân lắc đầu, giọng chán nản:

— Lấy lại thế nào được. Trừ phi người ta không chịu mướn nữa thôi. Mà đời nào người ta dại bỏ đi, trả lại ngôi nhà đó. Trước đây, anh cho mướn chỉ có ba mươi ngàn, luôn cả bàn ghế tủ giường, chớ giá tiền bây giờ, bốn năm mươi ngàn chưa chắc đã kiếm được ngôi nhà tương đương. Thành thử khó mà hy vọng người ta trả lại ngôi nhà cho mình.

Cách đây mười mấy năm, ông Thân mua được một ngôi nhà cư xá bán trả góp cho công chức. Hết nợ xong, ông dành dụm được chút đỉnh tiền liền lên lầu và xây hàng rào nên ngôi nhà coi cũng tới lắm. Nghĩa là ngôi nhà ra một ngôi nhà: ngăn nắp và tiện nghi.

Người Mỹ sang Việt Nam ngày càng đông. Nhà phố cho mướn rất được giá. Ông Thân nhận thấy ngôi nhà dư ở, bỏ không kể cũng phí nên ông bàn với vợ cho Mỹ mướn căn lầu, mỗi tháng kiếm thêm chín, mười ngàn gì đó. Bà Thân đồng ý. Nhưng ông Carlson không thuận mướn mỗi căn lầu, ông muốn mướn trọn ngôi nhà, luôn cả bàn ghế tủ giường với giá ba mươi ngàn mỗi tháng, trả trước sáu tháng. Món tiền to tát đó làm cho ông Thân phải ngẫm nghĩ. Ông bàn đi bàn lại với vợ. Ông tính cho mướn cả ngôi nhà rồi đi mướn lại ngôi nhà khác rẻ hơn mà ở. Ông nói mình người Việt Nam đi mướn nhà chắc phải rẻ hơn người Mỹ. Như vậy mỗi tháng cũng còn dư được hai mươi mấy ngàn. Dễ dầu gì đi làm công chức như ông mà kiếm được hai mươi mấy ngàn mỗi tháng. Tạm thời, ông phân tán mỏng gia đình, cho thằng Liêm, đứa con lớn của ông ở nội trú trong trường, bé Thảo thì gởi cho vợ chồng cô Minh, vợ ông và bé Lân, bốn tuổi, về ở với mấy bà dì vợ. Còn ông, ông ở luôn trong sở, chỉ cần một chiếc ghế bố và một cái mùng là xong. Ổn lắm rồi còn gì. Vài hôm sau, ông ký giấy nhận tiền của ông Carlson. Nhưng khổ sở cho ông là nhà kiếm không ra để mướn. Hỏi được thì người ta đòi hỏi mỗi tháng ba bốn chục ngàn, chỉ nhà không thôi. Mà ngôi nhà đâu có rộng đẹp bằng ngôi nhà ông cho cam. Bây giờ, nếu chịu mướn, chẳng hóa ra mình ngu dại đã làm mọi, còn mất thêm của nữa hay sao?

Gần chín giờ, ông Thân đưa vợ vào Chợ Lớn, tìm khách sạn mướn phòng. Khách sạn này, ông đã đem vợ đến ở mấy lần rồi. Á xầm già coi việc ghi chép sổ sách nhớ mặt ông, nói:

— Dãy phòng phía trong đã hết. Thầy lấy tạm phòng phía đường, hơi ồn ào một chút nhưng mát hơn.

Ông Thân gật đầu cho xong chuyện. Á xầm gỡ một chiếc chìa khóa đồng treo trên tấm bảng đen kẻ ô từng phòng đưa cho ông. Cầm lấy chiếc chìa khóa trong tay, tự nhiên ông Thân cảm thấy xấu hổ. Ông liếc nhìn vợ nhưng bỗng bắt gặp đôi mắt nàng, ông liền cúi mặt xuống.

Tất cả những căn phòng khách sạn đều như nhau: cũng giường nệm, tủ áo, một cái bàn với một cái vỏ ấm và hai cái ghế. Nhìn căn phòng khách

● xem tiếp trang 32

TRẦN ĐỨC UYỂN

những thằng mù

Hãy nhìn xem kìa
Thật buồn cười đến chết
Những thằng mù đang dắt chúng ta đi
Đi lò cò cà nhắc
Đi từ mày đến nó
Đi từ đây tới kia
Đi vòng quanh trái đất.

Những thằng mù đang dắt chúng ta đi
Với chân tay xiềng xích
Cổ bị đóng gông, ngực cắm lưỡi lê
Họ bảo chúng ta làm xiếc

Thoạt tiên tôi đóng vai một tên nô lệ
Mặt mũi lem nhem chợt khóc chợt cười
Tôi hoa múa tay chân thấy mình chuyên nghiệp
Biến thành tên hề mà đâu có hay.
Khi nhìn lại đồng bào tôi
Những đứa con gái đánh đu nhảy vòng lửa
Những thanh niên ngồi lưng cọp leo dây
Trẻ con tập bắn súng.
Mỗi người đều có vai đề thủ
Chẳng thừa một ai
Và bây giờ chúng tôi đang diễn xuất.

Hãy diễn xuất, diễn xuất
Hỡi đồng bào tôi
Trái đất này là sân khấu
Hãy trổ hết tài nghệ mà chúng ta đã được dạy
Hãy uốn éo
Hãy làm trò
Hãy há miệng hay cong môi
Hãy kêu lên bằng tiếng khò khè
Họ đang bàn tán về chúng ta ở khắp mọi nơi
Hãy ráng sức làm một pha cục lạc

Làm một pha cục lạc
Thật cục lạc
Để cho mọi người nhe răng cười
Hỡi đồng bào tôi
Hãy quên đi sự nghèo đói và túng thiếu
Hãy quên đi những ngày mặt trời thiêu trên lưng
Những đêm không hề ngủ
Và đừng nhớ gì, đừng nhớ gì
Cả nỗi sầu thảm kia, cả sự huy hoàng đó
Chúng ta hãy ca múa giúp vui
Mang những đồng tiền về cho mấy ông bầu
Những đồng giấy nhơm nhớp mồ hôi
Và nhưng đồng vàng long lanh ánh mắt
Ánh mắt thèm khát nhưng tuyệt vọng của chúng ta
Như chẳng bao giờ tắt.
Chiếu mãi trong đêm hư vô
Như những vì sao yếu
Thoi thóp thoi thóp và sắp rơi

Rồi ngày mai khi mặt trời vừa nguội
Chúng ta lại đánh bạn với voi ngựa
Với sư tử, gấu và khỉ
Với những dây đu và báng súng
Và tôi sẽ đi bằng hai tay dốc ngược.
Tất cả những trò chơi nguy hiểm này
Đều không bảo đảm gì cho sinh mạng chúng ta
Vậy mà chúng ta không có quyền từ chối
Dù chúng ta vô tội

TRẦN TUẤN KIỆT

giả biệt

một người mù đã khuất
thành phố buồn trăm năm
trẻ thơ thì được cuộc
nắm mơ bóng trăng rằm

VIÊN LINH

tự sát

Tặng PHẠM KIỀU TÙNG

Anh giải nghĩa cho tôi
vì sao anh muốn chết
vừa tan vỡ nghĩa đời
hay mộng tình chớm hết,

Kẻ khác chính là người
tôi chọn làm địch thủ
tự đó sống ở đời
tôi ra công phòng vệ

Nhưng hạn sống trăm năm
có ai mang đủ số
tượng đá phải hằng hằng
vậy mà rồi cũng vỡ,

Ta sẽ thua sẽ thua
để cho tôi tự xử.

Ở đời có kẻ sướng
có kẻ khổ như anh
qua đêm rồi sẽ sáng
khởi sự lại bình minh

Kẻ sung sướng hôm nay
đã về hùa tối trước
nhưng chống đối từng ngày
cũng về hùa lúc chết
bởi khi ta thở hắt
đành khuất phục mọi người
vì bàn tay vuốt mắt
không phải là tay tôi,

Trong những cõi nhân sinh
một mình không có tội.

Anh hãy sống mình anh
dương gian bao lục địa
trong những cuộc hành lạnh
ta một mình một chỗ

Nhưng đi là phải đến
sống đây tra vấn hoài
mà kẻ khác là người
nói lên lời nói chót.

Hắn cầm lấy con dao
tự mình đâm thủng ngực
khi nạn nhân kêu gào
hắn há mồm khóc lóc

Trong cái chết tự do
giây nộm đời vẫn giật

ROBERT FROST

vùng hoang vu

Tuyết rơi và đêm về nhanh thật nhanh
Trong một cánh đồng tôi ngó thấy khi đi qua
Trên mặt đất dường như khắp nơi tuyết đều phủ một lớp đều đặn
Trừ vài bụi cỏ khô va đôi mái nhà tranh là hãy còn trông thấy được

Rừng cây chung quanh cũng có tuyết phủ— tuyết là của cây cối
Muông thú đều ngột ngạt trong các hang hóc
Lòng tôi ngất ngây nên chẳng biết cơ man nào mà đếm
Nỗi cô độc xâm nhập hồn tôi lúc nào tôi cũng chẳng hay

Và quạnh hiu như một nỗi niêm cô độc
Nó hiu quạnh hơn cả hồi tuyết hãy còn rơi ít
Một màu trắng hơn tuyết của màn đêm phủ xuống
Không một lời biểu lộ, tuyệt nhiên không có gì để biểu lộ

Chúng chẳng làm tôi kinh hãi với những khoản g trống không của chúng
Giữa những vì sao — trên những vì sao mà ở đó vắng bóng loài người
Tôi có khoảng trống trong lòng thật nhiều gần gũi với tôi
Lòng tôi chợt kinh hãi với những vùng hoang vu ấy

tr ần kim vũ dịch

TẦN VY

bán đảo Ấn Trung

Tôi sinh ra trên biển cả mênh mông.
Trên mảnh đất gầy khô cằn cỗi
Mỗi ngày tôi bơi lội trên nước.
Tôi chống cự với gió bão
Với đói khát,
Cuộc đời tôi như vậy đó.
Vì đã trót sinh làm rong rêu của biển.

Tôi đã trót sinh lầm làm rong rêu của biển khơi.
Nên dù đã cất tiếng oán than.
Tôi vẫn là tôi.
Không thể nào xóa được.

Khi tôi kêu đòi sự sống.
Anh em tôi cười thầm.
Loài người nín cảm.

Tôi vẫn nói tôi đã sanh lầm trong thế kỷ này.
Sanh lầm trên bán đảo Ấn Trung.
Và dưới bóng mặt trời tôi không ngừng mơ ước.
Mơ ước về một miền để an nghỉ
Mơ ước một cuộc đời bình thản.
Mơ ước một mặt đầm xanh ngắt êm đềm
Nhưng nơi mà tôi sống.
Biển không ngừng nổi loạn.
Bão tố đã kéo tôi vào vùng tội lỗi.
Cơn gió lốc làm tôi quay cuồng,
Tôi quay, quay trong cơn gió.
Và cuối cùng tôi đã cúi đầu nhận lãnh tất cả.
Như anh em bà con tôi đã đón nhận số phận của họ.

Sóng vỗ vào bờ những lời tiếc thương,
Và biển vẫn điên cuồng nổi sóng.
Tôi bây giờ chỉ còn một mình.
Trong cái bóng của tiền thân.
Bạn bè tôi đã ở xa hơn cả bóng đêm.
Cao hơn cả mặt trời.
Họ đang sống ở một thế giới khác
Mà tôi chưa hề hay biết.
Nhưng tôi vẫn mơ ước được ở đó.

Tôi chỉ còn một mình
Sống lặng lẽ, âm thầm, xa vắng!
Tôi đứng yên nhìn con cháu lớn lên.
Để cảm phẫn sự buông trôi đời sống của nó.
Để nhìn dân tộc điêu linh.
Nhìn hờn căm chồng chất.

Tôi bất lực trước suy tàn của đất nước.
Tôi thiết tha mong ước còn mang tên Việt Nam.
Nhưng tiếng nói tôi lúc này chỉ một mình tôi nghe.
Bởi vì lúc mới sanh tôi đã mang tên loài xảo quyệt

1-4 PHÁT HÀNH

tiếng nói

Tạp chí vận động văn học thật lực

Số 1

Tình cảnh nhà văn Việt Nam những năm 50-60

Chủ biên bởi

Dương nghiễm Mậu — Đỗ quý Toàn — Nguyên Sa — Trần dạ Từ — Nguyễn nghiệp Nhượng — Nhã Ca — Nguyễn thụy Long — Phạm thái Thủy — Phan tùng Mai — Trần đức Uyển — Viên Linh

ĐÃ PHÁT HÀNH

BƯỚC ĐẦU NHIẾP ẢNH NGHỆ THUẬT

CAO ĐÀM — CAO LĨNH

Dày 200 trang — 23 phụ bản nhiếp ảnh

chọn lọc — giấy quí — biên soạn công phu làm sáng tỏ vấn đề sáng tác nhiếp ảnh nghệ thuật

Màn Ảnh xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

ĐÔI MẮT TRÊN TRỜI

truyện ngắn

Dương Nghiễm Mậu

Giao Điểm xuất bản

TRUYỆN DÀI

doãn quốc sỹ

PHẦN I

Đốt Biên giới

23

doãn quốc sỹ

TÔI đã bảo thím đừng mắc mưu nghe người ta nói ra nói vào mà. Tôi nhận được thư thím tôi lên đây ngay cứ tưởng là chú ấy hư hỏng ruỗng đời ra rồi. Vừa gặp chú, tôi hỏi ngay : «Sao tết vừa rồi không về ? ở nhà hễ cứ nghe tiếng xích lô máy hay tắc xi dừng lại trước nhà là cả lũ cháu chạy ra cửa đón, tưởng chú về !» Chú đáp « Tại có hành quân nên em bắt buộc phải ở lại để còn phân phát săng cho các đơn vị». Tôi bảo : «Hành trăm hai mươi quân chứ gì ? » Chú nói thật là vào những dịp nghỉ đôi khi có đánh chắn, nhưng là đánh nhỏ để tiêu khiển. Mà tôi xét ra đúng thế đấy. Thì ra chú giận thím hai điều : một là cả ghen quá, hai là hay nghe lời người ta nói thêm mắm thêm muối. Chú về muộn một chút là thím lồng lộn đi khắp khu phố tìm như tìm trẻ lạc, chú bảo là làm đơn xin đổi đi Côn sơn là thế. Thím lại nghe người ta nói là chú nghiện nên chú điềm nhiên nhận ngay là mình nghiện để trêu tức thím.

— Chi có biết không, hai tháng nay hễ lĩnh lương là thua bạc hết, có đưa cho em được đồng nào đâu.

— Không phải đâu thím ơi, tại thím cứ mè nheo chú đánh bạc nên chú cũng lại làm ra thế, để trêu tức thím.

— Thì hôm qua chị vừa lên tới, nhà em chả ngửa tay vay chị một ngàn bạc để tiêu là gì.

Người đàn bà mặt trái soan bật cười rồi hạ giọng nói :

— Không phải đâu, vẫn là chú cố tình trêu tức thím, chú gửi tôi cả hai tháng lương rồi. Ấy chốc nữa về thím đừng nói gì nữa nhé, dầu sao tôi cũng khuyên can chú đủ điều rồi, từ nay thím cứ đừng ghen nữa, đừng nghe người ta thêm mắm thêm muối nữa là vợ chồng lại hòa thuận như xưa, thím nhớ lấy !

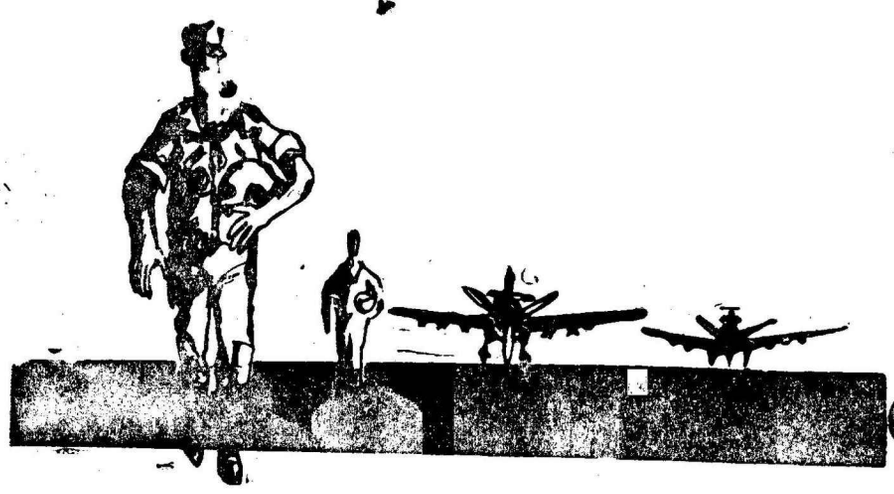

cúi đầu

doãn quốc sỹ

cúi đầu

Trời chỉ còn lất phất, hai người đàn bà dời khỏi nơi trú, xuống đường ngược dốc trở về. Thuận cũng xuống đường ngược một cái dốc khác vừa đi vừa mủm mỉm cười theu dẹt một liên tưởng. Thuận liên tưởng đến chuyện đời xưa thời ông cha mở nước, những người lính thu được cử đến trấn thủ một khu vực biên giới vừa mới được thiết lập dưới hình thức đồn điền, những người lính ở lẫn với những người dân khai khẩn, nhiều khi cùng tham dự khai khẩn; những người lính cần cù mở nước, đơn sơ trong cách sống và giữ nước tận tình, nhưng ra phết với vợ con, nhưng cũng đa tình ra phết với phụ nữ chưa chồng trong đám người khai khẩn.

Trong thời gian trấn thủ thế nào chẳng gian díu thanh phòng hai phong ba với cô nào đó, rồi bắt chợt chính thất ở tận quen nhà xa xôi gông gánh lặn lội tới; Thuận nhớ mang mang những câu ca dao :

Bồng bồng nảy lộc ra hoa,
Một đoàn vợ lính chảy ra thăm chồng
Ra đi có gánh có gồng,
Tới chốn thăm chồng bảy bị còn ba

Ối chao, phải trịnh trọng quát mắng chứ :

Ai về nhắn nhủ mi ra
Để mi lại kể con cà con kê
Muốn sống muốn tốt thì đưa nhau về
Việc quan anh giữ một bề cho xong

Mặc cho đức ông chồng trịnh trọng nổi cơn lôi đình thịnh nộ — Thuận tiếp tục vừa ngược dốc vừa nghĩ, vẫn nụ cười hơm hỉnh phang phất trên môi — các bà cứ việc lẳng lặng xếp quang gánh lại ở lì cho qua đêm; những người đàn bà xa chồng đã lâu ngày đó như những thửa ruộng mầu cực kỳ phì nhiêu chỉ chờ hạt giống rụng xuống là chụp lấy mà nảy ộc thành cây... Rồi các bà trở lại quê nhà đợi ngày chồng mãn *việc quan* hồi hương. Người chồng hồi hương chắc chắn có để lại chốn biên cương heo hút người vợ bé với mấy đứa con thơ. Trời ơi — Thuận nghĩ — ba năm trấn thủ thì có thể là ba đứa lắm chứ ! Các bà chính thất biết thừa vậy, nhưng có hề gì, làm giai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên thì chỉ có một chồng. Thuận hướng trí suy tưởng về những người vợ bé và đàn con nhỏ chốn biên thùy mới mở. Mẹ con đùm bọc lấy nhau những luống mầu tiếp tục được vỡ ra, biên cương luôn luôn được nới rộng thành khu đồn điền mới, những người lính trấn thủ mới tới, những cuộc phối hợp quân dân mới, để lại có những đứa trẻ oe oe ra đời bồi bổ sức sống, gây đầm ấm, gây niềm tin cho miền quan tái. Những lũy tre được mọc lên, những mái đình, mái chùa được dựng lên, ngày xuân mở hội tuồng trèo... và cứ thế.. quê hương thành hình cho đến mũi Cà Mau.

Ồ Thuận đã về đến nhà. Vô thức đã xui Thuận theo đường về nhà, đợi lát nữa sẽ tới gặp Huyền ở đám giỗ.

Phải — Thuận đã nằm thoải mái trên giường tiếp tục nghĩ—quê hương đã thành hình dần đến mũi Cà Mâu và bây giờ thì .. cốt nhục tương tàn. Thuận nghĩ đến sau vài ngày đây, hết phép, Thuận sẽ trở lại hoạt động với các bạn đồng đội, lại những bản đồ, những phi vụ, những phi cơ rú máy khi nhào xuống, những nút được bấm, những hỏa tiễn được phóng ra, những tràng liên thanh khạc lửa, những vùng khói trắng từ mục tiêu trúng đích bốc lên, có khi đó cũng là một vùng khói tỏa ôm lấy một thế giới vắng lặng đã chết, có khi thoáng những bóng người chạy cuống quýt như những con chuột cùng đường. Thuận lắc đầu hướng ý nghĩ về chuyện khác để tránh những hình ảnh của chiến tranh bi thảm. Huyền, tất nhiên hình ảnh Huyền xuất hiện như một điểm tựa vừa êm ái vừa lâu bền, như một niềm an ủi xa xưa và trường cửu. « Huyền không thể từ chối tình yêu của mình được » — Thuận nghĩ thầm thế, nhưng hai đứa rồi đây sẽ yêu nhau ra sao đây ? Thuận lại lái ý nghĩ về cuộc chiến tranh hiện tại để tránh câu tự vấn cùng đường về tình yêu, và tới đây cả hình ảnh Huyền với hình ảnh chiến tranh hòa quyện với nhau thành một màu khốc liệt của đam mê. Thuận nhất định phải chiếm cứ tình yêu Huyền làm chiếc giáp trường cửu chống với những phi lý bất thường của hiện tại. Mưa bên ngoài lại đổ rào rào. Thuận ra đứng tựa cửa sổ nhìn màn mưa bên ngoài, một chiếc vespa xuống dốc, người lái là một quân nhân khoác ngoài chiếc áo mưa *poncho* của lính, phía sau che kín một thân hình đàn bà, có thể là vợ anh, cũng có thể là nhân tình của anh. «Họ cùng nhau lao mình trong mưa trông hay đấy chứ» — Thuận mỉm cười nghĩ vậy. Một con chuột chũi từ một bụi cây ven đường luống cuống chạy về một bụi cây khác ngược sườn đồi, có lẽ nó đương đi kiếm ăn thì gặp mưa nay tìm đường về tổ. Cả khoảng cỏ hoang vu dưới trận mưa dào dạt bỗng bớt vẻ cô đơn và được vẻ sinh động vì có hình ảnh con chuột chũi lật đật tìm về tổ. Hình như tạo vật trên trái đất này— Thuận thốt nhiên nghĩ vậy — không chỗ nào phải cô đơn cả, vì chỗ nào cũng có sinh vật sinh sôi nảy nở. Mà đã nói đến sinh vật sinh sôi nảy nở là nói đến tình yêu rồi còn gì !

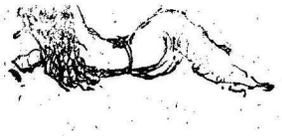

■ còn nữa

Nhân vật :

JOHNNY

BEN ALEXANDER thi sĩ, cha của Johnny

BÀ NỘI CỦA JOHNNY

JASPER MAC GREGOR, ông lão với trái tim trên cao nguyên

ÔNG KOSAK, chủ tiệm tạp hóa

ESTHER, con gái xinh đẹp của ông Kosak

RUFE APLEY, thợ mộc

PHILIP CARMICHAEL, chàng thanh niên nhân viên ở Viện dưỡng lão

HENRY, thằng bé bán báo buổi sáng

ÔNG WILEY, người đưa thư

ÔNG CUNNINGHAM, nhân viên bất động sản

CẶP VỢ CHỒNG TRẺ VÀ ĐỨA CON MỚI SINH

NHỮNG NGƯỜI BẠN VÀ NHỮNG LÁNG GIỀNG TỐT

MỘT CON CHÓ

Không gian :

Một căn nhà trên đại lộ San Benito Fresno, California, hiệu tạp hóa của ông Kosak.

THỜI GIAN

Vào tháng tám và tháng chín năm 1914

Johnny : Này ba ?

Người cha : Hả ?

Johnny : Có thật là chỗ đó giống như một nhà tù không ba ?

Người cha : Đôi khi ba nghĩ chắc rằng đó là một nhà tù. Đôi khi ba lại tin rằng không bao giờ có thể như thế được.

Johnny : Ba nói gì lạ vậy ?

Người cha : Nghĩa là nửa đúng nửa không. Con hiểu chứ. Cả hai đều đúng.

Johnny : Ba có tin rằng thỉnh thoảng ông ấy cũng nhớ nhà chớ ?

Người cha : Ba chắc là có.

Johnny : Con mong ông ấy trở lại đây.

Người cha : Ba cũng muốn gặp lại ông ấy.

Johnny : Con nhớ ông ta luôn ba ơi !

Người cha : Ba cũng vậy. Ba sẽ nhớ ông ấy mãi.

Johnny : Con sẽ còn nhớ ông ấy mãi. Ông ấy đã về đến chỗ ấy rồi chứ ba ?

Người cha : Ba chắc ông ấy đã về tới rồi.

Johnny : Ông ấy có vẻ thích anh thanh niên đó hả ba ?

Người cha : Con muốn nói chàng thanh niên đến đem ông ấy đi phải không ?

Johnny : Dạ phải, như ba biết đó. Anh thanh niên có giọng nói thật sắc như anh ta đang nói trước khán giả.

Người cha : Anh ta khá lắm. (*Chỉ còn một quả nho trong đĩa*).

Johnny : Lấy nốt đi ba !

Người cha (*giọng vui vẻ*). Không, cái đó phần con. Ba đã đếm rồi.

Johnny : Vậy thì được. (*Nó bốc quả nho cuối cùng và ăn*). Như thế có phải là ăn cắp không ba ?

Người cha (*khôi hài*). À, có người cho là phải và có người cho là không (*bí hiểm*). Ta thì bảo rằng không. (*Thật lớn tiếng*). Con hái chúng trên cây nho có phải không ?

Johnny : Phải. Con đã hái chúng từ cây nho.

Người cha (*hài hước*). Như vậy không hẳn là ăn trộm rồi.

Johnny : Khi nào thì mới gọi là ăn trộm hả ba ?

Người cha (*xua tay như điều đó không có gì đáng kể*). Theo ba thì chỉ có thể gọi là ăn trộm khi nào có sự phá hại một cách vô ích hay có sự hung bạo đối với một người lương thiện, đến nỗi có thể đem lại lợi lộc không xứng đáng hay quyền lực cho một người bất chính.

Johnny : Ồ ! (*Ngừng giọng*). Nếu như vậy không phải là ăn trộm thì con có thể đi hái thêm một ít nữa. *Nó đứng lên*). Con sẽ hái chúng một cách dễ dàng (*chạy đi*).

Người cha (*khi cậu con đã đi khỏi, ông cười lớn*). Con trai tôi. Chúa ôi ! thật là quý hóa cho tôi. Tôi biết ơn Ngài biết bao. (*Ông nhặt bản thảo mấy bài thơ lên, đút vào túi áo choàng, rồi ra đường*)

■

Trong cửa hiệu tạp hóa của ông Kosak. Ông Kosak lại đang nằm ngủ trong chiếc ghế xếp có chỗ dựa tay của ông. Cửa hiệu trông có vẻ sa sút hơn trước,

Hình như cả gia đình đang ăn dần vào số hàng hóa tích trữ. Người cha của Johnny đi vào cửa hiệu một cách yên lặng, gần như hổ thẹn. Ông Kosak ngóc đầu dậy, dụi mắt đứng lên.

Người cha : (*gần như có vẻ phạm tội*) Tôi là cha của thằng Johnny.

(Hai người đứng nhìn nhau một lát, mỗi người đều cảm thấy thích thú, bối rối, cảm kích hài lòng và giận dữ về cùng những vấn đề như nhau ở thế gian này : nào là tham tiền, lừa dối, tàn nhẫn, bất công. Cả hai bắt đầu mỉm cười rồi bắt tay nhau một cách thân mật).

Ông Kosak : Tôi nhận ra anh rồi. Johnny có nói với tôi về anh. Đó là một vinh dự.

Người cha của Johnny : Anh là một người rất tử tế.

Ông Kosak : Đâu có gì !

Người cha : (*chậm rãi*). Tôi đến đây để chào từ biệt anh. Để xin lỗi... để cám ơn anh.

Ông Kosak : (*hỏi nhanh*). Anh không có đi luôn chứ ?

Người cha : Tôi lấy làm tiếc...

Ông Kosak : Chúng tôi sẽ nhớ Johnny lắm.

Người cha : Tôi không có tiền để trả anh. Tôi mắc nợ anh...

Ông Kosak : Không đáng là bao mà !

Người cha : Có lẽ tôi sẽ không còn dịp gặp anh nữa. (*Ông rút túi lấy bản thảo mấy bài thơ ra. Giọng mạnh mẽ*) « Tôi » là một thi sĩ. Đây là mấy bài thơ sáng tác. (*nói thật nhanh*). Tôi tặng anh không phải để thay thế món nợ mà đời mắc anh. Tiền là vấn đề khác. (*Nài nỉ*). Anh có thể giữ vì lòng tốt của anh không ?

Ông KosaK : (*Thành thật*). Tôi không thể giữ thơ anh.

Người cha : Tôi tin rằng ông bấy lâu nay buôn bán cũng phát đạt.

Ông Kosak : Người ta không có tiền. Tôi không biết làm sao mà mua thêm hàng đây.

Người cha : Tôi rất tiếc...

Ông Kosak : Mùa đông nầy thật là tệ. Các đại lý giao hàng đều đóng cửa. Không có việc làm. Tôi muốn gửi cho họ ít nhiều nếu tôi có nhưng mùa đông nầy tôi không có tiền để mua hàng mới. Có lẽ tôi phải đóng cửa tiệm Gia đình tôi không đủ sống.

Người cha : (*cảm động và phẫn nộ*). Tôi xin nói cho ông rõ đây là những bài thơ hay nhất trong đời tôi. Tôi muốn dành riêng cho ông.

(*Esther con gái của ông Kosak, một cô bé bảy tuổi thật xinh, từ phía sau đi vào*).

Ông Kosak : Đây là bé Esther, con gái tôi. Esther này, đây là ba của Johnny.

Người cha : Johnny có nói với tôi về Esther.

Esther : (*tuy rất hài lòng nhưng e thẹn*).

Ông Kosak : Họ sắp dọn đi nơi khác rồi con ạ.

Esther : (*xúc động*). Ồ, thế à ?

Người cha : Johnny sẽ nhớ cháu lắm.

(*Đôi môi cô bé rung rung, nước mắt trào ra. Cô bé quay lưng bỏ chạy ra ngoài*)

Ông Kosak : Thường là như vậy.

Người cha : Chúng nó là trẻ con mà.

Ông Kosak : Vâng, nhưng bao giờ cũng khởi đầu bằng cách đó không có gì thay đổi cả. Chỉ có bọn đàn bà là không bao giờ chịu tin như vậy.

Người cha : Ông đưa dùm những bài thơ nầy cho cô bé được không ?

Ông Kosak : Ồ, không có gì đáng quan tâm. Nó sẽ khóc một lát đâu có quan hệ gì.

Người cha : Đây. (*Đưa mấy bài thơ cho ông Kosak*). Anh chỉ cần giữ những bài thơ nầy là anh đã tốt với tôi lắm rồi. (Cao giọng như nói với Thượng đế và với thế gian). Thơ phải được đọc lên mới gọi là thơ. Nếu chỉ cần 1 độc giả thì tôi muốn độc giả đó phải là anh.

Ông Kosak : Cám ơn. Tôi không xứng đáng chút nào.

Người cha (*mỉm cười*). Thôi, chào anh tôi đi.

Ông Kosak : Chào anh.

(Người cha của Johnny ra khỏi cửa hiệu. Người chủ hiệu móc cái kính trong túi ra đeo vào mắt, mở xấp bản thảo, đứng ngẩy giữa cửa hiệu bắt

TRÁI TIM TRÊN CAO NGUYÊN

nguyên tác William Saroyan - bản dịch Đinh hoàng Sa

■ Tiếp theo và hết

đầu đọc nho nhỏ đủ cho mình nghe, môi mấp máy. Nét mặt ông thay đổi. Mưa bắt đầu rơi. Cô bé Esther, con gái ông trở vào)

Ông Kosak (đọc trong một bài thơ bằng một giọng trầm). Tận trung tâm trái đất, rải rác xa trên mặt biển xanh, hay buộc chặt vào đá cứng, ta nhớ em, hỡi người yêu dấu, em hãy nhớ ta. (Cô bé lại nấc lên khóc nức nở, người cha quay lại đến bên con gái)

Trong phòng chính của căn nhà. Một lát sau. Người cha của Johnny ngồi ở bàn nhìn qua đống bản thảo. Trời vẫn còn mưa. Thỉnh thoảng ông lại đứng dậy đến bên cửa sổ.

Người cha: Không biết có chuyện gì chẳng lành xảy đến cho nó không? (Ông trở lại bên đống bản thảo, nhìn lướt qua vài bài thơ, ông chợt đùng đùng nổi giận, hất tung xuống bừa bãi, rồi lại đi về phía cửa sổ. Rồi bước trở lui chỗ cũ, rồi quay lại phía cửa sổ đứng đợi. Cuối cùng Johnny chạy nhanh lên các bậc cấp trước cửa tuôn vào nhà, đóng cửa lại thật nhanh và gài then cẩn thận. Nó không dám thở vì sợ hãi. Nó đang bị người nào rượt đuổi. Nó đang cầm bốn chùm nho cỡ trung bình màu đỏ tím, loại nho Emperors, chừng nửa tá vả đen và hai quả lựu.

Johnny: (*lo sợ, thở không ra hơi*). Dấu ở đâu bây giờ ba?

Người cha: Chuyện gì vậy hả Johnny?

Johnny: Ba bảo đó không phải là ăn trộm mà!

Người cha: (*rất tức giận*) Đúng rồi đó không phải là ăn trộm.

Johnny: Còn con chó của người chủ trại thì sao?

Người cha: Mầy nói gì đó? Con chó của người chủ trại nào?

Johnny: Con chó của người chủ trại đã rượt theo con suốt khoảng đường về đây đó mà.

Người cha: Chó hả? Mầy muốn nói con chó đã rượt mầy hả? Con chó đó thuộc loại gì?

Johnny: Con không kịp nhìn nó cho rõ nữa nhưng con chắc nó to lắm.

Người cha (*giận giữ vì sự nhục nhã ghê gớm này*). Con vật khốn kiếp đó đã cắn hay đã làm gì mầy chưa hả Johnny?

Johnny: Chưa đến nỗi nào nhưng con đã lo rằng nó sắp cắn con bất cứ lúc nào.

Người cha: Nó đã gầm gừ sát chân mầy chưa.

Johnny: Cũng chưa.

Người cha: Vậy thì có gì đã xảy ra?

Johnny: Con chỉ cắm đầu chạy riết và con cho đuổi theo ngay đang sau.

Người cha: Bây giờ nó ở đâu?

Johnny: Con chắc nó ở ngoài cửa. Ba có chắc như vậy không phải là ăn trộm không?

Người cha (*rất tức giận, ăn ngay ba hay bốn trái nho*). Dĩ nhiên đó không phải là ăn trộm rồi. Ba sẽ lo về con chó đó cho. Không có người nào hay con thú nào có thể dọa nạt ba mầy được cả Johnny ạ! Mầy nên luôn luôn nhớ điều đó.

(*Ông rón rén bước về phía cửa sổ, thò đầu ra ngoài*)

Johnny: Nó còn ở ngoài đó không ba?

Người cha: Có một con chó con ở ngoài đó. Hình như nó đang ngủ.

Johnny: (*nhăn nhó nhảy dựng lên*). Con biết nó mà. Nó là con chó của người chủ trại, nó nằm đợi con đó.

Người cha: Nó đâu phải là một con chó to lắm như mầy nói.

Johnny: Vâng, nhưng nếu đúng như vậy là ăn trộm — nếu nó là con chó của người chủ trại — thì biết làm sao?

Người cha: Thế nào? con cho con đó không là của ai đâu Johnny. Con chó con đó chắc đang tìm một người bạn thì đúng hơn.

Johnny: Nó rượt con suốt khoảng đường về đây ma. Ba có chắc nó đang tìm bạn không?

Người cha: Ba chắc lắm chứ Johnny. Ba đâu phải là một thi sĩ ngu muội. Ba hiểu biết người và vật lắm chứ. (Con chó bắt đầu gầm gừ và sủa vang. Người cha sợ hãi từ chỗ cửa sổ nhảy tót vào phía trong. Johnny nhảy bấn loạn và im thin thít).

Johnny: (*thì thào*). Gì vậy ba?

Người cha: Dường như có ai đang tới.

Johnny: Đó ba thấy chưa! Đúng như vậy là ăn trộm rồi. Người hủ trại tới đó (Nó chạy lại bàn hốt hết thứ trái cây lại cầm lên tay. Bà nội nó chạy vào phòng)

Bà nó: (*bằng tiếng Armenia*) Có tiếng gì la ồn ngoài mưa vậy?

Người cha: Suỵt.. (Johnny đem mớ trái cây ra khỏi phòng chính, quay lại sợ như chết. Con chó vẫn còn gầm gừ sủa vang. Người cha còn lo sợ hơn cả cậu con).

Johnny (*buồn lo nhưng bây giờ lại cáu tức*) Đáng giận quá hả ba? Bây giờ thật là bối rối quá chừng!

Người cha: Ba ước ao có một điếu thuốc.

Johnny: (*bây giờ đã bực mình về cha nó, nó nói với bà nội bằng tiếng Armenia*). Có thuốc hút không bà (Bà nội nó chạy qua phòng bên cạnh Con chó đã thôi gầm gừ)

Johnny: Ba thấy chưa? Người chủ trại đó rồi. Con trốn ở đâu bây giờ? Đừng mở cửa nghe ba?

Người cha: Mở cửa à? Giúp ba một tay đẩy cái bàn này. (Họ đẩy cái bàn lại chắn ngang cửa, rồi nhón chân rón rén lui lại giữa phòng. Bà nội johnny chạy lại với một điếu thuốc và một hộp diêm, bà đưa cho cha của johnny. Ông ta châm thuốc, hít một hơi dài rướn người len ngay ngắn).

Người cha: (*bi thảm*). Chính ba là người đã hái mớ trái cây đó con hiểu không!

Johnny: Đừng mở cửa nghe ba. (Cha nó lấy một cái ghế sè sẹ đem đến đặt lên chiếc bàn chắn ngang cửa cho nặng hơn. Johnny cũng bắt chước bê một cái ghế dựa đặt lên bàn. Ba cụ cũng để lên đó cái hủ. Cha của Johnny bỏ thêm lên bàn ba quyển sách để làm chướng ngại vật. Trong lúc tiếng gõ cửa vẫn tiếp tục, cả gia quyến dần dần bỏ chất hế

■ xem tiếp trang 30

anh meaulnes

23

TRỌN đời chúng tôi chỉ lo chiều nó. Thật là một con người lạ lùng làm sao, mà đáng yêu làm sao. Nhưng hết thảy đều cùng với nó tan biến hết trong đêm đám cưới bị lỡ dở.

« Ông de Galais đã bị tán bại mà chúng tôi đâu có biết. Frantz có vay nợ nhiều, tới khi hay tin nó bỏ trốn đi các bạn nó liền tới đòi chúng tôi. Chúng tôi đã trở nên nghèo ; bà de Galais đã mất rồi, trong có mấy ngày bao nhiêu bè bạn cũ của chúng tôi đều bỏ đi hết.

« Nếu nó chưa chết, Frantz nên trở về nhà. Nó sẽ gặp lại các bạn cũ và cô vị hôn thê ; đám tiệc cưới bị gián đoạn sẽ tiếp tục, biết đâu mọi sự sẽ chẳng trở lại giống như cũ. Nhưng dĩ vãng có bao giờ sống lại được không ?

Meaulnes trầm ngâm, đáp :

— Biết đâu đó !

Rồi anh không hỏi gì nữa.

Trên cỏ ngắn đã bắt đầu úa vàng, chúng tôi ba người bước đi không tiếng động : Augustin đi bên tay phải cô gái mà anh đã tưởng không bao giờ gặp lại. Mỗi khi anh hỏi một câu đau đớn đó, cô gái chậm rãi quay bộ mặt lo lắng dễ thương, lại phía anh để đáp lời. Có một lần khi nói với anh, cô gái nhẹ nhàng đặt bàn tay lên cánh tay anh, một cử chỉ đầy tin cậy và yếu đuối. Tại sao anh Meaulnes lại cứ như một người khách lạ, như một người không tìm thấy vật muốn tìm và không còn có gì khác làm cho lưu ý tới nữa ? Hạnh phúc này, ba năm trước có lẽ anh không chịu đựng nổi, nếu không hoảng sợ hay phát điên lên. Nguyên do từ đâu có khoảng trống rỗng, sự xa cách, vẻ hèn yếu không kham nổi sự sung sướng mà anh đang có trong lúc này ?

Chúng tôi đi tới gần khu rừng nhỏ mà ban sáng ông de Galais cột con ngựa Bélisaire ; mặt trời sắp lặn trải dài những cái bóng của chúng tôi trên mặt cỏ. Ở phía đằng kia bãi cỏ, chúng tôi nghe thấy tiếng nói của bọn người đang chơi đùa và tiếng những cô gái nhỏ trở nên ầm ĩ vì ở xa, giống như tiếng một bày ong vui vẻ. Chúng tôi đứng trong sự trầm lặng lạ lùng, bỗng nghe tiếng hát cất lên từ phía sau cánh rừng, theo hướng trại Les Aubiers, ở ngay trên bờ sông. Đó là tiếng trong trẻo xa xôi của ai đó đang dẫn bầy thú vật đi uống nước, điệu hát nhịp nhàng như một điệu khiêu vũ, những người đàn ông hát kéo dài giọng lả lướt theo điệu một bài *ballade* cổ mà buồn :

Đôi giầy của ta màu đỏ...
Thôi từ biệt các bạn tình...
Đôi giầy của ta màu đỏ...
Thôi từ biệt, không ngày trở lại...

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

Meaulnes ngước đầu lên nghe. Đó chính là một điệu hát mà đêm hội cuối cùng nơi trang viện không tên những nông dân còn nán lại đã hát, khi bao nhiêu chuyện đều đổ vỡ hết... Đó chỉ còn là một kỷ niệm — kỷ niệm thảm thương nhất — của bao ngày không trở lại.

Meaulnes nói nhỏ :

— Các người có nghe thấy không ? Ồ, tôi phải chạy đi coi.

Rồi anh lập tức chạy vô cánh rừng nhỏ. Tức thì giọng hát im bặt ; có tiếng một người đàn ông thứ hai huýt sáo gọi bầy thú vật, tiếng sáo xa dần, rồi mất hẳn.

Tôi ngó cô gái. Buồn rầu và suy nghĩ, cô gái còn để mắt theo dõi khu rừng thưa mà Meaulnes vừa khuất dạng. Sau này, bao nhiêu lần khác cô gái cũng băn khoăn dõi theo nơi mà anh Meaulnes sẽ mãi mãi khuất dạng.

Cô quay lại phía tôi, giọng đau đớn :

— Anh ấy không sung sướng.

Rồi cô tiếp :

— Xem chừng tôi cũng chẳng có ích gì hơn cho anh ấy đâu.

Tôi ngần ngại không đáp, sợ rằng Meaulnes có thể chạy bay tới trại và hiện đang băng qua rừng quay trở về sẽ bắt gặp bọn tôi đang nói chuyện. Tôi muốn khích lệ cô gái ; bảo cho cô biết là đừng ngại thúc đẩy anh chàng cao lớn ; là dường như có một điều bí ẩn gì đang làm cho anh thất vọng mà tự anh sẽ không bao giờ ngỏ ra với một ai — bỗng dưng một tiếng kêu phát ra từ phía rừng bên kia ; rồi chúng tôi nghe thấy như tiếng con ngựa đang vùng vẫy đập chân sau và tiếng người cãi lộn... Tôi lập tức hiểu rằng có tai nạn gì xảy ra cho con ngựa già Bélisaire và tôi vội chạy tới chỗ đang phát ra tiếng ồn ào. Cô de Galais đi theo sau tôi từ xa. Bên dưới khu bãi cỏ mọi người dường như nhận ra hành động của bọn tôi, vì lúc đi vào khu rừng tôi nghe thấy nhiều người cũng chạy tới.

Con ngựa già Bélisaire vì bị cột thấp quá nên đã vướng một chân vào dây cương ; nó vẫn đứng yên cho tới khi ông de Galais và Delouche đi dạo chơi tiến lại gần nó ; hoảng sợ và bị kích thích về mớ lúa mạch bất ngờ đem cho nó, cho nên nó vùng vẫy như điên ; hai người cố gắng gỡ cho nó nhưng vụng về đến nỗi càng làm cho nó vướng thêm mãi và hai người rất có thể bị nó đá rất nguy hiểm. Chính lúc đó tình cờ Meaulnes từ trại Les Aubiers trở về gặp bọn này. Cậu tiết vì thấy họ quá sức vụng về, anh Meaulnes đã hất hai người đến suýt ngã nhào vào bụi rậm. Rất thận trọng trong nháy mắt anh gỡ được cho con Bélisaire. Nhưng quá muộn, vì sự đã lỡ mất rồi. Con ngựa ý hẳn bị bong gân, có thể gãy xương nữa vì nó đứng rũ đầu xuống một cách thảm hại, cái yên tuột ra nửa chừng ở trên lưng, một chân co lên bụng, run lẩy bẩy. Meaulnes cúi xuống nắm cái chân, ngắm con vật, chẳng nói năng gì.

Khi anh ngẩng đầu lên thì hầu hết mọi người đã tụ tập tại đó, nhưng anh chẳng thèm nhìn ai. Anh đang đỏ mặt lên vì cáu tiết. Anh la :

— Không hiểu ai lại buộc con ngựa như vậy chứ ! Lại để nguyên cái yên trên lưng nó suốt một ngày. Mà ai lại dám thắng yên để cỡi một con ngựa giỏi lắm chỉ kéo nổi cái xe !

Delouche toan nói một câu gì — tự nhận hết mọi lỗi.

— Thôi chú mày câm miệng. Cũng tại chú mày nữa. Rõ ràng ta trông thấy chú mày đang ngu xuẩn kéo mãi dây cương để gỡ cho nó.

Anh lại cúi xuống tiếp tục lấy lòng bàn tay xoa nắn cái chân con ngựa.

Ông de Galais từ nãy chưa nói gì bỗng dại dột lên tiếng. Ông cụ bập bẹ :

— Các sĩ quan hải quân vẫn có thói quen... Con ngựa của tôi.

Meaulnes đã nguôi đôi chút, lại mặt đỏ gay, quay đầu về phía ông cụ, nói :

— À, ngựa của cụ ?

Tôi tưởng anh sẽ đổi giọng, nói xin lỗi. Anh thở một chập. Và tôi thấy anh như tìm lấy cái thú chua chát và thất vọng làm gia trọng thêm hoàn cảnh, muốn phá đổ hẳn đi, khi anh xấc xược nói :

— Nếu vậy cụ chẳng đáng khen đâu !

Có người bàn :

— Có lẽ lấy nước lạnh... Đem ngâm nó xuống chỗ sông cạn...

Meaulnes không đáp, chỉ nói .

— Phải đem ngay con ngựa già này về, trong khi nó còn đi được — trì hoãn không được đâu nhé — rồi cho nó vào chuồng và đừng bao giờ lôi nó ra nữa.

Mấy chàng trai trẻ vội xin lo vụ đó. Nhưng cô de Galais vội cám ơn họ. Gương mặt đỏ như lửa, sắp trào nước mắt, cô cáo từ mọi người, kể cả Meaulnes đang lúng túng không dám ngó mặt cô ta. Nắm sợi dây cương cô gái coi bộ như cầm tay một người, để tới gần con vật hơn là dẫn nó đi... Gió vào lúc buổi chiều cuối mùa hạ này ở trên đường về Les Sablonnières ấm nóng khiến mọi người tưởng như còn đương tháng năm : lá trên cây ở các hàng dậu rung rung theo gió nam.. Chúng tôi ngó theo cô de Galais ra về cánh tay thò ra đôi chút khỏi chiếc áo choàng, bàn tay nhỏ bé nắm sợi dây cương lớn bằng da. Ông cụ vất vả bước đi ở bên...

Thật là một buổi chiều tàn rất buồn! Lần lần ai nấy thu nhặt các gói đồ cùng dao nĩa của mình ; ghế được gấp lại, bàn được tháo rời ra từng cái một, những chiếc xe chất đầy đồ đạc và người chạy lên, mũ được giơ cao và mu-soa đưa ra phất. Chúng tôi là những người cuối cùng còn lại trên bãi cỏ cùng với chú Florentin đang cũng như chúng tôi nghiền ngẫm những hối tiếc và vụ thất vọng lớn.

Đến lượt chúng tôi cũng ra về, trên chiếc xe êm ái, được con ngựa hồng kéo chạy phăng phăng. Tới chỗ rẽ bánh xe nghiến trên cát, rồi Meaulnes và tôi, ngồi ở hàng ghế sau, thấy vụt qua đi khúc đường nhỏ nối liền với con đường rẽ nơi con ngựa già Bélisaire cùng với chủ mới đi vào khi nãy...

Lúc đó anh bạn tôi — con người mà tôi biết chắc rằng ở đời là người khó lòng thốt khóc được — bỗng đưa lại phía tôi một bộ mặt đang nhăn nhúm vì không thể cưỡng nổi một trận nước mắt trào ra. Anh đặt tay lên vai Florentin, nói :

— Ông làm ơn ngừng lại. Xin đừng quan tâm tới tôi. Tôi sẽ về bộ một mình,

Rồi một tay chống lên cái chắn bùn, anh nhảy xuống đất. Anh làm cho chúng tôi đều sửng sốt khi thấy anh quay trở lại, chạy lộn về lối con đường nhỏ mà chúng tôi vừa đi qua, con đường về ấp Les Sablonnières Chắc hẳn anh đi tới trang viện cũ bằng con đường có trồng thông mà hồi trước anh đã đi qua và như một anh chàng lang thang trong bụi rậm lén nghe câu chuyện giữa những đứa trẻ nhỏ xinh đẹp, không quen biết..,

Và tối hôm đó, cùng với những nhịp thổn thức, anh xin cưới cô de Galais.

●

CHƯƠNG THỨ BẢY

Đó là một ngày thứ năm, đầu tháng hai, một buổi chiều thứ năm lạnh giá, gió thổi mạnh. Lúc đó vào khoảng ba giờ rưỡi hay bốn giờ... Trên các hàng dậu, ở các thôn xóm, quần áo giặt đem phơi từ trưa đang khô dưới những cơn gió lộng. Trong nhà ánh lửa lò sưởi ở phòng ăn làm lóe sáng cả một bàn những đồ chơi bóng lộn. Chơi đã mệt, đứa trẻ tới ngồi gần mẹ, nó đòi mẹ kể cho nghe ngày đám cưới của mẹ nó...

Nếu ai không muốn sung sướng thì chỉ cần leo lên từng gác xếp ngồi đó cho đến chiều tối nghe gào rít và rên siết những nỗi thảm bại ; hay đi ra ngoài, trên đường cái để cho gió thổi tạt mạnh vạt khăn quàng vào miệng khác nào một cái hôn nóng hổi khiến phải thốt khóc. Nhưng nếu ai thích hưởng hạnh phúc lại có, ở bên một con đường nhỏ lầy lội, căn nhà ở Les Sablonnières nơi mà anh bạn Meaulnes của tôi đưa Yvonne de Galais mới thành vợ anh từ ban trưa về.

Thời đính hôn kéo dài trong năm tháng, nhưng rất bình lặng, hết sức bình lặng nếu so với buổi gặp gỡ náo động đầu tiên. Anh Meaulnes thường tới Les Sablonnières luôn, đi xe ngựa hay xe đạp. Ít nhất mỗi tuần hai lần, cô de Galais đang ngồi may hay đọc sách bên cửa sổ mở ra bãi thông, bỗng trông thấy cái bóng cao lớn của anh vụt qua rất mau phía sau rèm, vì bao giờ anh cũng tới bằng con đường tắt mà xưa kia anh đi tới đây. Nhưng đó là sự ám chỉ duy nhất, mặc nhiên, mà anh giữ đối với dĩ vãng. Hạnh phúc dường như đã dẹp được yên nỗi băn khoăn kỳ dị của anh.

Trong vòng năm tháng bình lặng đó có những biến cố đáng ghi nhớ, Tôi được bổ làm giáo viên tại thôn Saint Benoist des Champs. Saint Benoist không phải là một làng. Đó là những nông trại rải rác trong một vùng đồng quê, ngôi trường sở đứng biệt lập trên một ngọn đồi gần lộ, Tôi kéo dài ở đó một cuộc đời rất đơn độc ; nhưng nếu tắt cánh đồng tôi chỉ đi bộ mất có ba khắc đồng hồ là tới Les Sablonnières.

Delouche bây giờ ở tại nhà ông chủ làm nghề thầu khoán thợ hồ tại Vieux Nançay. Sau này gã sẽ lên đứng chủ. Gã hay tới chơi với tôi Do sự nài nỉ của cô de Galais. nay anh Meaulnes đã tỏ ra nhã nhặn lắm đối với gã.

■ còn nữa

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MÀU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

con bé Miriam

■ tiếp theo trang 15

nhân; bốn chục cents ! Đắt, nhưng bà cứ mua.

Khoảng lát sau thì trời lạnh trở lại. May như những tấm kính mờ che phủ mặt trời, sương mù ẩm ướt bay đầy trong gió.

Tiếng lũ trẻ nô đùa trên đồi xa không còn vui nữa nghe như văng vẳng giọng buồn.

Khi bà Miller về tới nhà thì tuyết đã bắt đầu rơi lả tả, dấu chân đi bị xóa nhòa liền.

Hoa trắng bà cắm cẩn thận vào bình Anh đào bà đặt trên một đĩa sứ. Bánh hạnh nhân bà bỏ thêm đường. Con chim nhảy nhót trong lồng mồ hại.

Đúng khoảng 5 giờ chiều chuông reng. Bà Miller đã biết ai rồi. Bà hỏi vọng ra :

— Phải mi đó không ?

Miriam nói rất to từ ngoài :

— Con đó mà ! Mở cửa đi bà !

— Đi chỗ khác !

— Mở đi bà .. Con mang cái ni nặng lắm bà à.

— Đi chỗ khác !

Ba Miller quay vào phòng Châm điếu thuốc, bà yên lặng ngồi lắng nghe xem chuông có reng nữa không. Cứ reng reng mãi. Bà nói vọng ra :

— Mi nên đi cho rồi. Ta không mở cửa cho mi vào đâu !

Chuông thôi reng. Trong khoảng chừng mười phút, bà Miller ngồi yên.

Đoạn không nghe gì nữa, bà rón rén ra cửa, mở hé một chút. Con bé Miriam nằm trên một cái thùng bìa cứng. Tay nó ôm con búp bê rất đẹp.

Nó vừa nói vừa nhăn mặt :

— Thiệt, con tưởng bà không ra mở đâu chứ. Thôi bà giúp con mang cái thùng này vào đi bà, nặng quá !

Không hiểu vì sao, có lẽ vì tính bà chịu đựng, bà Miller đem cái thùng vào cho nó. Nó ôm con búp bê.

Vào nhà, con bé Miriam nằm quay lên ghế dài, khô g cởi áo, bỏ mũ gì cả. Bà Miller để cái thùng xuống đoạn đứng thở. Miriam nó :

— «Cám ơn bà».

Ban ngay trông con bé tinh anh và hấp dẫn, tóc ít chói hơn ban đêm. Con búp bê nó ôm trên tay có đôi mắt gương. Miriam nói :

— Con danh cho bà một ngạc nhiên. Bà mở thùng mà xem.

Bà Miller quì xuống mở nắp thùng, lấy ra một con búp bê nữa rồi lại lôi ra một cái áo xanh (Bà nhớ như cái áo này con bé Miriam mặc hom ở trong rạp chiếu bóng) Nhìn vào thùng bà nói :

— Toàn là áo quần cả có gì khác đâu ? Sao vậy ?

— Thì con đến đây ở với bà mà.

Vừa nói nó vừa tới bốc anh đào ăn.

— Bà mua anh đào cho con đây hả, bà tốt quá

— Thôi, ta mời con đi cho một chút ! Đi ! Đi, để ta yên.

— Bà lại mua hoa, lại mua cả bánh hạnh nhân nữa. Bà thực là rộng rãi. Anh đào này ngon lắm. Chỗ con ở lần cuối là ở với một ông già, chỗ ấy nghèo quá, con chẳng có chi mà ăn. Ở đây thì con chắc là sướng.

Nó nói và ôm xiết con búp bê vào lòng Rồi lại nói ;

— Bà chỉ chỗ cho con để đồ đi bà.

Mặt bà Miller như chỉ còn lại những nét dài đỏ gay. Bà khóc. Khóc mà không có nước mắt, như thể từ lâu không khóc nên không còn biết khóc nữa. Bà từ từ đi thụt lui ra tới cửa.

Bà luống cuống chạy xuống lầu Bà đấm cửa căn phòng ngôi nhà bà gặp trước nhất Một người đàn ông lùn và tóc đỏ hoe ra mở cửa Bà chạy sộc vào Người đàn ông nói :

— Á a ! gì vậy kìa.

Một người đàn bà ở nhà bếp chạy lên. vừa lau tay, hỏi :

— A, bà bạn, có gì vậy hả.

Bà Miller vừa nói vừa khóc :

— Bà nghĩ coi.. Thiệt tôi cũng dị. Mà bà nghĩ coi, tôi là Miller đây, tôi ở trên lầu kia kìa... Thật là vô lý... Thật là vô lý...

Nói đến đó bà đưa tay ôm mặt...

Người đàn bà dìu bà đến ngồi trên ghế dựa. Người đàn ông thì xem ra nôn nóng muốn biết chuyện. Ông nói :

— Á hà ! Chỉ mới được chứ !

— Tôi ở trên kia. Có con bé gái đến thăm tôi. Tôi sợ nó quá. Bảo nó đi, nó không chịu đi... Tôi không biết làm sao... Tôi sợ nó quá... Nó đã ẵn cắp cái trâm ngọc của tôi...Tôi sợ nó còn làm chi nữa đây... ôi kinh quá.

Người đàn ông hỏi :

— Hừ, thế nó có bà con với bà chứ ?

Bà Miller lắc đầu :

— Tôi có biết nó là ai đâu. Tên nó là Miriam. Mà tôi có rõ nó đâu !

Người đàn bà vuốt tay bà Miller, an ủi :

— Thôi, chị bình tĩnh lại đi. Harry sẽ lên xét xem con bé kia.

Xây lại, bà nói với người đàn ông :

— Mình đi đi.

Bà Miller nói :

— Tôi để cửa mở trên ấy. Phòng 5A.

Người đàn ông đi rồi, người đàn bà nhúng khăn lau mặt cho bà Miller.

— Bà tử tế quá. Tôi làm phiền bà thế này thật khó chịu. Chỉ tại con bé ác đức kia.

— Thôi bà, yên lòng đi.

— Bà Miller ngả đầu lên tay, tựa lưng vào ghế Bà hơi yên lòng một chút.

Người đàn bà mở máy thu thanh. Một giọng đàn và tiếng hát âm thầm vang lên nho nhỏ. Người đàn bà nhịp chân. Rồi nói :

— Hay là ta cũng lên thử xem sao !

— Thôi, tôi không muốn thấy con bé đó nữa. Không muốn gần nó ở đâu cả.

— Hừ, mà sao chị không gọi cảnh sát ?

Lúc ấy người đàn ông đi xuống. Ông ta nhăn mặt và gãi đầu nói :

— Có ai đâu ! Bà ấy mê sảng

Người đàn bà nói :

— Harry, mình nói thiệt à ! Bọn tôi ngồi đây chờ, mà mình nói sao ?

Nhưng thấy người đàn ông nhìn một cách nghiêm nghị, bà ta im ngay. Người đàn ông nói :

— Tôi tìm hết rồi mà. Có ai đâu ! Không có ai hết ! Bà hiểu chưa !

Bà Miller ngồi thẳng dậy :

— Thế thì ông có thấy một cái thùng giấy lớn không ? Hoặc ông thấy con búp bê không ?

— Má ơi ! tôi có thấy cái gì đâu !

•

Bà Miller trở về phòng, nhẹ nhẹ. Bà tới giữa nhà, đứng lặng lẽ một lúc Bà cũng không thấy gì thay đổi : mấy cái hoa, đĩa bánh, đĩa anh đào..

Nhưng sao cái phòng hoang vắng như thể vô hồn, như thể một căn Phòng đám ! Cái ghế trường kỷ trống trơn thấy xa lạ. Có lẽ con bé Miriam nằm trên đó còn đỡ thấy trống vắng hơn. Bà nhìn chỗ để cái thùng khi nãy. Bà chợt thấy,

cái gối nằm xoay một cách vô vọng Bà nhìn qua cửa sổ, giòng sông có đó, có thực... tuyết rơi, rơi thực... Song con người có khi không phải là chứng nhân thực sự của một thứ gì : Miriam đâu ? Nó đi đâu, nó mới linh động đây này... Mà rồi đi đâu ?

Như trong một cơn mơ, bà gieo mình xuống ghế. Căn phòng như biến dạng tối tăm, và bà không muốn làm gì, không buồn nhấc tay thắp cây đèn nữa !

Bà chợt cảm thấy như trên con sóng, như một người nổi bềnh bồng trên nước sâu, nước xanh. Trong cơn kinh sợ hay tuyệt vọng khôn cùng, có những lúc trí óc như đợi chờ một điều mặc khải, mà hồn thì tìm những sợi bình yên đan dệt... như trong giấc ngủ, như trong cơn mê... về trong niềm êm ả lý trí như trôi dậy : nếu bà ta không biết đến một người con gái nào tên Miriam, thì đã sao ? Tại sao con đường buổi sớm mai này bà ta sợ một cách vô ích ? Cuối cùng, cũng như mọi sự, chẳng gì là quan trọng cả Điều duy nhất bà đánh mất vì Miriam, ấy là bà đã mất bản tính của bà. Song giờ đây bà đã trở lại bản tính của bà. Bà là H.T. Miller, tự nấu ăn, có nuôi chim, và đáng cho bà tin cậy nơi bà.

Tự bằng lòng. Bà chợt nghe tiếng động ; tiếng hộc bàn kéo ra và đóng lại. Rồi có tiếng lụa sột soạt, rất nhẹ, đi đến gần bà.. nghe rõ hơn... tường nhà như rung động và căn phòng như sụn xuống trong cơn sóng thì thầm. Bà Miller sững sờ, mở mắt ra nhìn vào một đôi mắt chăm chăm ngó bà buồn bã.

— Chào bà, con đây. Con bé Miriam nói.

(Trong tập Best Stories From Mademoiselle từ trang 271 đến 283).

trái tim trên cao nguyên

■ tiếp theo trang 23

những đồ vật trong nhà lên chắn ngang cửa.)

Người cha : Đừng sợ nghe Johnny.

Johnny : Lão ấy không thể vào được chứ ba ?

Người cha : Ba không chắc.

(Bà nội, người cha và cậu con đứng sát nhau trong căn phòng tơ trụi, thách đố với trần gian. Yên lặng một hồi lâu, ngột ngạt không khí lo sợ và sự thách đố bực tức. Chừng nửa phút sau sự yên lặng vỡ tan vì tiếng kèn độc tấu bài « Tim ta trên cao nguyên... Mặt trời lại hiện ra).

Johnny : (*reo lên*). Ông Mac Gregor đó mà.

Người cha : (chạy ra cửa sổ, kéo cửa lên và lớn tiếng). Hoan nghênh ông Mac Gregor. Johnny ơi, dẹp bàn ghế lại đi (Cha của Johnny quay lại chỗ, các chướng ngại vật, giúp Johnny và ba bà dẹp bàn ghế lại. Một lát tất cả đều được dẹp xong. Người cha mở tung cửa ra. Jasper Mac Gregor vẫn tiếp tục độc tấu, trước mặt ông ta là một con chó chạy loanh quanh đùa rỡn một cách khoái trá. Cặp mắt ông đầy phiền muộn và hoan hỉ. Johnny đi xuống bếp rồi trở ra với một trái cây trên một cái đĩa và một bình nước. Ông Mac Gregor chấm dứt bản độc tấu. Mọi người, kể cả con chó, đều đứng ngẩn ngơ một hồi. Johnny đưa bình nước mời ông Mac Gregor).

Ông Mac Gregor (*mệt mỏi*) lần nầy không cần Johnny ạ !

Người cha : Hoan nghênh bạn.

Ông Mac Gregor : Tôi trốn đi. Họ đang đuổi theo tôi, nhưng tôi không trở lại đó nữa đâu. Họ ăn cắp kèn của tôi. Họ cố bắt tôi nằm liệt trên giường. Họ bảo rằng tôi đau. Tôi chẳng đau ốm gì cả, tôi chỉ già đó thôi. Tôi biết những ngày cuối cùng của đời tôi trên thế gian không còn được bao nhiêu nữa. Tôi muốn sống những ngày cuối cùng đó với gia đình anh. Đừng để họ bắt đem tôi về đó.

Người cha : Tôi không để họ bắt anh đi đâu (Ông quàng một cái ghế dựa ra cho ông lão). Mời anh ngồi xuống. (Tất cả đều ngồi xuống. Ông Mac Gregor nhìn quanh mọi người).

Ông Mac Gregor : Được gặp lại mọi người ở đây thật mừng quá.

Johnny : Tim ông còn ở trên cao nguyên không ?

Ông Mac Gregor : (*gật đầu*). Vẫn ở trên cao nguyên cháu ạ.

Người cha : (*tức giận*). Kìa Johnny !

Johnny : (*cũng bực mình*). Gì ba ?

Người cha : Câm họng đi.

Johnny : Tại sao ba ?

Người cha : Tại sao hả ? Mầy không thể câm họng một lát được sao ? Mầy không thấy ông Mac Gregor mệt đừ đó sao ?

Johnny : (*hỏi ông Mac Gregor*). Ông có mệt không ?

Ông Mac Gregor : (*gật đầu*). Chứ mẹ cháu đâu rồi ?

Johnny : Mẹ cháu chết rồi.

Ông Gregor : (*gần như nói với chính mình*) Không phải chết đâu Johnny ạ. (*Ông ta lắc đầu*). Ở trên cao nguyên đó thôi.

Bà nội của Johnny : (*nói với cha nó*). Ông ấy nói gì đó ?

Người cha : (*lắc đầu*). Không có gì ? (*với ông Mac Gregor*) anh đã ăn gì chưa?

Ông Mac Gregor : (*nhìn đĩa thức ăn*). Một trái nho. Tôi đủ rồi. (Ông bứt ở chùm nho ra một trái, bỏ vào miệng. Bỗng ông quay lại ngạc nhiên). Họ sắp đến rồi phải không ?

Người cha : Ban ơi, đừng lo. Nằm xuống nghỉ đi. (Người cha của Johnny dìu ông lão đến chỗ nằm. Ông lão nằm duỗi người, ngửa mặt lên. Cha của Johnny trở lại bàn ăn. Không ai ăn cả. Ông lão bỗng vùng dậy. Vẫn không có gì lạ cả. Ông đứng lên đi lại bàn ăn)

Ông Mac Gregor : Anh sẽ không để họ bắt tôi đem về đó nữa thật chứ ?

Người cha : Thật mà. (Ông bẻ nải quả lựu đưa cho ông Mac Gregor một nửa). Gắng ăn một chút gì đi !

Ông Mac Gregor : Cám ơn bạn. (Ông ăn khoáng một phần miếng lựu. Có tiếng gõ cửa, ông Mac Gregor dậm chân giận dữ)

Ông Mac Gregor : (*gầm lên*). Các người không bắt ta về được đâu. Ta bảo cho các người biết trước như vậy. Ta sẽ gục ngã và chết tại đây. Ta thuộc về nơi nầy với những người thân yêu nầy.

Người cha (*lo sợ*). Chúng ta có nên mở cửa ra không ?

Johnny (*cũng lo sợ*). Có nên mở cửa ra không ?

Ông Mac Gregor (*mạnh dạn*). Dĩ nhiên là chúng ta cứ mở cửa ra (ông ta đi đến cửa lớn mở ra. Đó là Rufe Apley, chàng thợ mộc ở quanh vùng. Chàng ta hơi ngạc nhiên vì vẻ giận dữ của ông Mac Gregor.

Rufe Apley : Chào ông Mac Gregor.

Johnny : Anh là ai ?

Rufe Apley : Tôi là Rufe Apley.

Mac Gregor : Anh vẫn mạnh khỏe chứ Rufe ?.

Người cha: (*đứng ở cửa*). Mời anh Rufe vào trong nầy. (Rufe bước vào. Anh ta có cầm một ổ bánh, một khúc thịt dồi và hai quả trứng trong tay).

Rufe : Tôi đang ngồi ở nhà không làm gì cả chợt nghe lại bản nhạc đó. Tôi biết chắc người thổi là ông Mac Gregor.

Ông Mac Gregor : Tôi rất vui vì anh còn nhớ.

Rufe : Không có người nào quên bài đó cả ông Mac Gregor ạ. Tôi đem tới vài thứ mọn nầy.

Ông Mac Gregor (*nhận các món đó để lên bàn*). Cám ơn bạn. Cám ơn.

(Lại có tiếng gõ cửa. Đó là Sam Wallace; anh ta là thợ sửa điện thoại trang bị đầy đủ : áo choàng làm việc, các thứ dụng cụ treo quanh người, cuộn giây, đai da quanh thắt lưng, dùi, đủ thứ. Anh ta đem theo phô mát, cà chua, củ cải)

Wallace : Tôi biết là ông Mac Gregor ngay mà. Tôi tự nhủ nên đem đến một vài thức ăn.

Ông Mac Gregor : Đây là một bất ngờ thú vị.

Rufe : (*đang cố gắng một cách khó khăn muốn nói điều gì*). A... A... Thưa ông... Mac Gregor...

Ông Mac Gregor : Gì đó bạn ? Cứ nói đi. Tôi cũng là một người thường, không có gì khác anh cả.

Rufe : Cô em vợ tôi và cả gia quyến đang đứng ngoài kia. Tôi biết họ rất muốn nghe ông độc tấu lần nữa. Ngoài ra cũng có một số người hâm mộ khác.

Ông Mac Gregor : (*hài lòng*) Dĩ nhiên là tôi sẽ trình diễn. Tôi đã quá tám mươi rồi và cũng không còn ở thế gian nầy bao lâu nữa. Trước khi vĩnh biệt tôi muốn trở thành một người trong vòng các người ở đây, những người vẫn còn sống sau khi tôi đã chết. Ngoài đó có trẻ con nữa không ?

Rufe: Bảy đứa. Con của cô em vợ tôi.

(Thêm ba người hàng xóm đến, mang theo thức ăn. Ông Mac Gregor nâng kèn lên. Tất cả đều đi theo ông ra khỏi phòng, đứng ngoài cửa, trừ cha của Johnny. Ông Mac Gregor bắt đầu thổi lại bản cũ. Lần nầy vì ông quá già và đã yếu không thể thổi thật hay được nhưng ông đã kết thúc bản độc tấu với tất cả khả năng mình. Cha của Johnny đi qua lại trong phòng, khi mỉm cười, khi cau mày, luyến tiếc chỗ ở. Cánh cửa nhà bếp lặng lẽ từ từ mở, cô bé Esther Kosak đứng ở ngưỡng cửa. Cha của Johnny quay lại nhìn thấy nàng. Cô ta như sắp khóc và đang nắm chặt trong tay vật gì).

Người cha : Chào Esther.

Esther : Johnny đâu ạ ?

Người cha : Để ta tìm cho (ông đi ra cửa. Cô bé đứng đó một mình trông rất cô đơn và buồn bã. Một lát sau Johnny chạy tuôn vào lộ vẻ rất xúc động nhưng liền lấy vẻ trầm tĩnh khi nhận biết trạng thái tinh thần của cô bạn).

Johnny : Chào Esther

Esther : Chào Johnny.

Johnny : Có chuyện gì thế ?

■ tiếp theo trang 31

phương trầm mắc

ĐI TRÊN MÙA HẠ

MÙA hè đến lúc nào tôi không hay. Xuân qua đi cùng với bầu trời êm mát, mang theo nỗi tiếc nuối âm thầm. Buổi chiều đứng trên bao lơn nhìn những đám mây trôi bảng lảng, bỗng dưng tôi nghe lòng mình xốn xang. Một nỗi buồn không duyên cớ xâm nhập rồi ăn sâu đến cùng tận tâm hồn. Cơn gió nồm thốc mạnh, nóng và khô, bực bội. Tôi tháo tung nút áo nhưng mồ hôi vẫn chảy nhầy nhụa. Đầu óc căng tẩy, nhức nhối. Miệng tôi đắng và nước miếng như keo lại. Tôi nhớ buổi đi chơi cuối cùng với thằng Minh và lời nó nói: «Mầy chỉ là một thằng bù nhìn, ăn hại. Suốt đời mày cũng chỉ bấy nhiêu thôi. Miệng mồm thì như gỗ, ý nghĩ thì đầy bất mãn. Nói cho hung mà chẳng làm được gì. ĐM. Nói thiệt mầy tao ghét thứ đó nhất.. «Ô kê. Nóm bờ oanh. Số dách. Mầy giỏi thì đi xây dựng cuộc đời, đi tìm tương lai, đem ấm êm cho bản thân rồi cưới vợ, có con từng đám rồi tiếp tục đi trên con đường vinh quang. Cả khối con gái đeo theo mầy đó, rán mà nên danh rồi cưới luôn vợ tao cũng được ». Thằng Minh cười hả hả vỗ vai tôi. Mẹ, mày chịu chơi thiệt. Ô kê. D'accord. Để tao nuôi vợ mày cho. Thôi ! Bỏ qua đi tám. Tao dấm vào mặt mầy bi giờ Rồi thằng Minh theo từng đám bạn tôi đi tìm vinh quang với chức cỗ thiếu úy Biệt Động Quân. Còn tôi thì Trường Bộ Binh chê, khóa 21 rồi khóa 22 cũng chưa ai thèm xài. Tôi nghĩ ai cũng chê hết chắc chỉ có vi trùng Koch là khoái thân thể tôi thôi. Như vậy thì lại càng tốt vì ít ra tôi cũng thấy mình hết cô đơn khi có cảm giác cả triệu bạn Koch đang thi nhau vuốt ve hai buồng phổi đầy nhiệt huyết. Những ngày giam mình trong thư viện, những đêm chong đèn bên từng đống Ronéo sách vở để rồi dẫm phải vỏ chuối, những lần lang thang bên đường xó chợ, Đời Saigon — Vĩnh-Long. Vĩnh-long — Saigon. Cuộc đời cứ như thế lần lượt mang tuổi trẻ tôi qua đi. Bây giờ thì tôi bị Saigon chán nên xuôi một chuyến về tỉnh lỵ. Ở đây sáng buồn, trưa buồn, chiều lại càng buồn hơn. Đêm đến, tiếng súng dồn dập thi nhau nổ, lúc gần lúc xa. Hỏa châu sáng rực cả góc trời. Ngoại tôi hỏi con ngủ được không. Tôi nói có tiếng súng ngủ càng ngon, càng khoái. Ngoại nói Mầy điên, bộ hổng sợ sao. Tôi cười tự nhiên con muốn có súng để bắn cho đã đời. Tôi cười và giấc ngủ thường đến với tôi rất muộn trong cơn mê mệt nào nề.

Buổi chiều bắt đầu nặng hơn. Bầu trời chuyển sang màu đỏ hồng. Tôi vén tay áo xem giờ. Năm giờ bốn mươi. Thôi thì đi tắm rồi lang thang một vòng xem chiến lợi phẩm Sư Đoàn 9 vừa thâu lượm được rồi trở về ăn cơm Sướng và nhàn như một ông già. Tôi xoa tay rồi bỏ bao lơn, khóa cửa lại và bước xuống lầu. Có tiếng chuông điện thoại reo vang và tiếng chị Năm gọi tiếp theo: Quang ơi ! Cô Lý gọi em đây nè. Dạ ! Em xuống ngay. Tôi bước vào phòng khách, nhấc ống điện thoại và hỏi Cưng đó hả ? Lý nói Đồ quỷ giỡn hoài. Tôi nói Quỷ là yêu phải hông. Thôi đi tôi lớn hơn Quang mà. Lớn nhưng người ta mê rồi thì sao. Nhứt gái lớn hai nhì trai lớn một tốt lắm. Người xưa thường nói vậy đó.. Cưng ơi ! Thôi bỏ qua đi t. á..m. Bỏ qua đi tám. Tiếng tám kéo dài theo tiếng cười thật trong và thật ngọt. Tôi lấy làm lạ sao bỗng dưng hôm nay tôi thấy thích tiếng dị kỳ ấy trong khi thường ngày tôi ghét hết sức. Et dans l'objet aimé, tout nous devient aimable. Chắc vậy. Tôi hình dung đến đôi mắt có đuôi thật mơ, cái mũi thẳng và chiếc miệng hơi rộng khi cười trông vô cùng duyên dáng Vẻ đẹp dịu hiền. Tiếng Lý nói tiếp theo: Quang ơi ! để lát chị đi làm về tụi mình với chị Năm vô vườn chơi nghe. Tôi nói Lý bỏ tiếng chị đi thì tôi mới vô. Thôi đi. Kỳ lắm Mới quen mà sao Quang tán lẹ quá vậy. Cuộc đời này đã lỡ nên tôi sống vội vàng mà. Thoi đi hồng giỡn nữa à. Người ta nói thật chớ ai giỡn hồi nào, Thôi đi Quang nói chơi như vậy khổ lắm. Ai khổ Thôi đi, hỏi hoài. Tiếng chị Năm xen vô: Đừng tin nó nghe Lý. Thằng này ầu lắm đó. Thôi đi mà ai dám tin. Thôi đi thôi đi. Cái gì cũng thôi đi Thiệt tôi chịu hết nổi mấy cô rồi. Lý hỏi chừng nào đi lính Quang Tôi trả lời Tây ăn trầu, rồi bỏ mày cho chị Năm và vào phòng lấy quần áo đi tắm Những tia nước tự vòi sen đội xuống đầu và chảy xuôi theo thân mình làm tôi thấy dễ chịu. Tôi nhìn dòng nước trôi đi mà nghe như niềm bực bội cũng trôi theo. Phía ngoài chị Năm hát vang vang: Em hứa yêu anh suốt một đời . . Tôi nói vọng ra: thôi đừng có sạo. Hai ba ngày nữa hết yêu bây giờ Chị Năm mắc cỡ mắng Mầy chết nha Quang, nhè tao mà mầy cũng chọc nữa. Một lát thì biết tao. Tôi mặc quần áo bước ra. Chị Năm ở đâu rình sẵn, túm lấy áo tôi và đấm vào lưng tôi thùm thụp. Tôi la lên chết con rồi cậu Hai ơi ! Chị Năm buông ra. Tôi vừa chạy vừa nhái theo giọng hát Em chỉ yêu anh thiếu úy Toàn. Chị giẫy này Đồ chó. Đồ chó.

■ xem tiếp trang 32

trần dzạ lữ

HỒI TUỔI TRẺ

Soi nghiêng số phận tôi buồn
Gương phai tuổi trẻ trong hồn lãng quên
Nhăn đôi má tợ vai mềm
Tôi ru em với những đêm yêu, thù
Cầm dao phăn đầu bơ vơ
Chợt trông mặt lạ tôi ngờ tôi kia
Tay cầm tay để hồ nghi
Toa đời trĩu nặng xe đi trĩu chiều
Bến vàng mộng gió chân rêu
Tôi bê tha giữa cồn phiêu lãng này
Một hai ba bốn em ơi
Nhờ ơn tận thế cho trời mất ngôi
Tôi lên đáo để thằng tôi
Ba hoa ăn nói để rồi xuống ghe.

BÀI THƯƠNG TÂM

Ngày chưa tan mối thương tâm
Đêm nghe nỗi quạnh hiu nằm bên tôi
Đời con nước rút khô rồi
Thân xưa ván mục ba hồi trống canh
Cây buông phận rớt đồi nhành
Chim sa cá lặn tôi đành ngẩn ngơ.

nguyễn vạn hồng

HIẾU THỊ CHO NGƯỜI ĐI ĐÊM

Jeunesse adieu jasmin du temps
J'ai respiré ton frais parfum

ĐÊM đã bắt đầu, đêm không bao giờ dứt. Cũng như trong trận chiến trường kỳ và hãi hùng này. Những dối gạt đê hèn của em ! Anh biết hết. Vì vậy anh cố hóa trang làm thân tầm gởi. Tưởng sẽ được sống bình yên khi không nói, không cười, khi giả câm, giả điếc. Cho đến gần hết đời mình, anh nguyện đứng nép ở hậu trường hay ở một khung cửa tối, hoặc nơi một hành lang chật hẹp nào đó, để được làm kẻ thưởng ngoan hết sức đam mê. Anh theo dõi nhịp thở truyền thống của sự sáng tạo. Dù biết rằng nghệ thuật của sáng tạo đã được bôi vôi. Và khi những tên thợ vẫn vênh mặt kiêu căng, bôi hồ, dán giấy còn kia. Cùng lúc đó, em cũng đã bắt đầu lên đồng, nghĩa là em lại tiếp nối nhịp quay của những chu kỳ đã giáp vòng. Em thản nhiên. rất thản nhiên, đi vào hố thẳm của phản bội, mà không hề biết mình là một động vật tha hóa, vong thân. Những ngọn lửa mới, chưa hề thấy trong lịch sử nhân loại được thắp lên, những bông hoa huyền bí trổ từng chùm trên đó. Cho đến bây giờ, anh vẫn còn yêu em, với tất cả hồn nhiên của tuổi trẻ biết thèm thuồng, với tất cả nồng nhiệt của lý trí biết chọn lựa, biết cân nhắc. Cả hai tâm hồn bình thường hội ngộ, trong hình ảnh của Thượng đế, thuộc làu những âm điệu lý tưởng, vang vọng lại từ phúc âm: *« Hãy tìm thì sẽ thấy, hãy gọi thì sẽ mở cho »*. Tại sao lại không tìm ? Dại gì mà chẳng gọi ? Cứ vào đó anh tạo cho mình một niềm tin thật viên mãn và phong phú, song cũng vừa mơ hồ. Hãy đày ải mình, hãy rước lấy mọi đau thương về phía mình, đừng xao xuyến, đừng thắc mắc, đừng hoài nghi. Thất vọng nhưng không bao giờ tuyệt vọng. Anh vũ trang bằng thứ khí giới đơn sơ đó để tự vệ và kiêu hãnh lên đường. Mọi nỗi nhọc nhằn cơ cực, với anh chỉ còn

nguyễn tịnh đông

TRÊN ĐƯỜNG

tới đây rừng núi mù sương
nhớ dùm tuổi nhỏ hoang đường như mây
chừng nghe luân lạc còn dài
đôi chân ngựa trận bỗng cài tóc hoa
trời đêm mỗi giải mưa nhòa
ngựa đêm ngựa lạnh không nhà người theo
mai lên hồn động lưng đèo

vọng âm trìu mến mẹ nghèo biền xa
phố khuya tôi dẫn tôi về
đen soi bóng nhỏ chân tê chân rời
hoang vu mấy cõi đất trời
khoảng không này với nỗi đời bỏ quên

về đây vọng nhớ súng đêm

hao mòn giấc ngủ lênh đênh tang bồng
giam trong tủi nhục đời con
đã tròn nước mắt mẹ còn gì không
ru em nầy tuổi trăng hồng
nửa con đường vắng lạnh bồng đôi tay
ru nhau khe khẽ lời nầy
chúng mình xấu hổ như bầy chó hoang

---

là tiếng nói mật ngọt, êm đềm của bà mẹ suốt đời chỉ biết sống thương con. Hoặc chỉ còn bà em, với những điệu nói nghi thức tiền lệ của một mối tình nguyên đán. Anh ngồi nghe chăm chú và cũng gục đầu hết sức chân thành. Khoảng thời gian đó anh sống quên anh, bởi anh không tiên liệu hay hình dung được hậu quả của một trận đụng độ với quân thù : Chiến trường chỉ còn lại toàn là những đồ xa xí phẩm.

Đêm đã bắt đầu, đêm không bao giờ dứt. Anh khăn gói ra đi và vụng nghĩ rằng : Trước khi giải phóng mọi người, phải cởi trói cho chính mình. Nhưng em thân yêu ơi ! anh đã bị gạt gẫm trắng trợn và táo bạo. Em biết không ? dọc đường cuộc hành trình đầy phiêu lưu đó, với mớ hành lý cồng kềnh ngụy tín đó, anh đã nhìn tận mặt, anh đã đối đầu với những quái thai của thời đại mới : Bầy sư tử đói già nua và hư học vẫn ngoan cố ngồi chễm chệ choán lối đi cần thiết của anh. Cho đến bây giờ anh mới nhận ra lòng hăng hái nhiệt thành của mình đã biến thành vô dụng đến độ sượng sùng ! Loài thú nào có nghe được tiếng nói của người ! Đã thế, chúng còn bắt loài người phải nghe, phải khiếp sợ, trước những tiếng gầm thét ma quái ghê rợn của chúng. Trước sức mạnh của quyền uy anh đành ngả mũ, dừng lại nghỉ chân. Đêm không bao giờ dứt, đó chính là lý do tại sao anh không đến kịp với em ở nơi hẹn hò. Tuy nhiên anh sẽ không đánh rớt lời nguyện của mình. Thất vọng nhưng đừng tuyệt vọng. Cuối cùng anh tìm lời an ủi, vỗ về mình. Trong phản kháng người ta đã nuôi sẵn mầm mống của chấp nhận và ưng thuận. Anh sẽ đến được với em, dù đêm mãi mãi là đêm, nghĩa là anh vẫn bồn chồn chờ đợi kiên trì : Chờ đợi một phán xét sau cùng. Cuộc tranh chấp nào lại chẳng có một lần xét xử, sự phân xử nào mà thể hiện được vô tư ? Ngoại trừ một lề luật được mệnh kền, và một khi mà bất công ngã xuống thì chỉ để làm mồi cho một tội lỗi mới. Tội lỗi lại bắt đầu thắt thòng lọng để tự treo cổ đời mình. Sợi dây mỗi ngày một siết chặt lại. Tên tội đồ cố rút ngắn những tháng ngày thiêng liêng của hắn bằng những tin tưởng mong manh về một ngày lịch sử phù phiếm

Đêm đã bắt đầu, đêm mãi mãi là đêm. Trên cùng tận của chán chường, của tuyệt vọng. Anh còn lại có mỗi em. nhưng rồi cái của qúi sau cùng ấy lại cũng bị người ta đem ra đấu giá. Giữa phiên chợ tưng bừng đó, anh tham dự một cách miễn cưỡng. Anh hòa mau và nước mắt của mình để viết lại những chứng tích cũ với nỗi quằn quại bi thiết nhất của lòng mình. Hồi chuông của cuộc đấu xảo lại rung lên báo hiệu một kết thúc. Anh chỉ kịp ngẩng mặt nhìn lên khi em tan biến như bao ảnh của giấc mơ thời Trung cổ trên cánh tay lòng lá của mụ phù thủy già nua quỷ quái.

Đêm đã bắt đầu, đêm không bao giờ dứt. Tiếng cồng, tiếng trống, tiếng phèng la, tiếng cho sủa, tiếng tuyên ngôn — mở đầu cho một kỷ nguyên mới. Anh bình tĩnh chọn lựa, và ung dung bước vào pha hỏa lò như một nhân tình lẻn vào cửa phòng người yêu trong một đêm trăng thanh vắng. Anh bắt chuyện với tên đao phủ thủ, người mà một lát nữa đây sẽ lãnh trách nhiệm tiễn đưa anh. Cuộc đối thoại rất ngắn, tên đạo phủ kiêu ngạo nhe răng cười.

Đêm đã bắt đầu, đêm mãi mãi là đêm. Đêm mang theo những kinh nghiệm cay đắng khôn cùng.

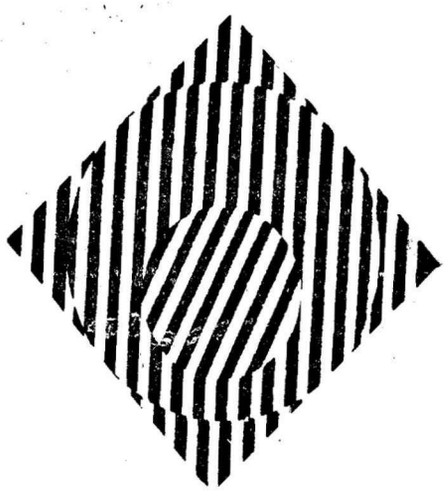

những người viết mới

người thời nay và sự chết

■ tiếp theo trang 11

tiếc, những giá trị tinh thần tan vỡ còn lại nỗi hoang mang đầy ngờ vực. Hình ảnh một tập đoàn trong đó mọi người sống đùm bọc thương yêu bị đẩy lui trả về cái quá khứ xa xăm của lịch sử nhân loại. «Thiện tính» bị nghi kỵ — cái thiện tính được sùng bái đã trấn an con người, đã ru ngủ vỗ về con người trong một giấc mơ thương yêu hòa hợp. Người thời nay đ-m cái nhận thức sáng suốt đến khô khan rọi vào cái thiện tính vốn dĩ rất ít bị nghi ngờ đó. Những con người biết thương yêu, biết rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, của người tình, lại có thể dấn mình vào vòng chém giết, bạo động, đọa đày nhau trong một cõi phi nhân. có thể như vậy sao? Bao nhiêu những tư tưởng khẳng định tính thiện của người đời, để làm gì? Bao nhiêu tôn giáo, bao nhiêu đạo lý dậy con người thương yêu nhau: một kết luận, là những cuộc chém giết với những kỹ thuật ngày càng tinh vi. Một sự kiện: những đạo phủ nazistes đã khiến lương tâm nhân loại phải bàng hoàng, thảng thốt.

Trước những sự thực tàn nhẫn đó người thời nay hoài nghi những giá trị đã được sùng bái — nỗi hoài nghi đầy kinh ngạc xót xa trộn lẫn niềm tuyệt vọng Nietzsche đã gióng lên một hồi chuông báo tử: Thượng Đế đã chết. Hãy hiểu Thượng Đế, ở đây, như một biểu tượng của tất cả những giá trị từ trước vẫn được coi là bền vững và được loài người kính cẩn tôn thờ.

Người thời nay đứng trước cơn phá phách tan tành của một chủ nghĩa hư không — có phải Nietzsche như người khởi đầu, có phải Nietzsche tượng trưng cho chủ nghĩa hư không của tất cả tư tưởng Tây Phương như nhận xét của Heidegger?

Heidegger đã tóm thâu 4 nguyên nhân dẫn tới trạng thái tăm tối của vũ trụ, mà nguyên nhân đầu tiên là sự trốn chạy của những thần linh, la fuite des Dieux, những thần linh trong ngôn ngữ thi ca Holderlin đó có khác nào một Thượng đế như biểu tượng của những giá trị được sùng bái?

Chứng kiến sự đổ nát, con người tiếp tay phá vỡ mọi kiến trúc tinh thần, một sự tự diệt. G.Marcel đã nghĩ rằng sự có thể tự diệt không còn là cái gì có tính cách cá nhân, mà như thân phận *chung* của cả nhân loại. Qua sự tự hủy của người thời nay, G.Marcel nhìn thấy một sự *từ khước* (refus) toàn diện và triệt để. Người thời nay là kẻ nói «không» là kẻ lắc đầu từ chối. Người thời nay đẩy sự ngờ vực tới tận cùng: đã hết rồi, mọi tin tưởng mọi thương yêu. Vẫn nhận định của G Marcel: thế giới này là một thế giới trong đó những tương giao liên-chủ thể-tính (relations intersubjectives) đã thực sự không còn, thời đại này là thời đại mà tiếng *với* (le mot *avec*) đã mất hết ý nghĩa của nó. Sự thân mật gần gũi xây dựng trên nền tảng là niềm tin tưởng, nỗi thiện cảm nay không còn. Mỗi người tự *khép kín* trong một bản ngã riêng tư kiên cố, từ chối mọi tương giao (Một lời: trú ẩn vào nỗi cô đơn đó, con người sẽ thấy gì — chính là *cái chết* vậy).

Mọi người không còn nghe và hiểu được lời người khác. Bởi ngôn ngữ đã mất đi cái ý nghĩa đích thực, những danh từ tốt đẹp trở thành những slogans, những chiêu bài giả dối (dân chủ tự do chẳng hạn). Không thể thông đồng, cảm thông nhau nữa. Những mối giao hảo đẹp đẽ nhất giữa con người cũng bị nghi ngờ, phủ nhận. Một thí dụ: tình yêu. Tình yêu chỉ dẫn tới thất bại, bởi chẳng phải một hòa hợp mà chỉ còn là cuộc chiếm đoạt hối hả trong cơn dục tình ngột ngạt rã rời. Làm sao nói hết được những nghi ngờ, những phủ nhận, những thất bại của thời này? (Những văn chương nghệ thuật được nâng niu cũng chung số phận. Một người, Nathalie Sarraute, đã nói tới một thời kỳ nghi hoặc trong văn chương, L'ère du soupçon: mỗi tiểu thuyết, mỗi nhân vật trở thành một niềm ngờ vực).

Đó chỉ là vài điều nói về sự tiêu cực trong lòng thời đại này, chỉ là vài nét phác họa bộ mặt thê thảm của thế giới ngày nay. Hiển nhiên, là thực trạng đó khiến nỗi ám ảnh của sự chết, với người thời nay, càng chĩu nặng.

Hãy khoan nói tới một tương lai chưa manh nha một niềm hy vọng nào (hy vọng nào, hỡi vậy đi, nếu khởi từ cảnh tan hoang còn chưa dứt này. «*Lấy tương lai làm bức họa treo tường*» (9) nhưng bức họa nào?) Những sự thực chắc chắn, là một quá khứ với hai cuộc thế chiến còn để lại nỗi kinh hoàng, là một hiện tại là thực trạng này — bạo động diễn ra ở mọi nơi dưới mọi hình thức. 2/3 nhân loại chậm tiến đói rách, thất học, bệnh tật, một kỹ nguyên khoa học tiến bộ nhưng đồng thời còn là một đe dọa tàn khốc. Đằng sau những bộ mặt xanh xao gầy ốm của những người dân chậm tiến, đằng sau những bạo động rình rập, những đe dọa khoa học, là gì, chỉ có thể là một bộ mặt này: sự chết.

Tôi 25 tuổi và nói được rằng tuổi trẻ thời nay lớn lên trong nỗi ám ảnh của cái chết. Với đứa trẻ nhỏ của thời tản cư qua những địa phương miền Bắc của đất nước này, những ngày được giải thoát khỏi căn phòng học ở một khía cạnh, còn là những ngày du ngoạn phiêu lưu đầy hứng thú, nhưng cũng hẳn là nó đã có dịp nhìn thấy những cuộc oanh tạc, một vài xác chết, những dấu vết lửa đạn. Tôi đang tự hỏi đây, tất cả những gì đứa trẻ đó nhìn thấy có phải đã lắng sâu vào cõi tiềm thức, cố kết nên những cơ cấu tạo thành nỗi ám ảnh nhạt nhòa rồi lộ rõ dần để mỗi ngày mỗi chĩu nặng — nỗi ám ảnh về cái chết. Những người lớn tuổi thời đó chứng kiến cái chết, bị vây bủa bởi cái chết, và trước cái chết họ sợ hãi hay tuyệt vọng: chẳng phải nỗi ám ảnh, mà là cái chết thực sự trần trụi. Bởi thế tôi muốn nói lại một lần, người trẻ tuổi thời nay có quyền nói rằng hắn lớn lên trong nỗi ám ảnh của cái chết. Đừng nghĩ rằng đó chỉ là thân phận lạc loài của những người trẻ tuổi trên mảnh đất chia lìa này. Tôi nghĩ tới vài trang sách của Malaparte (La Peau) đồng thời với những thanh thiếu niên Ý sau thế chiến, những trẻ nhỏ ngửa tay xin tiền bánh kẹo và thuốc lá - nhắc lại, những trẻ nhỏ - của những người lính Mỹ đóng ở Ý khi cuộc chiến được sửa soạn chấm dứt. Và một nước Đức tan hoang. Chưa đủ, còn những đảng thiếu nhi xuất hiện sau thế chiến để trở thành một hiện tượng phổ biến từ Âu sang Á, ở những khối gọi là tư do, cộng sản hay trung lập và cả khối chậm tiến nữa. Những Teddy boys London, Teeneagers New York, Blousons noirs Paris, Hooligan Moscou, Taizo Zoku Tokyo vv. (và những đảng thiếu nhi Việt Nam qua phóng sự Phan Nghị) tất cả muốn nói lên điều gì? Có phải đã nói lên một căn bệnh thời đại, (le mal du siècle) tại sao hỗn loạn, phá phách, tại sao phạm pháp chém giết, có phải những

■ xem tiếp trang 32

kịch

WILLIAM SAROYAN

định hoàng sa

dịch

Esther : Ba tôi có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ.

Johnny : Cái gì ?

Esther : (*lấy tay trao cho Johnny*). Nầy. Đây là tất cả những gì em có. (*Johnny cầm một nắm tiền kèn*) Em dành dụm cho dịp lễ giáng sinh sắp tới. (Cô ta bật khóc, quay người chạy ra khỏi nhà).

Johnny : (Vừa xúc động sâu xa vừa tức bực, vì nhận thấy có một cái gì vừa sâu đậm vừa đẹp đẽ và vừa kinh khủng). Trời đất ơi ! (Mặt nó lộ cảm xúc áo não, bi thảm của trẻ con, nó bật khóc. Nó ném nắm tiền vào tường vàng xuống tung tóe, nức nở khóc) Quỷ ma thêm thứ nầy. (*Cha nó trở lại*

Người cha : Johnny (*đến gần bên nó*) johnny !

Johnny : (*nức nở và giận dữ*). Esther đem tiền cho con.

Người cha : Cần gì phải khóc Johnny!

Johnny : (*vùng vằng*). Ai mà thèm khóc ! (*Nó khóc một cách khó khăn hết sức*)

Người cha : Đi rửa mặt đi. Có gì đâu nào.

Johnny : (*đi*). Khắp nơi đầy sự hiểu lầm.

(Ông Mac Gregor chấm dứt bản độc tấu, đám đông đứng yên lặng kính trọng và lo ngại vì biết sắp có chuyện chẳng lành. Vẫn còn nghe tiếng nói của ông Mac Gregor).

Ông Gregor : (*mệt nhọc*). Thưa các bạn, những năm của đời người. Tôi đã đi đến phút cuối. Tôi rất tiếc không thể thổi kèn cho các bạn nghe lâu hơn nữa. Xin cám ơn các bạn. Cám ơn các bạn.

(Cha của Johnny đi tới đi lui trong phòng. Ông ngồi vào bàn, nhìn các thức ăn. Ông Mac Gregor và bà nội của Johnny cũng vào ngồi quanh bàn. Con chó vào nằm ở một góc)

Ông Mac Gregor : (*nâng cao bình nước lên, uống một chút*) Chúng nó không muốn tôi thổi kèn nữa. (*Ông uống thêm một chút nước*). Chúng nó cướp đoạt kèn của tôi. (*Ông lại uống thêm một chút nước nữa*). Chúng nó bảo tôi đau (*ông lại uống thêm nước*). Tôi mạnh như một con bò đực. Nếu chúng đến bắt tôi đi, tôi sẽ giả vờ chết. Tôi sẽ diễn màn chết trong vở « King Lear ». Tôi sẽ diễn tất cả những màn chết.

(Johnny quay lại với vẻ tỉnh táo. Tất cả đều ngồi quanh bàn ăn. Không ai ăn được gì trừ bà cụ. Yên lặng một lát. Bà cụ ngừng ăn).

Bà cụ : Có chuyện gì thế ? Tại sao có sự buồn bã kinh khủng như thế nầy ? (*ông Mac Gregor đứng lên*).

Ông Mac Gregor (đọc thuộc lòng, nhớ lại những câu của Shakespeare, chen vài câu của chính ông ta nghĩ ra). Hỡi gió hãy nổi lên cho vỡ nứt hai má ngươi ! Hỡi cuồng phong hãy thổi lên ! Hỡi những thác ngàn và bão tố, hãy tuôn tràn ngập lụt đến đỉnh lầu chuông ! Hỡi lưu huỳnh và các ngọn lửa nung nấu trong đầu hãy làm cháy sém mái tóc bạc phơ của ta ! Hỡi lửa phun hỡi mưa tuôn, hỗ nhục thay. Ta chưa hề dâng cho ngươi ngai cao cả. Ta đứng đây, tên nô lệ của ngươi, một ông già tàng tật yếu đuối và tuyệt vọng. Hiện hữu hay không hiện hữu.., (bí ẩn). Hiện hữu... hiện hữu. Làm cái gì ? Làm một thằng điên ? Một người bị định mệnh chế nhạo ? Lìa bỏ quê hương, phung phá và yêu đương ? Ta là một người bị xúc phạm hơn là phạm tội. Hỡi các thứ vũ khí ! Kiếm ! Lửa !

Lũ chó nhỏ và tất cả, Fray, Blanche. Sweetheart. Có thấy không ? Chúng nhìn ta mà rủa. Sự rộ dại nắm lì ra đó — để tôi tránh xa. Trí óc tôi bắt đầu quay cuồng. (*Johnny đến bên ông, quỳ xuống*) tiếp tục đi, chàu tôi làm sao thế ? Chàu lạnh phải không ? Hãy để ta một mình. Tim ta sắp vỡ chăng ? Và thằng điên cuồng đang thương của ta đã bị treo cổ. Không, không, không còn sự sống ! Tại sao một con chó, một con ngựa, một con chuột thì có sự sống mà ngươi thì không ? Ngươi sẽ không còn đến nữa, không bao giờ không bao giờ không bao giờ, không bao giờ ! Hãy cầu nguyện thảo mở cái nút nầy — cám ơn ngài — (*cầm cái kèn trước mặt ông*) Ngươi thấy cái nầy không ? Hãy nhìn nó ! Hãy nhìn. Hãy nhìn đó, hãy nhìn đó !!

(Trong khi ông Mac Gregor đang đóng vai trò mình thì Johnny quay lại với những đồng tiền trên sàn nhà. Nó lượm lên từng đồng nhìn kỹ. Căn phòng hoàn toàn im lặng. Tiếng một con ngựa và cỗ xe vang lên ngoài đường và dừng lại ngay trước ngõ rồi có tiếng gõ cửa. Cha của Johnny đi ra cửa. Đó là Philip Carmichael và hai người hộ vệ từ Viện dưỡng lão. Hai người hộ vệ đứng ở cửa trông chừng một cách chú ý).

Carmichael : chúng tôi nghe ông ta thổi kèn. Ông ta bị đau.. Chúng tôi đến để đem ông ta về.

Ông Alexander : Xin mời vào trong nhà. *Ông đi và nói với ông Mac Gregor*). Ông Mac Gregor (*không có tiếng trả lời*)

Ông Alexander : (*lớn tiếng hơn*). Ông Mac Gregor (*đến gần hơn*) ông Mac Gregor, ông Mac.

Carmichael vội chạy lại chỗ ông Mac Gregor và khám ông).

Carmichael : Ông ta chết rồi.

Johnny : Không, ông ta chưa chết, ông ta đang đóng tuồng.

Ông Alexander : Lạy Chúa, ông ta là một diễn viên lớn nhất ở thời đại chúng ta trong vai các nhân vật của Shakespeare

Carmichael : Tôi rất tiếc rằng việc nầy đã xảy ra tại đây

Ông Alexander : Tại sao không? Tại sao không xảy ra tại đây ? Chính ông ta muốn điều đó xảy ra tại đây

Johnny : Ông ta đang đóng kịch đó Ba. Ông ta chưa chết mà.

(Nó đến bên cạnh ông Mac Gregor). Phải vậy không ông Mac Gregor ? (Dĩ nhiên là không có tiếng trả lời).

Carmichael : Chúng tôi sẽ đem xác ông ta về,

Ông Alexander : Cái kèn của ông ta đây nầy. Hãy bỏ theo cho ông ta (Cha của Johnny đỡ xác ông Mac Gregor lên và mang ra ngoài. Mấy người phụ khiêng ông ta ra đường. Ánh nắng chiều rực sáng lên như ánh nắng lúc bắt đầu tấn kịch. Con ngựa và cỗ xe đi xa. Sau một lát im lặng lạ lùng và tiếng kèn lẻ loi văng vẳng từ xa yếu dần. Có tiếng gõ cửa. Cha của Johnny mở cửa. Đó là người chồng và người vợ trẻ. Đứa con nhỏ đang khóc. Họ đi vào).

Người vợ : Đứa bé bị mệt và buồn ngủ.

Ông Alexander : Căn nhà đã sẵn sàng (*nói với Johnny*) Lấy mấy cái đồ vặt của mầy đi (Nói với bà cụ bằng tiếng Armenia). Chúng ta sắp ra đi. (Ông lấy một cái va li rẻ tiền dưới gầm giường, quàng mớ thơ của ông, vài quyển sách, phong bì, một ổ bánh và một ít thức ăn khác vào đó. Bà cụ quấn chiếc khăn quàng quanh đầu và vai. Johnny bỏ lại tất cả các thứ vô dụng ; chỉ đem theo nắm tiền kèn. Đứa bé thôi khóc. Con chó chạy quanh johnny. Âm nhạc rộn rập).

Người chồng : Rất cám ơn quí vị.

Người vợ : Ông có nơi nào để dọn đến chưa ?

Alexandre : Có rồi. Thôi, chào anh chị !

Hai vợ chồng : Xin chào tất cả (Gia quyến thi sĩ ra khỏi nhà, xuống đường)

Johnny : Chúng ta biết đi đến chốn địa ngục nào bây giờ đây ba ?

Ông Alexandre : Đừng lo johnny. Cứ đi theo ba.

Johnny : Con không muốn nói đến tên những nơi nào, nhưng ở đâu cũng chẳng tốt gì phải không ba ?.

(*Tiếng âm nhạc to dần. Họ đi thẳng ra đường*) ■

truyện ngắn

tô thùy yên

● *tiếp theo trang 17*

sạn, người ta không tìm thấy dấu vết con người ; nó buồn bã, xa lạ, hắt hủi, Căn phòng khách sạn không thể là nơi trú ngụ. Nơi trú ngụ phải là nơi người ta có thể tâm sự với chính nó. Vì nơi trú ngụ phải là một phần của chính mình, cái phần thân thiết nhất.

Bà Thân đặt chiếc sắc tay lên bàn, soạn đồ đạc ra rồi nói :

— Em đi tắm.

Ông Thân để nguyên cả giày áo, nằm ghé xuống một góc giường. hai chân để ghếch lên mặt ghế, đốt thuốc hút nhìn những đường nứt run rẩy trên trần nhà. Ông nhớ ngôi nhà cũ của ông, trần nhà không hề có đường nứt, thẳng băng như một vầng trán trẻ. Bà Thân bắt đầu mở nước, tiếng nước chảy phun từ chiếc bông sen nghe lào rào như cơn mưa êm đềm trong một không gian cách xa diệu vợi. Ông Thân nghĩ lan man đến vợ, đến con mà nghe xót xa tức nghẹn lồng ngực. Tình cảm giữa ông với vợ con còn lợt lạt; vùng ảnh hưởng của ông đối với gia đình yếu lần đi hấp lực. Mất ngôi nhà, phải chăng ông cũng mất luôn phần lớn bổn phận và quyền hạn của người chồng, người cha. Bây giờ, ông khác nào cây xương rồng mọc trên sa mạc : trần trụi và cô đơn. Những bữa cơm tiệm ngồi ăn một mình, nhai nuốt uể oải, những buổi tối lủi thủi trở về sở làm, mở ghế bố, giăng lấy mùng mà ngủ, những ngày giờ rảnh rỗi như một vùng cát mênh mông khắc nghiệt phải băng qua... Mất ngôi nhà, ông cũng không còn niềm vui sống trong hiện tại cùng những ước vọng nơi tương lai. Mất hết, mất hết.

Cơn mưa rào từ chiếc bông sen đã dứt hột. Ông Thân ngồi dậy, dụi tắt điếu thuốc và cởi bỏ áo giày. Cánh cửa phòng tắm mở ra. Bà thân mặc một bộ đồ ngủ rộng bằng hàng nội hóa, đến ngồi bên bàn chải tóc. Bà nhìn chồng trong tấm gương và giục :

— Mình đi tắm đi.

Ông Thân lặng lẽ bước vào phòng tắm, khép cửa lại. Bà Thân chải tóc xong, đứng lên, đi lại mép giường kéo sửa tấm vải trải giường cho được thẳng thốn. Xong bà kê lại hai chiếc gối ngay ngắn và nằm lên, nhìn những đường nứt run rẩy trên trần nhà. Bà ngồi dậy, đưa tay bật tắt ngọn đèn ống, rồi nằm xuống lại. Bà nghĩ đến những căn phòng khách sạn khác mà ông Thân đã đưa bà tới Nơi nào cũng không phải của riêng mình, nơi nào cũng của mọi người và không của ai hết. Tình thân mật vợ chồng không tìm gặp ở đó, những ân ái đã không thỏa nguyện hết. ước vọng mà còn trở thành những nhục nhằn đầy đọa. Đau khổ là những ấu yếm của chính người chồng, những âu yếm mà bà khẩn thiết kêu mời lại xô giạt vào bà cai mặc cảm âm ỉ, ray rứt, dày vò rằng tiết hạnh mình bị xúc phạm tổn thương. Ngủ với mỗi một người đàn ông mà ngủ ở nhiều nơi khác nhau thật cũng như ngủ với nhiều người đàn ông khác nhau. Tủi thân nhất là những lần gặp gỡ vào khoảng đầu tháng, buổi sáng, mặc xong quần áo, sắp trả phòng ra về, ông Thân mở ví lấy tiền lương đếm chia cho vợ. Bà Thân cầm tiền, cẩn mới tưởng như mình đã là điếm, một bà điếm chính chuyên.

Ông Thân đã tắm xong, bước ra, nằm xuống bên cạnh vợ. Căn phòng lờ mờ ánh sáng ngọn đèn đường lọc qua cành lá ngọn cây. Bà Thân ngắm khuôn lặng trang của ông Thân và tự hỏi :

— Chính chồng mình đó sao?

đi trên mùa hạ

■ **tiếp theo trang 28**

Khung trời chuyển màu xám và le lói vài cánh sao. Con trăng hình vòng cung lờ mờ. Có tiếng guốc lộp cộp gõ nhịp phía ngoài. Tôi biết Lý đến nhưng không ra. Lý gọi Quang ơi, Chị Năm ơi. Tôi lặng thinh. Lý thò đầu vào. Mái tóc dài ông ả che khuất một phía trán. Nàng hờn dỗi Đồ quỷ vậy mà hồng chịu lên tiếng. Tôi cười. Rủ Quang vô vườn chi vậy. Vô chơi. Có mục đích gì không. Thì hái vú sữa, hái mận, trái cây... Tôi hỏi có trái Lý không. Lý nói có. Tôi hỏi nhiều hay ít. Có một trái hà. Cho tôi được không. Lý nói được rồi hai đứa cùng cười. Hồi lâu, tôi ngước mắt nhìn thật sâu vào đôi mắt Lý. Đẹp thiệt Nàng bối rối cúi đầu xuống, vẻ mặt nghiêm trang. Thời gian chạy chầm chậm, thật chậm làm tôi muốn nghẹt thở. Lát sau, tôi hỏi : Sao bây giờ ít nói vậy. Mắc cở hả Lý. Nàng không trả lời, hỏi lại Chị Năm đâu Quang. Chị Năm đi vô vườn trước rồi, Chị dặn tụi mình đi xe lôi theo sau. Tôi nói dối như vậy và mỉm cười. Lý lại giẫy nẩy Ý hồng được đâu hồng được đâu. Vừa lúc ấy chị Năm đi ra. Tôi gọi xe. Cả ba cùng bước lên. Tôi nắm bàn tay mịn màng của Lý vuốt ve và hỏi : Thương Quang không. Lý mỉm cười không nói Thôi cám ơn cám ơn Thương hay hồng thương cũng được Tự dưng tôi thấy mình nổi nóng kỳ cục. Tôi thấy tôi bỗng nhiên xa lạ với chính tôi. Chắc bây giờ Vĩnh Long sắp chán tôi nữa rồi. Xe qua chiếc cầu đúc nhỏ. Tôi nghe tức bực lạ lùng. Tôi nhìn con nước mùa hạ mang những đám lục bình trôi bồng bềnh mà nghe tủi nhục cũng mênh mang. Tiếng súng từ xa dội về, tôi nghe lòng mình gọi mình Quang ơi ! Mùa hạ ơi !

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

23

viên đạn đồng chữ nói

NỮ gầm lên :

— Không đứa nào hại nổi tao.

Câu nói đanh thép đầy vẻ tự tin làm cho Niệm ngạc nhiên. Y trừng mắt nhìn Nữ, khó hiểu. Và y lại cố gắng thuyết phục :

— Khổ quá. Chẳng chịu hiểu gì hết.

— Chính chúng mày chẳng chịu hiểu gì hết. Sáng mai, một người...

Nữ im bặt lại, bỏ dở câu nói. Nàng biết đã lỡ lời. Nếu nàng tin sáng sớm mai Vinh sẽ tìm ra dấu vết trú ẩn của bọn khủng bố ở xóm Hạ, nàng phải giữ kín điều nàng biết, mọi sơ hở sẽ là một nguy hiểm ghê gớm cho Vinh. Bọn khủng bố có thể bố trí phục kích sát hại chàng dễ dàng. Người ta không đề phòng được kẻ đánh lén. Xóm Hạ có cây um tùm, đường vào khuất khúc, thiếu gì chỗ cho bọn chúng phục kích. Một mô đất, một hốc cây. Từ trong một hố cá nhân nhảy vụt lên. Hay từ trên một cành cao bắn chúc xuống. Một phát đạn lẻ nổ lẹt giữa lúc bất ngờ. Một mũi nhọn đâm lén từ sau lưng. Làm sao Vinh có thể đề phòng hết được. Hy vọng sẽ được Vinh tới cứu ở Nữ còn là một lo lắng không cùng cho Vinh khi nàng hình dung ra cảnh tượng ấy, lúc Vinh đặt chân vào vùng xóm Hạ hoang phế, và xóm Hạ như một cạm bẫy hiểm độc sẵn sàng xếp xuống. Nữ cắn chặt môi không nói nữa. Nhưng Niệm đã đoán ra. Y đổi hẳn sắc mặt. Da tái đi. Mắt long lên, tròng mắt ngùn ngụt ánh lửa ghen tức hờn oán.

Niệm nghiến răng :

— Một người. Một người đến cứu mày. Thằng nào ?

Nữ quay nhìn đi phía khác :

— Không có ai hết.

— Mày vừa nói mà. Thằng nào.

— Tao chẳng nói gì hết.

Một cái tát như trời giáng đánh vào mặt làm Nữ tối tăm mắt mũi. Cái tát đầy Nữ lăn đi một vòng. Nàng nằm úp xấp xuống. Bụi theo hơi thở vào đầy lồng ngực làm Nữ sặc sụa, cơ hồ muốn ngạt thở. Niệm hất mạnh cho Nữ nằm trở lại. Người con gái nhịn đau, không kêu, nhưng nàng thở dốc từng hồi, và hai hàm răng cắn vào môi đến toé máu. Tóc Niệm xõa xuống. Quai hàm y bạnh ra. Nét mặt y hoàn toàn đổi khác, chỉ còn là sự bừng bừng của một phản ứng bản năng và thú vật. Gã đàn ông lay Nữ, phũ phàng và tàn nhẫn như thân thể Nữ mà y hằng ham muốn điên cuồng chỉ là một đồ vật vô giá trị. Một cái bọc. Một cái gói.

— Nói.

Lay chán, y tát thêm cho Nữ một cái tát nảy lửa nữa, rồi ngồi đó, nhìn Nữ chằm chằm.

— Hừ, mày không nói, tao cũng thừa biết. Con này giỏi thật. Mày phản tao thì mày phải chết.

Niệm đứng lên đi đi lại lại. Những gót chân bực tức séo dẫm nền đất, như cày lên ở đó những đường cày lồng lộn. Điều y muốn quên, hay quá lắm chỉ muốn xem như một nghi ngờ không căn cứ lại hiện ra trong đầu óc. Sự hiện ra muốn làm Niệm phát điên lên. Trong lúc chờ rình ở con đường cụt phía sau xóm lá, con đường hướng về phía sân sau quận lỵ, y đã thoáng nhìn thấy một bóng người phía bên kia hàng rào. Ánh đèn bấm lóe lên khiến Niệm phải vội vã nằm xuống. Một tiếng sột soạt nổi lên. Tiếng động gây ra bởi sự kéo dạt đi một cái gì, rồi ánh đèn bên kia hàng rào tắt, và Niệm nhận ra cái bóng đen vừa đứng lên ở bên này là Nữ. Đêm hôm khuya khoắt, Nữ chui hàng rào sang bên kia quận để làm gì ? Câu hỏi kéo theo một trời nghi vấn. Trước đó, Niệm cũng tham dự phần nào vào cuộc tấn công đồn.

— Chúng ta không có mục đích đánh chiếm quận lỵ. Phải một lực lượng mạnh gấp bốn lần lực lượng chúng ta đang có mới mong đánh chiếm được. Nhưng cuộc bắn phá vẫn phải có. Để nói rằng chúng ta vẫn có mặt, vẫn làm chủ tình thế. Cuộc đánh phá tuy chỉ thu hẹp trong tính cách khuynh đảo căn não và tinh thần đối phương, nhưng có như thế ta mới làm được đối phương hoang mang, mất ăn mất ngủ.

Đó là chỉ thị trước giờ công đồn. Những công tác khác, khai diễn song song với cuộc bắn phá được phân phối, Niệm được giao phó một công tác khá nguy hiểm, nhưng y rất bằng lòng vì có lý do riêng. Đó là lén nhập vào phía hông quận, bằng cách mai phục trong xóm lá. Trong trường hợp tất cả những lực lượng phòng vệ quận lỵ rút ra ngoài, Niệm có thể tùy tiện cùng một đồng đội của y lẻn vào sân quận bằng lối sau, ném lựu đạn, hay gây một vài đám cháy để gây thành một thành tích chấn động. Niệm còn được lệnh là trong trường hợp bắt gặp quận trưởng, y có thể hạ sát hay bắt cóc. Nhưng điều Niệm không ngờ, là thay vì sự xuất hiện của quận trưởng, cái bóng hiện ra trước mắt y lại là Nữ. Nữ vừa từ trong sân quận âm thầm trở về lúc đó đã nửa đêm về sáng. Bây giờ Nữ nhắc đến một người, một người có đủ sức mạnh và quyền uy đến giải thoát cho nàng, người đó là ai, có thể là ai, nếu không là tên quận trưởng trẻ tuổi. Chúng nó đã gặp nhau. Chính Nữ đã tìm đến. Chúng nó đã làm gì với nhau ? Đêm lạnh lùng gió thổi. Những đêm lạnh lùng gió thổi là những đêm lý tưởng cho nhục dục và ham muốn bốc cháy, có là gỗ đá vô tri thì chúng nó mới không làm tình với nhau. Cảnh tượng chỉ hình dung được bằng tưởng tượng còn hành hạ Niệm đau đớn hơn là chính mắt y nhìn thấy. Sự ngờ vực, sự bàn tín bán nghi là trừng phạt ghê gớm nhất, và Niệm đang chịu đựng sự trừng phạt đó, như chịu đựng một cực hình. Lần đầu tiên, y cảm thấy nhục nhã ê chề. Y đã bị thua. Y chạy đuổi theo Nữ. Nữ đã trở thành một cần thiết đêm ngày khủng khiếp. Nữ đã trở thành một ám ảnh thần trí không rời, y sống bằng Nữ, Nữ ở trong y, vậy mà Nữ xem thường y quá đỗi, và Niệm xem cái việc Nữ hiến dâng thân thể nàng cho tên quận trưởng mới như một phản bội không thể nào tha thứ được.

— Hừ, chúng mày giỏi lắm.

Trong tay y, đêm nay, Nữ là một con bài. Phải xử dụng Nữ như thế nào ? Điều này, Niệm biết y không có đủ tư cách để quyết định. Trên y, còn có những kẻ lớn hơn, những kẻ định đoạt được cho y còn được sống hay phải chết. Y đã làm xong nhiệm vụ là bắt cóc Nữ, đem về xóm Hạ cho cấp trên định đoạt. Số phận Nữ thật mong manh, hơn ai hết, Niệm biết rõ như vậy. Thù ghét Nữ, nhưng Niệm vẫn yêu. Yêu ghê gớm. Cho nên vừa muốn cho những điều bất hạnh ghê gớm xảy đến cho Nữ, Niệm lại vừa muốn cứu nàng. Đầu óc mê đắm vì tình của tên khủng bố chợt lóe lên một tia sáng hy vọng. Nhân cơ hội bất ngờ này, làm thế nào cho Nữ khỏi bị giết chết nhưng cũng không thể trở lại xóm lá. Niệm đứng ngây người. Cơn giận bừng bừng như 1 ngọn triều dâng lên rồi hạ thấp dần dần. Tưởng tượng đã lại dần Niệm đi thật xa, đi thật xa vào một giấc chiêm bao. Y sẽ trở thành một kẻ phản bội. Chẳng công tác, chẳng đoàn thể nữa. Đoạn tuyệt với những đêm lén lút, những giờ phút rình rập, với lưỡi dao, với khẩu súng. Y đã giết quá nhiều người rồi. Thân thể y đã tắm đẫm trong máu huyết của tội ác do chính y gây ra. Tội ác ! Nghĩ đến lúc nào Niệm lại rùng mình lúc đó. Người lạnh buốt đi. Những chân tóc dựng đứng. Y sẽ trốn đi. Mang Nữ theo. Đưa nàng đến một vùng nào thật xa xôi khuất nẻo không thể tìm được đường về. Ở vùng xa xôi khuất nẻo ấy, Niệm sẽ sống với người đàn bà là nguồn ham muốn bất tận của y những tháng ngày còn lại. Y sẽ tạo ra một thế giới biệt lập, khép kín, chỉ có mình y và Nữ, không bao giờ có bóng dáng của kẻ thứ ba. Nữ sẽ trở thành vật sở hữu mãi mãi của y mà không còn kẻ nào chiếm đoạt được.

■ còn nữa

nhìn rõ mặt thơ

■ tiếp theo trang 7

thuật thơ, hình thức thơ, cứu cách thơ.

Ví dụ thế này nhé. Chúng ta chế tạo vũ khí. Chúng ta nêu lên những câu hỏi : thanh gươm mà ta sắp tạo ra nên cho nó một hình thể như thế nào? Kỹ thuật chế tạo phải ra làm sao ? Nung và tôi, mài và rũa như thế nào ? Thanh gươm chế tạo ấy cốt để làm gì ? Để bày chơi, trang trí trong phòng khách hay cho nhu cầu chiến trường ? Hỏi như thế các anh đều thấy rằng cái vấn đề hình thức nó có liên hệ với kỹ thuật và vấn đề kỹ thuật không thể không dính liu với cứu cánh. Nhưng tất cả những thắc mắc ấy đều lệ thuộc vào một thắc mắc lớn hơn : Chất liệu mà ta được cung cấp là cái gì ? Kim khí của ta có. Sức chịu đựng nào. Sức nung chảy và sức kháng của nó ra sao ? Nếu nó vốn dĩ chỉ là một thứ chì mềm nhũn mà nói đến sắc bén, nói đến nhu cầu chiến trường thì khôi hài lắm. Nếu nó vốn dĩ là gỗ thì nói đến nung và tôi làm gì. Phải đẽo và gọt chớ. Cũng thế, tôi nghĩ rằng vấn đề lớn của thơ nó như thế đấy. Thơ nó là cái chất gì ? Hợp kim cứng hơn thép hay là chì mềm ? Một loại sắt thông dụng hay chỉ là gỗ ? Thơ là gì ? Phải tìm hiểu cho thật rõ cái bản chất của nó mới có thể xác định được nó để làm gì, nó nên hướng đến đề tài nào, nên mặc lấy hình thức nào, kỹ thuật nào. Một người khác có thể chỉ trích ngay ; anh nói thế không được. Tôi cho rằng tất cả phải lệ thuộc vào vấn đề cứu cánh mới đúng Phải biết mình nhắm vào cái gì đã. Cái nhắm tới đó sẽ quyết định kỹ thuật và có thể sẽ đổi thay cả bản chất. Người thứ nhì có thể cất tiếng : Viết cho ai ? Phải giải quyết vấn đề nàv đi. Giải quyết được nó là xong hết. Một khi biết rằng viết cho ai rồi rồi thì tất nhiên sẽ biết ngay phải viết thế nào và để làm gì ? Được lắm ! Những lý luận này nghe được lắm. Nhưng tôi cứ bản chất đã. Rồi kỹ thuật, cứu cánh. Có thể, nhân câu hỏi trên đã nêu lên, thêm vào một tý thơ cho ai ? Sau đó, cuộc phiêu lưu theo trình tự này đã chấm dứt, ta có thể sẽ mở một cuộc phiêu lưu mới theo những trình tự khác biệt kia Những cuộc phiên lưu khác nhau này nên, lắm đáng lắm. Để xem nó ra làm sao. *(còn nữa)*

---

người thời nay và sự chết

● tiếp theo trang 27

hành động đó khởi từ những lý do thầm kín chi phối bởi một sinh hoạt vô thức — cái phần *vô thức tập thể* inconscient collectif nói lên khuynh hướng tự diệt của tuổi trẻ thời nay. Tại sao tự diệt. đã biết rồi đó.

Người thời nay mở mắt ra là nhìn thấy cái bóng dáng của cái chết đang rình rập. Những cuộc chiến đã xảy ra, còn tiếp diễn hay đang hăm dọa. Riêng trên mảnh đất này, mặt báo hàng ngày công khai đăng tin chiến sự kèm theo số tổn thất nghĩa là số người chết, thỉnh thoảng một vài cây cầu bị sập, vài chiếc xe nhà binh lật giữa lộ trên đường về tỉnh. Đó là cuộc chiến hay là những sửa soạn cho một chiến tranh? Nhưng điều chắc chắn là nỗi ám ảnh của cái chết, là cái chết. Chẳng phải chỉ là đất nước này. Đừng nhìn vào những tuổi trẻ phóng túng với khói thuốc, rượu mạnh và tốc độ của một lối sống gọi là« hiện sinh» (tại sao hiện sinh, nghĩa là tại sao lầm lẫn đó) đừng nhìn vào sự xuất hiện của những ban nhạc gào thét huyên náo để kết luận vội vã rằng những tuổi trẻ đó đang hưởng thụ tận cùng đời sống nghĩa là không biết gì về cái chết,rằng tuổi trẻ đó như một quên lãng hoàn toàn kể cả sự lãng quên cái chết. Nỗi ám ảnh vẫn đâu đó, nơi những tuổi trẻ đó. Đừng quên phần vô thức sâu thẳm tưởng như mờ nhạt thực ra lắng đọng : nỗi ám ảnh ma quái lẩn quất đâu đây nhưng cũng không rời. Hoặc giả là cứ nhìn vào đó, nhưng hãy thêm một chút suy luận hiểu rằng mặt trái che dấu của những sinh hoạt náo nhiệt của đời sống chỉ là một cõi chết im lặng lạnh lùng. Và sự hưởng thụ đó còn nói lên niềm tiếc thương. Và sự quên lãng đó như một liều thuốc trị. Chữa trị nỗi ám ảnh và tiếc thương đời sống, một đời sống *đối diện* với cái chết. Đời sống có hoa lá, có mặt trời và ánh sáng, có bờ biển và những tấm thân, có môi hôn và tuổi trẻ thì rực rỡ. Nhưng cái chết thì không có gì. Carpe diem. Và những người trẻ tuổi thời nay ít ra cũng tìm được một lời biện minh — cho dù họ có biến tuổi trẻ trở thành nỗi tiếc thương.

(1) Tant que nous sommes, la mort n'est pas là, et dès que la mort est là nous ne sommes plus.

(2) La philosophie n'est pas une méditation sur la mort, mais sur la vie — Métaphysique de la mort

(3) L'homme cache sa mort comme il cache sonsexe, comme il cache ses excrément — Edgar Morin, L'homme et la mort dans l'histoire, p331.

(4) ..que la conscience de la vie est radicalement con science de la mort — Merleau-Ponty, Sens et Non-Sens, p 132

(5) ..que seul un sujet peut mourir..,un sujet seulement peut s'anéantir entièrement — François Cuzin, art. Notes sur la mort d'autrui, trong Revue de métaphys que et de morale, 58e année, p 391

(6) La vie n'est pensable que comme offerte à une conscience de la vie qui la nie — Merleau-Ponty, op cit p 133

(7) La conscience de la mort va de pair avec l'individualisation humaine — P. L. Lansberg, Essai sur l'expérience de la mort, p 26

(8) Vài chỗ nêu dẫn G. Marcel : trong Le Mystère de l'être, tome1, Chapitre Le monde cassé, tome 2 Chapitre La mort et l'espérance

(9) thơ Cao Thoại Châu. *(còn nữa)*

NGƯỜI VIỄN KHÁCH...

tiếp theo trang 4

sau «Thành Cát Tư Hãn» của Vũ khắc Khoan. được đem lên sân khấu, «Vở kịch đòi hỏi nhiều công phu luyện tập cũng như tốn phí lớn lao» như trường đã loan báo.

Nhưng kịch trình diễn với nhiều chỗ cắt xén và, khi đem lên sân khấu, ban kịch chưa phân biệt được kịch bản và kịch trình diễn. Nhất là, màn mộ và màn vĩ thanh ban kịch tỏ ra bối rối không biết phải diễn làm sao cho khán giả theo dõi và hiểu được nội dung vở kịch. Thành thử có nhiều đoạn ban kịch cho đóng màn lại để đọc lên những mẩu đối thoại của các nhân vật, khán giả không tài nào theo dõi kịp (trừ phi có đọc kịch bản trước) nhiều người bỏ ra về ngay từ màn đầu, một số khác kiên nhẫn nán lại cố gắng theo dõi.

Tuy nhiên. với sinh hoạt nghệ thuật mờ nhạt hiện tại trong những sinh hoạt khác bề bộn và tấp nập, việc đem trình diễn vở kịch *Người viễn khách thứ 10*. ít nhất cũng là một việc làm có suy nghĩ, và cần thiết có những việc làm như vậy.

X.T ghi

việt nam kỹ nghệ

CƠ KHÍ CÔNG TY (S.O.V.I.M.I.)

11, Công Trường Mê Linh — Saigon

sản xuất

- Giây sên xe gắn máy và xe đạp « N.V.D. »
- Các loại niền nhôm cho xe gắn máy, xe đạp, xe trẻ em « DURALUX »

VISO – Lessive forte –
désincruste à fond toute la crasse

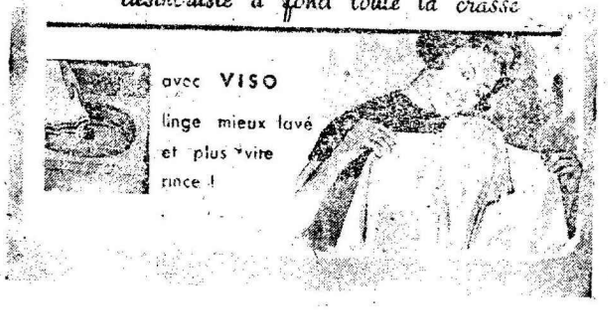

Để đóng giày ở tiệm đóng giày danh tiếng nhất thủđô hiện nay

GIA

89, Hoàng Diệu — KHÁNH HỘI

- Tất cả những kiểu giày mới nhất ở các kinh thành thế giới
- Đúng catalogue 100/100

VÀ GIẦY PHỤ NỮ CÁC KIỂU

NHÀ XUẤT BẢN

TIA SÁNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

NẮNG SỚM MƯA CHIỀU	*Ngọc-Linh*
CHO MƯỢN CUỘC ĐỜI	*Thanh-Nam*
BƠ VƠ	*An-Khê*
NHỮNG KẺ NGOẠI TÌNH	*Văn-Quang*
TUỔI TÌNH YÊU	*Hoài-điệp-Tử*
YÊU TRONG HOÀNG HÔN	*Ngọc-Linh*
ĐỪNG HỎI TẠI SAO	*Truyện dài của Bình nguyên Lộc*
DANH GIÁ	*Truyện dài của bà Tú Hoa*

SẮP PHÁT HÀNH :

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

ĐANG IN :

MƯA ĐÊM TỈNH NHỎ	*Thanh-Nam*
GIÒNG ĐỜI	*bà Tùng-Long*

nghệ thuật

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

Mỗi số	8 đồng
Sáu tháng	180 đồng
Một năm	300 đồng

Công sở giá gấp đôi

Thư từ bài vở gửi **THANH NAM**

Tiền bạc, ngân phiếu xin đề Ông Từ **NGỌC TOẢN**